

BÁO CÁO THAM LUẬN

I. Năm 2022, tình hình thế giới, khu vực, trong nước có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ, vượt ra khỏi khả năng dự báo, đặt ra nhiều thách thức đối với nhiệm vụ bảo đảm ANTT. Song dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ của Quân đội nhân dân, các bộ, ban, ngành, địa phương; sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp và sự ủng hộ, giúp đỡ của Nhân dân và bạn bè quốc tế; lực lượng CAND đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm ANTT góp phần giữ vững ổn định chính trị, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của đất nước, kết quả nổi bật là:

Một là: Lực lượng Công an đã làm tốt hơn công tác tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương những giải pháp cơ bản, chiến lược về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ lợi ích, an ninh quốc gia, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển KT-XH. Cụ thể: (1) Đã tham mưu Chính phủ các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế; (2) Tham mưu thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Việt Nam với các đối tác; bảo đảm lợi ích khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do; (3) Tham mưu Chính phủ có giải pháp giải quyết các dự án kinh tế kém hiệu quả, thua lỗ, là gánh nặng cho ngân sách nhà nước. (4) Tham mưu các giải pháp bảo đảm an ninh xã hội, an dân, nâng cao chất lượng, đời sống của nhân dân.

Hai là: Đã nỗ lực hơn, hành động quyết liệt hơn, đánh đúng, đánh trúng, đập tan mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, giữ vững thế chủ động chiến lược, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nội địa, giữ vững ổn định chính trị để phát triển đất nước. Đặc biệt là đã chủ động bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh kinh tế, an ninh công nhân, an ninh hoạt động đầu tư nước ngoài, an ninh tài chính tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp, bắt động sản.

Ba là: Công tác phòng, chống tội phạm đạt nhiều kết quả quan trọng, đạt và vượt nhiều chỉ tiêu Quốc hội giao, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội, góp phần từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh, thực sự là “điểm tựa bình yên” cho người dân và doanh nghiệp. Năm 2022, đã điều tra, khám phá 38.028 vụ phạm tội về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 84,5% (cao hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra 9,5%); triệt xóa 572 băng nhóm tội phạm có tổ chức. Do triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống tội phạm, nên trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm có sự chuyển biến tích cực, kiềm chế gia tăng tội phạm (giảm 9,57% so với cùng năm 2019), tai nạn giao thông, cháy nổ giảm.

Công tác đấu tranh với tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, tội phạm ma túy, tội phạm môi trường được tập trung chỉ đạo quyết liệt và đã đạt được những kết quả quan trọng. Bộ Công an đã tập trung điều tra làm rõ các vụ án kinh tế, tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo theo phương châm "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", "xử lý một vụ, cảnh tỉnh cả vùng, cả lĩnh vực" như vụ tập đoàn FLC, tập đoàn Tân Hoàng Minh, tập đoàn Vạn Thịnh Phát, vụ Việt Á... qua đó đã góp phần ổn định, minh bạch thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, tạo môi trường lành mạnh, an toàn để các doanh nghiệp cạnh tranh đúng pháp luật (Năm 2022, đã phát hiện, xử lý 5.651 vụ phạm tội về trật tự quản lý kinh tế (nhiều hơn 22,03% số vụ so với cùng kỳ năm 2021); 533 vụ phạm tội về tham nhũng và chức vụ (nhiều hơn 46,43% số vụ so với cùng kỳ năm 2021); 26.119 vụ phạm tội ma túy (ít hơn 0,27% số vụ so với cùng kỳ năm 2021); 816 vụ phạm tội về môi trường (nhiều hơn 0,99% số vụ so với cùng kỳ năm 2021).

Bốn là: Công tác quản lý nhà nước về ANTT gắn với cải cách thủ tục hành chính đạt nhiều kết quả quan trọng, triển khai quyết liệt dịch vụ công trực tuyến được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, “đột phá” để thực hiện chuyển đổi số trong CAND (Bộ Công an đã cung cấp 227 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong đó có 223 dịch vụ được cung cấp trên Cổng dịch vụ Công BCA). Là đơn vị gương mẫu, đi đầu trong triển khai Đề án 06 của Chính phủ trên tất cả các lĩnh vực góp phần phục vụ công tác quản trị xã hội theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch, công bằng, chống tiêu cực, nổi bật: (1) Hoàn thành 09/11 dịch vụ công thiết yếu mức độ 4; đã kết nối chính thức với 12 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước, 03 doanh nghiệp viễn thông và 31 địa phương; (2) Cung cấp thí điểm giải pháp chấm điểm tín dụng công dân trên nền tảng dữ liệu dân cư để kiểm sát, đánh giá rủi ro trong quá trình cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp (Triển khai thí điểm cung cấp dịch vụ cho 03 ngân hàng; làm sạch 02 triệu thông tin tín dụng ngân hàng); (3) Đẩy mạnh phát triển công dân số, đưa Việt Nam chính thức là một trong những nước có định danh điện tử quốc gia (đến nay đã thu nhận hơn 17,8 triệu hồ sơ; phê duyệt hơn 16 triệu tài khoản định danh điện tử); (4). Triển khai một số kết nối, chia sẻ dữ liệu khác như: Triển khai các giải pháp hỗ trợ các đoàn thể xây dựng hệ thống dữ liệu quản lý đoàn viên, hội viên; triển khai kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao di động...

Năm là: Bộ Công an tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường lực lượng cho cơ sở nhằm chủ động nắm tình hình, tham mưu giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự ngay từ đầu và ngay từ cơ sở, qua đó giúp lực lượng Công an ngày càng gần dân, gần bó mật thiết với nhân dân và chính quyền cơ sở, phục vụ tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân. Đồng thời Bộ Công an đã chủ động tham mưu ban hành Nghị quyết số 12 ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng Lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 12 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tầm

chiến lược, thể hiện sự quan tâm sâu sắc và niềm tin tưởng tuyệt đối của Đảng, Nhà nước và Nhân dân đối với lực lượng CAND. Đây là tiền đề rất quan trọng để xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại vào năm 2030, từ đó đáp ứng tốt yêu cầu công tác bảo đảm ANTT trong tình hình mới.

II. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết của Chính phủ năm 2023, Bộ Công an đề nghị:

1. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương phải triển khai quyết liệt, hiệu quả hơn nữa trong việc thực hiện đề án 06 của Chính phủ, trong đó đề nghị cần nhanh chóng chia sẻ, kết nối dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo xác thực, đồng bộ, thông suốt. Đề nghị các Tỉnh ủy, Thành ủy cần ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn.

2. Đối với việc thực hiện Nghị quyết 12 của Bộ Chính trị: (1) Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị; (2) Đề nghị các ban, bộ, ngành, địa phương cần cụ thể hóa Nghị quyết số 12 của Bộ Chính trị bằng các Nghị quyết, Chỉ thị để tổ chức triển khai thực hiện; (3) Đề nghị các Tỉnh ủy, Thành ủy sớm phê duyệt, thông qua Đề án về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tiếp tục quan tâm, chăm lo xây dựng lực lượng Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vững mạnh, toàn diện, trong đó tập trung quan tâm, tạo điều kiện cấp kinh phí đầu tư xây dựng cơ vật chất, trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị cho lực lượng Công an, nhất là lực lượng Công an cơ sở, Công an xã.

Nhân Hội nghị này, thay mặt Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Công an, xin chân thành cảm ơn Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí Phó Thủ tướng, các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ, giúp đỡ lực lượng Công an nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian qua; mong rằng tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, giúp đỡ của các đồng chí thời gian tới. Nhân dịp năm mới sắp đến, xuân Quý Mão, kính chúc đồng chí Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, các đồng chí Phó Thủ tướng, các đồng chí lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương và toàn thể các đồng chí dồi dào sức khỏe, gia đình hạnh phúc và thắng lợi./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

I. VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KT-XH NĂM 2022

1. Năm 2022, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân triển khai sâu rộng nhiều chủ trương, chính sách mới phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Bên cạnh thuận lợi là cơ bản, đất nước ta cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Song, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, đất nước ta vẫn tiếp tục đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực; chính trị, xã hội cơ bản ổn định; kinh tế phục hồi tích cực (*đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu chủ yếu*). Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. GDP ước đạt khoảng 8,02%, vượt mục tiêu đề ra 6 - 6,5%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng hàng đầu khu vực (*Bình quân đầu người 4.110 USD*).

Nhiều vấn đề lớn về thể chế, pháp luật đã được tháo gỡ, tạo không gian, nguồn lực cho phát triển KTXH. Công tác an sinh xã hội được quan tâm; công tác điều hành giá được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả; bảo đảm cân đối các mặt hàng thiết yếu; cải cách hành chính, thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện và đi vào chiều sâu... Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường, tiềm lực, vị thế đất nước tiếp tục được nâng cao, nhân dân luôn tin tưởng vào những chủ trương, quyết sách đột phá, chiến lược, đổi mới, sáng tạo, thích ứng của Đảng, Nhà nước.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của BQP

- QUTW và BQP đã chủ động, nhạy bén, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống về QS,QP, nhất là chủ trương, đối sách bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo và xử lý tác động từ cuộc xung đột quân sự Nga - Ucraina và điều chỉnh chiến lược của các nước lớn. Phát huy tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chất lượng tổng hợp, sức mạnh, trình độ và khả năng SSCĐ của toàn quân được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Ban hành và triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số **01** ngày 08/01/2022 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số **02** ngày 10/01/2022 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh

tranh quốc gia năm 2022; Nghị quyết số **11** ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH thực hiện Nghị quyết số **43** của Quốc hội khóa XV về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH. Cơ quan, đơn vị trong toàn quân căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đã quán triệt mục tiêu, nội dung và cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai thực hiện hiệu quả.

- Toàn quân duy trì nghiêm chế độ SSCĐ, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, ngoại biên, không gian mạng, nhất là các địa bàn chiến lược, trọng điểm. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Triển khai hiệu quả trình sát điện tử, tác chiến không gian mạng, bảo đảm thông tin liên lạc, cơ yếu đáp ứng các nhiệm vụ. Chủ động phương án, kịp thời điều động trên **105.000** lượt bộ đội, dân quân tự vệ, trên **5.800** lượt phương tiện phòng, chống hiệu quả thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, nhất là cứu nạn trên biển, khắc phục hậu quả bão số 3, số 4 và mưa lũ tại các tỉnh Bắc Bộ, miền Trung.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Đến hết tháng 11/2022, BQP giải ngân được **9.641,2/12.100,27** tỷ đồng (đạt **83,38%**) kế hoạch được giao, cao hơn **22%** tỷ lệ giải ngân trung bình toàn quốc (đạt **58,33%**); phấn đấu đến ngày 30/01/2023, giải ngân hết **100%** số vốn được Chính phủ giao năm 2022.

II. ĐỐI VỚI VIỆC TRIỂN KHAI KẾT LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2023

Tôi đồng tình với phương châm hành động và trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thời gian tới, đề nghị:

1. Về tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế: Tăng cường quản lý nhà nước về giá; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ thao túng thị trường; làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, hạn chế yếu tố tâm lý do tác động tăng giá; cân bằng ổn định hệ thống thanh khoản, giao dịch ngân hàng. Triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, 03 chương trình mục tiêu quốc gia,...

2. Về tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh: Giữ vững thành quả phòng, chống dịch Covid-19, theo dõi, nắm chắc tình hình dịch bệnh, có phương án ứng phó hiệu quả với các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra, nhất là dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân và các tổ chức xã hội đề cao trách nhiệm với cộng đồng.

3. Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, đẩy nhanh tiến độ một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia, có tính liên kết vùng và hạ tầng đô thị lớn; giải quyết tốt các điểm nghẽn về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng.

4. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội: Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng thực hiện tốt chức năng tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước có chủ trương, đối sách xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ. Trong đó, tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Triển khai hiệu quả các chiến lược, đề án, dự án, hệ thống pháp luật về QS,QP. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp cơ bản, lâu dài giải quyết vấn đề biển đảo. Tham mưu hoàn thành có chất lượng tổng kết Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và sơ kết các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị về chiến lược QS,QP.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp quốc phòng với KT-XH. Điều chỉnh thể bố trí lực lượng phù hợp với tiến trình điều chỉnh tổ chức Quân đội.

- Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội; duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, tăng cường trinh sát điện tử, tác chiến không gian mạng, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, các hoạt động phát triển kinh tế biển; phối hợp giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn cả nước.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự, chủ động ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là phòng, chống dịch bệnh. Phát huy vai trò của Quân đội trong xử lý các tình huống khẩn cấp quốc gia./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

1. Bộ Ngoại giao nhất trí với Báo cáo về công tác chỉ đạo điều hành và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2022, phương hướng, nhiệm vụ 2023 và dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 2023.

2. Trong khuôn khổ Hội nghị hôm nay, tôi xin đóng góp 3 nhóm ý kiến:

2.1. Nhìn lại năm 2022, tình hình thế giới và khu vực diễn biến rất phức tạp, khó đoán định, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ. Kinh tế toàn cầu đối mặt với áp lực lạm phát cao kỷ lục, nhiều nền kinh tế lớn mất đà phục hồi, nhiều nước phải đánh đổi giữa lạm phát và tăng trưởng, thậm chí một số nước đang phát triển rơi vào bất ổn chính trị - xã hội. Trong bối cảnh đó, việc nước ta duy trì tốt ổn định kinh tế vĩ mô, đạt mức tăng trưởng 8,02% - nằm trong nhóm tăng trưởng cao hàng đầu khu vực, quy mô GDP vượt 400 tỷ USD, xuất khẩu vượt 700 tỷ USD, an sinh xã hội được bảo đảm là các kết quả rất có ý nghĩa, không chỉ tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững của giai đoạn 2023-2025.

Kết quả này có được là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự đồng hành, giám sát của Quốc hội, sự điều hành quyết liệt, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm, bám sát diễn biến tình hình của Chính phủ, sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị và sự ủng hộ của nhân dân, bạn bè quốc tế. Thành tựu phát triển kinh tế-xã hội của nước ta được các nước, các tổ chức quốc tế và cộng đồng doanh nghiệp ngưỡng mộ, đồng thời việc thực hiện toàn diện, hiệu quả đường lối đối ngoại, ứng xử trách nhiệm của Việt Nam trong các vấn đề lớn của quốc tế và khu vực góp phần tiếp tục nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Có rất nhiều bài học trong báo cáo đã nêu, xin nhấn mạnh bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Ta đã kịp thời bắt nhịp với quá trình mở cửa lại của các nước để chủ động đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại cả song phương và đa phương¹, đưa kinh tế trở thành trọng tâm trong hơn 100 hoạt động đối ngoại Cấp cao² năm 2022 với hơn 100 văn kiện, thỏa thuận hợp tác kinh tế được ký kết và đang được các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai. Công tác ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh với việc Ban Bí thư ban hành

¹ Các hoạt động đối ngoại đa phương được triển khai hiệu quả trong khuôn khổ ASEAN, APEC, Liên hợp quốc, ta được bầu làm Phó Chủ tịch ĐHQĐ Liên hợp quốc khóa 77 và trúng cử Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2023-2025.

² Trong năm 2022, các đồng chí Lãnh đạo Cấp cao đã có nhiều hoạt động với những kết quả quan trọng thực chất về kinh tế, tiêu biểu là chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; Chủ tịch nước thăm chính thức Hàn Quốc, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a; Thủ tướng Chính phủ dự Hội nghị Cấp cao ASEAN 40-41, ASEAN-EU, dự Hội nghị cấp cao đặc biệt ASEAN-Mỹ, thăm và làm việc tại Mỹ và Liên hợp quốc, thăm chính thức Campuchia, Lức-cem-bua, Hà Lan, Bỉ; Chủ tịch Quốc hội thăm chính thức Campuchia, Phi-líp-pin, Úc, Niu-Di-lân, châu Âu...

Chỉ thị 15-CT/TW ngày 10/8/2022, khẳng định NGKT là một động lực quan trọng để phát triển đất nước nhanh và bền vững và Chính phủ dự kiến sẽ ban hành Chương trình hành động triển khai trong những ngày tới.

2.2. Bước sang năm 2023, môi trường quốc tế và khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều biến động, nhiều mặt sẽ khó khăn, thách thức hơn. Tôi xin nhấn mạnh *ba đặc điểm* đáng chú ý:

Thứ nhất, các điểm nóng địa chính trị tiếp tục tác động toàn diện, sâu sắc tới cục diện chính trị - an ninh, kinh tế toàn cầu. Gia tăng cạnh tranh, đối đầu, phân cực giữa các nước sẽ ngày càng rõ nét hơn.

Thứ hai, kinh tế toàn cầu đứng trước nguy cơ suy thoái kỹ thuật trong ngắn hạn, đồng thời tiếp tục chuyển đổi sâu sắc trong trung và dài hạn cả về cấu trúc thương mại – đầu tư, quản trị toàn cầu và liên kết kinh tế quốc tế.

Thứ ba, khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, được đánh giá là trọng tâm của kinh tế thế giới, là động lực tăng trưởng, đồng thời là trung tâm của nhiều liên kết, sáng kiến kinh tế mới của các nước.

2.3. Năm 2023 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2021-2025, là năm tạo đà quan trọng hướng tới hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030. Trong bối cảnh bên ngoài gia tăng bất ổn, cạnh tranh, chúng ta cần kiên định “ổn định bên trong”, kiên trì “phát triển bền vững”, kiên quyết giữ vững “tự chủ”, “tự cường” trên cơ sở đa phương hóa, đa dạng hóa, tận dụng mọi cơ hội, phát huy tối đa mọi nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới.

Đối với Ngành Ngoại giao, Nghị quyết của Đại hội XIII, ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc và Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 31 đã chỉ rõ cần **“tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại”**. Trong bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển của đất nước hiện nay, ngành Ngoại giao xác định đặt ưu tiên cao nhất cho năm 2023 là củng cố môi trường hòa bình, ổn định, duy trì cục diện đối ngoại thuận lợi phục vụ phát triển; tranh thủ mọi điều kiện quốc tế và nguồn lực bên ngoài để tăng cường nội lực, phục vụ mục tiêu ổn định vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, nâng cao vị thế đất nước. Trong đó, trọng tâm của công tác ngoại giao kinh tế trong năm 2023 gồm:

Thứ nhất, đưa hợp tác kinh tế trở thành nội dung cơ bản, trung tâm của hoạt động đối ngoại cấp cao nhằm thúc đẩy xuất khẩu, đa dạng hóa các thị trường, mở ra các thị trường ngách, thị trường mới có tiềm năng, tận dụng hiệu quả các FTA, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao (trong đó có lĩnh vực công nghệ cao, điện tử, bán dẫn), các nguồn tài chính mới, tài chính xanh...

Thứ hai, tranh thủ các xu hướng mới trong liên kết kinh tế quốc tế để thiết lập quan hệ với các đối tác chủ chốt, tạo đột phá trong hợp tác quốc tế ở một số lĩnh vực quan trọng như chuyển đổi xanh, kinh tế số, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo...

Thứ ba, đẩy mạnh ngoại giao đa phương trong lĩnh vực kinh tế, chủ động tham gia, tận dụng hiệu quả, cân bằng các sáng kiến của các nước lớn để huy động nguồn lực cho phát triển trên cơ sở bảo đảm lợi ích của Việt Nam.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu, theo dõi sát tình hình, điều chỉnh chính sách của các nước để kịp thời cảnh báo “từ sớm, từ xa” các rủi ro, bất ổn. Đẩy mạnh nghiên cứu chiến lược phục vụ xây dựng tư duy về nền kinh tế độc lập, tự chủ, gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022 đã khép lại với nhiều biến động phức tạp, khó lường, khó khăn nhiều hơn thuận lợi, nhưng với kết quả đạt được về kinh tế - xã hội trong nước thông qua các chỉ số báo cáo tại Hội nghị cho thấy sự nỗ lực vượt bậc của toàn hệ thống chính trị. Thành công đó đã khẳng định một lần nữa sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta, sự giám sát, đồng hành của Quốc hội, sự quyết tâm cao, hành động quyết liệt, sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự đồng lòng, thống nhất thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

1. Tình hình nhiệm vụ đã thực hiện của Bộ Nội vụ

Ngày 29/12/2022 vừa qua, Bộ Nội vụ đã tổ chức thành công Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023. Đến dự và chỉ đạo Hội nghị có Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, đại biểu đại diện cho các cơ quan Trung ương cùng 345 công chức, viên chức của Bộ Nội vụ tại điểm cầu Hà Nội và hơn 2.500 cán bộ, công chức ở các điểm cầu địa phương dự trực tuyến. Những kết quả nổi bật trong công tác của Bộ Nội vụ trong năm 2022 đã góp phần tích cực vào thành công chung trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ngay từ ngày đầu của năm 2023, Bộ Nội vụ đã tích cực triển khai nhiệm vụ. Cụ thể là:

Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ đề ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, bảo đảm các nhiệm vụ của Bộ Nội vụ được thực hiện xuyên suốt, đúng hạn và có chất lượng.

Bộ Nội vụ đã chủ động đề ban hành Quyết định về Chương trình công tác năm 2023 của Bộ, theo đó, mỗi đơn vị của Bộ đăng ký thực hiện ít nhất 10 nhiệm vụ trong năm, bảo đảm có sản phẩm, cấp trình, hạn trình theo đúng chương trình công tác đề ra.

2. Đề xuất một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

Bộ Nội vụ đề xuất một số nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 như sau:

Một là, tiếp tục xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, giảm đầu mối trung gian; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót hoặc không rõ chức năng, nhiệm vụ. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, gắn với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Hai là, đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, tuyên dụng nhân tài; thể chế chủ trương của Đảng về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; sửa đổi chính sách, pháp luật để liên thông cán bộ từ cấp xã tới cấp huyện, cấp tỉnh.

Ba là, tiếp tục làm tốt vai trò, trách nhiệm Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ trong việc thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, lấy người dân làm trung tâm, làm chủ thể, lấy sự hài lòng làm thước đo hiệu quả công tác cải cách hành chính

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với bộ, ngành và với chính quyền địa phương nhằm khơi thông rào cản phát triển, phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ của địa phương, gắn kiểm tra, kiểm soát quyền lực và bố trí nguồn lực, điều kiện cần thiết để thực hiện phân cấp, phân quyền hiệu quả.

Năm là, triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022 - 2025. Phấn đấu hoàn thành trong 2 năm 2023, 2024 để ổn định tổ chức đại hội Đảng các cấp vào năm 2025; đồng thời đẩy mạnh việc thành lập các đơn vị hành chính đô thị gắn nâng cao chất lượng đô thị, thúc đẩy tốc độ đô thị hóa theo chủ trương của Đảng, phù hợp với quy hoạch vùng, địa phương.

Sáu là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Chính phủ, tích cực tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu về Cán bộ, công chức, viên chức đã được khai trương và đi vào vận hành với các cơ sở dữ liệu khác để cùng Chính phủ sớm hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần thành công trong mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Bộ, ngành Tư pháp đã tham gia tích cực, trách nhiệm vào quá trình xây dựng Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/01/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới"; tập trung tham mưu thể chế hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng chính sách, nhiệm vụ trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và thực hiện Định hướng xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Chất lượng các quy định pháp luật cũng ngày càng được cải thiện. Theo kết quả đánh giá của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật của Việt Nam năm 2022 tăng 10 bậc, từ vị trí thứ 93 lên vị trí thứ 83/132 quốc gia được đánh giá.

2. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, kịp thời phát hiện và quyết liệt trong kiến nghị xử lý các văn bản có nội dung trái pháp luật. Theo thống kê, toàn ngành Tư pháp đã tập trung rà soát được **27.878** VBQPPL, qua đó đã kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) đối với **5.731** văn bản (*tăng 2,7% so với năm 2021*). Đặc biệt, toàn Ngành đã nỗ lực tham mưu, thực hiện kịp thời nhiệm vụ của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL, nhất là, đã tổ chức rà soát độc lập, chuyên sâu theo một số nhóm VBQPPL còn hiệu lực do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành³; tổ chức rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung quy định cụ thể liên quan đến một số luật theo tổng hợp tại Báo cáo số 282-BC/ĐĐQH15 ngày 21/10/2021 của Đảng đoàn Quốc hội về kết quả rà soát VBQPPL gây vướng mắc, cản trở trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh⁴ và tham mưu Ban cán sự đảng Chính phủ có báo cáo gửi Đảng đoàn Quốc hội về kết quả rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, tài chính, chứng khoán⁵.

3. Bộ Tư pháp đã cùng các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các

³ Gồm: Quy định pháp luật về nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị, đấu giá tài sản.

⁴ Gồm các luật, bộ luật: Bộ luật Dân sự, Luật Dầu khí, Luật Thủy lợi; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Luật Phí và Lệ phí; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Điện lực; Luật Hợp tác xã, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); Luật Doanh nghiệp; Luật Quy hoạch).

⁵ Báo cáo số 1327/BC-BCSĐCP ngày 15/11/2022 của Ban cán sự đảng Chính phủ gửi Đảng đoàn Quốc hội về kết quả rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, tài chính, chứng khoán.

giải pháp để triển khai, cụ thể hóa các quy định của luật, pháp lệnh, đưa luật, pháp lệnh nhanh chóng đi vào cuộc sống. Bộ Tư pháp đã tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành các quyết định phê duyệt nhiều đề án lớn về phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong đó, Đề án "*Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027*" được xác định là một trong những "cú hích" quan trọng để hoạt động truyền thông chính sách được thực hiện từ sớm, góp phần nâng cao chất lượng chính sách, thể chế, tạo đồng thuận xã hội cũng như ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật của người dân, doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

4. Công tác thi hành án dân sự (THADS), nhất là trong việc xử lý các vụ việc phức tạp, kéo dài, xử lý thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế và án tín dụng, ngân hàng tiếp tục được hệ thống THADS tập trung thực hiện quyết liệt. Năm 2022, hệ thống THADS đã thi hành xong 538.630 việc, tương ứng với hơn 75.035 tỷ (tăng 14,50% so với cùng kỳ năm 2021).

5. Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong các tranh chấp đầu tư quốc tế; phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Chính phủ xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hội nhập quốc tế⁶ và hướng dẫn các địa phương liên quan đến nhiều vụ việc nhà đầu tư nước ngoài có vướng mắc, khiếu kiện.

6. Hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp được tăng cường, qua đó, đã đáp ứng nhu cầu dịch vụ pháp lý và đảm bảo an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa các tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Bộ, ngành Tư pháp đã nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau ảnh hưởng của dịch COVID-19 thông qua hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, điểm nhấn là việc Bộ Tư pháp tổ chức Diễn đàn Kinh doanh và pháp luật năm 2022 với chủ đề "*Nhận diện, tháo gỡ vướng mắc pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển*", tạo được dấu ấn, sức lan tỏa tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp. Diễn đàn đã tạo "cầu nối" giúp nhà nước và doanh nghiệp "lắng nghe tiếng nói" của nhau; nhằm xác định, nhận diện một số vướng mắc, khó khăn pháp lý liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh phục hồi, phát triển kinh tế, xã hội, qua đó đề xuất nhiều kiến nghị, giải pháp góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2022, với sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, công tác tư pháp tiếp tục đạt được một số kết quả nổi bật như đã nêu trên, tiếp tục đóng góp quan trọng vào phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội của đất nước và của từng địa phương.

Năm 2023, Bộ Tư pháp đề nghị các bộ, ngành, địa phương: **(i)** Bám sát và

⁶ Như: Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa...

tập trung tham mưu thể chế hóa kịp thời, đầy đủ Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; tổ chức thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới”; *(ii)* Tập trung hoàn thiện pháp luật, nhất là xử lý các quy định pháp luật bất cập, không còn phù hợp, gây khó khăn, vướng mắc khi thực hiện đã phát hiện, kết luận qua kiểm tra, rà soát VBQPPL thời gian vừa qua; *(iii)* Chú trọng thực hiện truyền thông các chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; *(iv)* Nâng cao hiệu quả phòng ngừa và tăng cường năng lực tham mưu trong giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện trong hoạt động đầu tư quốc tế, bảo đảm quyền lợi của Chính phủ, người dân, doanh nghiệp.

Năm 2023, toàn ngành Tư pháp mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các bộ, ngành và cấp uỷ, chính quyền các cấp để đưa công tác tư pháp tiếp tục phát triển bền vững, đóng góp tích cực và đồng hành cùng với sự phát triển KTXH của đất nước và của từng địa phương./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

1. Về đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) năm 2022

Trước hết, chúng tôi cơ bản thống nhất với các Báo cáo được trình bày tại Hội nghị, Bộ Tài chính cũng đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình chuẩn bị các Báo cáo này. Xin báo cáo thêm một số kết quả trong lĩnh vực tài chính – NSNN như sau:

Thứ nhất, về công tác hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật trong lĩnh vực tài chính – NSNN.

Chúng tôi đã hoàn thành 77 nhiệm vụ được giao, trong đó đã trình Quốc hội thông qua Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), cho ý kiến Luật Giá (sửa đổi) và thông qua 03 Nghị quyết; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 02 Nghị quyết và cho ý kiến về định hướng sửa các Luật Thuế; trình Chính phủ 47 Nghị định (trong đó đã ban hành 17 Nghị định và đang xem xét ban hành 30 dự thảo Nghị định), **chiếm 43,5% tổng số Nghị định của Chính phủ ban hành (108 Nghị định)**; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 5 Quyết định, xem xét ban hành 03 dự thảo Quyết định; ban hành theo thẩm quyền 74 thông tư.

Đồng thời, tập trung rà soát các Luật thuế để báo cáo cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới. Qua đó, góp phần hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực tài chính – NSNN, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất – kinh doanh, doanh nghiệp và người dân, tăng cường kỷ cương kỷ luật tài chính.

Thứ hai, chủ động điều hành chính sách tài khóa mở rộng, linh hoạt, thích ứng hiệu quả, kịp thời với biến động phức tạp của tình hình trong nước và ngoài nước; cân đối đảm bảo nguồn lực hỗ trợ quá trình phục hồi và phát triển kinh tế, góp phần ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội.

Ngay sau khi Quốc hội có Nghị quyết 43 về Chương trình phục hồi, Bộ Tài chính phối hợp rất chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11 về các nhiệm vụ, giải pháp tài khóa, tiền tệ cụ thể để thực hiện Chương trình, với quy mô các gói giải pháp khoảng **347 nghìn tỷ đồng**.

Trong năm 2022, Bộ Tài chính đã trình cấp thẩm quyền ban hành các giải pháp chính sách tài khóa cụ thể về miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân, kiểm soát lạm phát, với quy mô 174,7 nghìn tỷ đồng.

Kết quả thu NSNN năm 2022 đạt 1.803,6 nghìn tỷ đồng, vượt 27,8% (391,9

nghìn tỷ đồng) so dự toán, tăng 15% so thực hiện năm 2021; trong đó thu NSTW vượt 25,8% (190,9 nghìn tỷ), tăng 18% so thực hiện 2021; thu NSDP vượt 29,9% (200,9 nghìn tỷ), tăng 12% so thực hiện năm 2021. Có 62/63 địa phương đã hoàn thành dự toán thu Thủ tướng Chính phủ giao (*một số tỉnh có số thu đạt cao so với dự toán là: Hưng Yên 427,8%; Quảng Ngãi 194,8%; Thừa Thiên Huế 186,8%; Thanh Hóa 177,6%; Bắc Giang 174,2%; Yên Bái 172,6%; Quảng Bình 167,7%; Phú Thọ 162,2%; Thái Bình 155%*). Kết quả này một mặt phản ánh tác động tích cực của phục hồi kinh tế, nhưng quan trọng phải kể đến những nỗ lực của cơ quan thu, tăng cường công tác quản lý thu, nhất là đối với các lĩnh vực kinh doanh thương mại điện tử (đã triển khai Cổng thông tin điện tử xuyên biên giới dành cho nhà cung cấp nước ngoài từ ngày 21/3/2022, đến nay đã có **42** nhà cung cấp nước ngoài kê khai nộp thuế, trong đó gồm Google, facebook, tiktok, netflix,... với tổng số thuế đã nộp là **3,44 nghìn tỷ đồng**); tăng cường thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (ước năm 2022 đạt hơn **41 nghìn tỷ đồng, tăng 97% so năm 2021**).

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kê khai thuế trong cả nước (từ ngày 21/4/2022), kết nối dữ liệu thuế với dữ liệu dân cư định danh điện tử; khai trương cổng thông tin dữ liệu thương mại điện tử để tiếp nhận thông tin các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên sàn điện tử...

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành để đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch. Đã thực hiện trên **87,5 nghìn** cuộc thanh tra, kiểm tra, chống buôn lậu và gian lận thương mại, tập trung vào các lĩnh vực quản lý thu, chi ngân sách; sử dụng vốn đầu tư; điều hành quản lý giá ổn định vĩ mô, chứng khoán; đã bắt giữ, xử lý trên 16 nghìn vụ vi phạm trong lĩnh vực hải quan (trong đó có một số vụ việc điển hình về ma túy, buôn lậu xăng dầu, chuyển tiền trái phép ra nước ngoài,...). Qua đó, kiến nghị xử lý tài chính gần **73 nghìn tỷ đồng** (trong đó thu nộp NSNN 21,8 nghìn tỷ). Tập trung thu hồi, xử lý nợ đọng thuế (đã thu được trên 39 nghìn tỷ đồng nợ thuế).

Chi NSNN đáp ứng được các nhiệm vụ chi theo dự toán và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh; bội chi NSNN được kiểm soát trong phạm vi Quốc hội quyết định, khoảng 4%GDP (bao gồm bội chi Chương trình phục hồi), góp phần giảm nợ công xuống còn 38%GDP, đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia; nâng cao hệ số tín nhiệm quốc gia. Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam từ Ba3 lên Ba2 với triển vọng "ổn định"; S&P nâng xếp hạng lên BB+ với triển vọng "ổn định"; Fitch xếp hạng BB với triển vọng "tích cực"...

Thứ ba, nỗ lực cải cách hành chính, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, chuyển đổi số

Bộ Tài chính tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa trong lĩnh vực tài chính, thuế, hải quan; đến nay đã có **356 dịch vụ công trực tuyến toàn phần** và **437 dịch vụ công trực tuyến một phần**; triển khai hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử (eTax-mobile) cho doanh nghiệp trong phạm vi cả nước, tạo điều kiện cho hộ kinh doanh kê khai,

nộp thuế trong cả nước; triển khai công thông tin điện tử xuyên biên giới; tích hợp mã số công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an.

Bộ Tài chính đã đạt 91,9/100 điểm về cải cách thủ tục hành chính năm 2021 và đây là năm thứ 8 liên tục kể từ năm 2014 luôn nằm trong **top 3 đứng đầu** về xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính; **năm thứ 2 liên tiếp** giữ vị trí thứ nhất bảng xếp hạng về mức độ chuyên đổi số khối các bộ, ngành cung cấp dịch vụ công; và nâng mức xếp hạng chỉ số công khai minh bạch ngân sách của Việt Nam lên 68/120 nước, **tăng 9 bậc** so với năm 2019, tăng 23 bậc so với năm 2017.

Thứ tư, tăng cường kiểm soát giá cả thị trường, phát triển các thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác tài chính quốc tế.

Trong năm 2022, Bộ Tài chính đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý giá, đặc biệt đối với mặt hàng xăng dầu đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh giảm thuế bảo vệ môi trường về mức sàn đối với mặt hàng này. Đồng thời, sử dụng linh hoạt Quỹ bình ổn giá, điều chỉnh hợp lý chi phí đối với hoạt động kinh doanh đầu mối.

Đối với thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp biến động mạnh do một số vụ việc sai phạm, tác động tiêu cực của tin đồn. Bộ Tài chính đã kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp xử lý, bình ổn thị trường, sửa đổi khung pháp lý, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư trái phiếu.

2. Về các giải pháp điều hành năm 2023

Diễn biến tình hình những tháng cuối năm 2022 đã cho thấy còn nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp bị thu hẹp, nhu cầu và thị trường xuất khẩu giảm sút, lạm phát và chi phí sản xuất còn ở mức cao, các thị trường tài chính, bất động sản, chứng khoán khó khăn, thiên tai bão lũ và dịch bệnh tiềm ẩn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn rủi ro, ...Dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2023. Để bảo đảm mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế vĩ mô, chống lạm phát, đảm bảo cân đối lớn nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội. Chúng tôi đề nghị cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Một là, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tập trung triển khai dự toán NSNN năm 2023 được giao; phân bổ, giao dự toán đảm bảo thời hạn quy định.

Chỉ đạo quyết liệt, thực hiện các giải pháp đề ra ngay từ ngày đầu, tháng đầu năm 2023; có kế hoạch, giải pháp triển khai chi tiết, khả thi, nỗ lực, quyết tâm để hoàn thành và vượt các mục tiêu đề ra.

Về phía Bộ Tài chính, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu, tham mưu đề xuất các giải pháp chính sách tài khóa hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, chúng tôi đã trình Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về giảm thuế bảo vệ

môi trường trong năm 2023 (thực hiện từ ngày 01/01/2023).

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương quyết liệt công tác thu, phấn đấu tăng thu NSNN so dự toán được giao.

Tổ chức điều hành chi NSNN theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên (kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước,...), cắt giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết. Các bộ, cơ quan trung ương thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2023. Các địa phương thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023 để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

Đồng thời, các địa phương chủ động sử dụng dự phòng, dự trữ và các nguồn lực hợp pháp để xử lý các nhiệm vụ chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định.

Hai là, quyết liệt thực hiện các giải pháp đẩy mạnh giải ngân ngay từ đầu năm, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, kinh doanh; rà soát, sửa đổi các điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

Bốn là, tập trung tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; đẩy nhanh tiến độ thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm dự toán thu NSNN.

Năm là, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách trong thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong quản lý thu, chi NSNN, tài sản công, đất đai, tài nguyên.

3. Về một số đề xuất, kiến nghị của các địa phương:

Đối với các kiến nghị liên quan đến hỗ trợ vốn, một số cơ chế liên quan đến đầu tư xây dựng các dự án, công trình, do Bộ KHĐT, Bộ GTVT, Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Bộ Tài chính sẽ phối hợp tham gia xử lý.

Đối với một số kiến nghị thuộc trách nhiệm của Bộ Tài chính:

(1) Tỉnh Hà Giang kiến nghị tiếp tục quan tâm có ý kiến tham gia với các nhà tài trợ nước ngoài tạo điều kiện linh hoạt hơn trong quá trình thực hiện trình tự thủ tục hồ sơ pháp lý và thủ tục rút vốn nước ngoài cho các dự án ngay khi nhận được đơn xin rút vốn của địa phương:

Các Bên cho vay nước ngoài đều có quy định riêng về thủ tục rút vốn, nêu tại Hiệp định vay hoặc Hướng dẫn thủ tục giải ngân do Bên cho vay phát hành.

Vì vậy, đề tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư dự án có sử dụng vốn vay nước ngoài nghiên cứu thực hiện. Trường hợp cần các bộ ngành có ý kiến, đề nghị nêu cụ thể vấn đề cần kiến nghị với Bên cho vay để các cơ quan liên quan phía Việt Nam có thể có ý kiến với nhà tài trợ trong quá trình thực hiện dự án cũng như giải ngân vốn vay.

(2) Tỉnh Hải Dương đề nghị hỗ trợ 100% nhu cầu kinh phí tăng thêm (như các địa phương nhận trợ cấp cân đối ngân sách từ ngân sách Trung ương) để tỉnh Hải Dương thực hiện chính sách nhà ở cho người có công và các chính sách an sinh xã hội mới phát sinh giai đoạn 2023 – 2025:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24/01/2022 về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025. Vì vậy, đề nghị địa phương thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Tỉnh Hà Tĩnh kiến nghị:

(3.1) Đề nghị hỗ trợ kinh phí để thực hiện Đề án thí điểm tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới:

- Ngày 16/12/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2114/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”. Tại khoản 6 Điều 1, quy định: “Vốn NSTW:

+ Vốn từ các CTMTQG được phân bổ theo quy định;

+ Vốn do các bộ, ngành TW bố trí thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

+ Vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác đang triển khai và tiếp tục triển khai trong giai đoạn 2021-2025. Vốn NSĐP: Các nguồn vốn hợp pháp khác (doanh nghiệp, tín dụng, huy động người dân đóng góp theo hình thức tự nguyện và vốn xã hội hóa khác...). (Ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác là chủ yếu; NSTW có vai trò hỗ trợ được phân bổ, bố trí theo quy định”.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không quy định, đề xuất mức vốn NSTW để thực hiện chương trình là 4.800 tỷ đồng.

- Về nguồn kinh phí NSTW phân bổ cho địa phương để thực hiện CTMQG xây dựng nông thôn mới: Đối với vốn đầu tư, giai đoạn 2021-2025, NSTW phân bổ 764.050 trđ (trong đó: đã giao năm 2022, 2023 là 390.380 trđ). Đối với vốn sự nghiệp, giai đoạn 2021-2023, NSTW thực hiện bổ sung cho NSĐP là 132.487 trđ .

Vì vậy, đề nghị địa phương chủ động sử dụng nguồn NSTW đã hỗ trợ, chủ động sử dụng nguồn NSĐP và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện Đề án.

(3.2) Về đề nghị quy định, hướng dẫn cụ thể các hình thức ký kết hợp đồng tài trợ kinh phí lập quy hoạch và thủ tục thanh, quyết toán nguồn xã hội hóa lập quy hoạch

Ngày 26/08/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 108/NQ-CP nêu trên, Bộ Tài chính đã chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên để lập, thẩm định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch và gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương (công văn số 11127/BCT-HCSN ngày 28/10/2022 của Bộ Tài chính). Trong đó tại dự thảo Thông tư có quy định về nguồn kinh phí thực hiện bao gồm nguồn vốn huy động và sử dụng nguồn lực tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch (quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành) được áp dụng quy định tại Thông tư để thực hiện.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang tích cực đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến để tổng hợp, hoàn thiện sớm ban hành Thông tư (**Bộ Tài chính nhận được ý kiến của Bộ KH&ĐT ngày 20/12/2022**). Căn cứ ý kiến của Bộ KH&ĐT (cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch) và các Bộ, cơ quan trung ương; Bộ Tài chính sẽ sớm ban hành Thông tư theo quy định (dự kiến trong Quý I/2023).

Tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15: “đ) Sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn”. Do đó, phạm vi của Thông tư quy định việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch **có tính chất kỹ thuật chuyên ngành thời kỳ 2021 - 2030** theo quy định tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Trong thời gian tới, Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương (trong đó có kiến nghị của Tỉnh Hà Tĩnh) để hoàn thiện ban hành Thông tư cho phù hợp và đúng quy định).

(2). Ngoài ra, tại Điều 5. Luật Quy hoạch 2017 quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia : “1. Quy hoạch cấp quốc gia. 2. Quy hoạch vùng. 3. Quy hoạch tỉnh. 4. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định. 5. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn”.

Điều 9. Chi phí cho hoạt động quy hoạch Luật QH năm 2017 quy định:

“1. Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Chi phí đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

Như vậy, theo quy định tại Điều 5, Điều 9 Luật Quy hoạch, kinh phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch (**thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia**) được sử dụng từ vốn đầu tư công.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 55 Luật Quy hoạch quy định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch và có nhiệm vụ ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch. Do đó, đối với kinh phí huy động và sử dụng nguồn lực tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có văn bản gửi Bộ KH&ĐT để được nghiên cứu, tháo gỡ./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022, bên cạnh những thuận lợi cơ bản nhờ tình hình an ninh, chính trị, xã hội ổn định, dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế nước ta phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức đến cả từ các yếu tố bên ngoài và nội tại bên trong. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ và quyết liệt của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; cùng với sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là khả năng vượt khó, thích nghi tốt của cộng đồng doanh nghiệp, nền kinh tế nước ta vẫn phục hồi mạnh mẽ, đạt được nhiều kết quả tích cực, GDP tăng trưởng cao nhất trong 12 năm qua, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát... như trong Báo cáo của Chính phủ đã nêu.

Ngành Công Thương, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp và đã có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của nền kinh tế như: *Sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,1%, đóng góp gần 2,1 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; kim ngạch XNK đạt kỷ lục mới, duy trì xuất siêu năm thứ 7 liên tiếp với mức thặng dư gần 11,2 tỷ USD, cao gấp hơn 3,3 lần năm trước, góp phần tích cực cho cán cân thanh toán, giúp nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế; thương mại trong nước phục hồi tích cực, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cả năm ước tăng 19,8%, vượt gần 2,5 lần mục tiêu kế hoạch đề ra, cơ bản đáp ứng đủ hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và tiêu dùng; thương mại điện tử tăng trưởng gần 20% và tiếp tục trở thành phương thức phân phối quan trọng, đưa Việt Nam vào nhóm 5 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới, tạo động lực phát triển kinh tế và dẫn dắt chuyển đổi số trong doanh nghiệp...*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo; thưa toàn thể các đồng chí.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa rất quan trọng, tạo lập nền tảng thực hiện thắng lợi, toàn diện các mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025, trong bối cảnh tình hình quốc tế, trong nước được dự báo tiếp tục có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Tuy nhiên, nước ta cũng đang có những tiền đề tốt, yếu tố thuận lợi để thu hút đầu tư, phục hồi và phát triển KT-XH theo hướng bền vững hơn.

Để góp phần thực hiện thắng lợi, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH trong năm tới, Bộ Công Thương xin đề xuất một số giải pháp sau:

Trước hết, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và ban hành mới những cơ chế, chính sách nhằm khơi thông và giải phóng các nguồn lực,

nhất là nguồn lực xã hội cho phát triển công nghiệp và thương mại.

Để thực hiện giải pháp này, cần kịp thời thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; Tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định đang cản trở quá trình thực hiện và cần có cơ chế cho thí điểm thực hiện những nhiệm vụ theo tinh thần đổi mới, sáng tạo.

Hai là, đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cơ cấu lại ngành Công Thương dựa trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số. Tập trung xây dựng Luật phát triển công nghiệp và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp có tính nền tảng, quan trọng, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Khơi thông các rào cản để nâng cao giá trị gia tăng các ngành chế biến, chế tạo, triển khai các dự án sản xuất, khai khoáng mới, đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng trọng điểm, góp phần tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế.

Để thực hiện tốt giải pháp này, kính đề nghị Chính phủ: **(1)** Sớm ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 29 Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ những điểm nghẽn, tạo sự chủ động nâng cao năng suất lao động, năng lực độc lập, tự chủ; tạo mối liên kết chặt chẽ giữa các ngành, các khu vực, các thành phần kinh tế để phát triển công nghiệp bền vững. **(2)** Chỉ đạo tổng kết cơ chế, chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là việc thực hiện chính sách thu hút đầu tư FDI; từ đó có các chủ trương giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích, ràng buộc các doanh nghiệp FDI có sự lan tỏa, chia sẻ, hỗ trợ thực chất các doanh nghiệp trong nước, chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng quản trị, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt.

Ba là, Tập trung các giải pháp phục hồi và phát triển KTXH, trọng tâm là tháo gỡ khó khăn ở cả phía cung và phía cầu.

Về phía cung: tiếp tục hỗ trợ DN phục hồi, phát triển sản xuất thông qua các giải pháp về ổn định thị trường tài chính, tiền tệ tháo gỡ khó khăn về vốn (*như: rà soát để tiếp tục thực hiện giãn hoãn, miễn giảm một số khoản thuế, phí như thời kỳ dịch bệnh*) và giải pháp về tiền tệ (*hạ lãi suất, duy trì lãi suất cho vay ở mức phù hợp...*), tạo điều kiện hỗ trợ DN có thêm nguồn lực để phục hồi và phát triển.

Về phía cầu: cần tập trung các giải pháp khai thác triệt để và đẩy mạnh hơn nữa sức cầu nội địa thông qua việc kích cầu tiêu dùng, du lịch, khai thác có hiệu quả khu vực thị trường nội địa và tăng chi tiêu đầu tư công, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư để kích cầu các mặt hàng nguyên vật liệu xây dựng...

Để thực hiện giải pháp này, kiến nghị Quốc hội và Chính phủ sớm chỉ đạo: **(i)** Rà soát và sớm ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với bối cảnh mới; **(ii)** Đẩy nhanh việc xây dựng và phê duyệt các Quy hoạch quốc gia, vùng, tỉnh và quy hoạch ngành quốc gia làm căn cứ để đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư phát triển hạ tầng, sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ Logistic, năng lượng... tạo động lực cho tăng trưởng và việc làm

cho xã hội. Đây được xem là những trợ lực thúc đẩy sản xuất và kinh doanh quan trọng nhất của năm mới.

Bốn là, Tập trung khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do để đa dạng hóa thị trường, chuỗi cung ứng và mặt hàng xuất khẩu. Đẩy mạnh khai thác các thị trường lân cận, còn tiềm năng; Tiếp tục đổi mới công tác XTTM, ưu tiên nguồn lực cho phát triển hạ tầng số nhằm đẩy mạnh phân phối hàng hóa thông qua các kênh TMĐT, kết hợp chặt chẽ giữa thương mại truyền thống với hiện đại nhằm khai thác hiệu quả thị trường 100 triệu dân; hình thành các chuỗi cung ứng hàng hóa, đặc biệt hàng nông sản, thực phẩm; đồng thời, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả, thị trường các mặt hàng thiết yếu để điều hành phù hợp, hiệu quả; bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong mọi tình huống. Xử lý nghiêm đối với các hành vi buôn lậu, hàng giả, đầu cơ, tích trữ, găm hàng, không để gây bất ổn thị trường, giá cả.

Đề phát triển SX, XK bền vững các mặt hàng nông sản, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ trong việc quy hoạch vùng trồng, vùng nuôi, tổ chức lại sản xuất để bảo đảm nguồn hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng nhu cầu các thị trường và thực hiện chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch. Bộ Công Thương sẽ tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền chỉ đạo xây dựng chiến lược mới về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc tham gia có chọn lọc và thực thi có hiệu quả các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, chú trọng thúc đẩy các quan hệ kinh tế quốc tế theo chiều sâu, gắn chặt với lợi ích quốc gia - dân tộc; đồng thời rà soát, đàm phán mới các hiệp định về công nhận lẫn nhau của các sản phẩm xuất khẩu, nhất là các sản phẩm ta có lợi thế, tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu ổn định vào thị trường thế giới.

Năm là, Tiếp tục đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa các thủ tục hành chính; triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển hệ thống logistics, tạo thuận lợi hóa thương mại và đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh; Bộ Công Thương sẽ chủ động phối hợp xử lý công việc gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong toàn hệ thống.

Căn cứ vào các nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết 01 và các chương trình, kế hoạch khác, Bộ Công Thương sẽ khẩn trương triển khai xây dựng Kế hoạch hành động và tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm mới, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Trước tiên, tôi xin bày tỏ sự thống nhất cao với các báo cáo của Chính phủ. Năm 2022, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự giám sát hiệu quả và ban hành kịp thời những quyết sách đặc thù trong phòng, chống dịch, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội của Quốc hội và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, chúng ta đạt được nhiều kết quả quan trọng; tận dụng tốt các cơ hội và khả năng đa dạng hoá, thích ứng linh hoạt của nền kinh tế, qua đó tạo đà và động lực, khí thế mới cho việc triển khai các các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra năm 2023 và kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.

Trong thành công chung đó của nền kinh tế, có sự đóng góp hết sức quan trọng của ngành nông nghiệp, nông thôn. Ngành triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022 trong điều kiện có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Toàn ngành bám sát thực tiễn, nỗ lực vượt khó, vươn lên, quyết liệt hành động với các giải pháp cơ cấu lại ngành, đổi mới mô hình tăng trưởng, khơi thông nguồn lực đầu tư để duy trì được đà tăng trưởng khá cao, toàn diện, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt, vượt mức Chính phủ giao, thể hiện ở những lĩnh vực như sau:

1. Kết quả đạt được

Một là, triển khai đồng bộ Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, cùng với đẩy mạnh cơ cấu lại ngành đi vào thực chất, hiệu quả hơn; chuyển đổi từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp, quy mô và trình độ sản xuất nông nghiệp hàng hóa được nâng cao trên cơ sở phát huy các lợi thế từng vùng, miền, chuyển dịch theo hướng hiện đại.

Trong khó khăn, thách thức, nông nghiệp tiếp tục khẳng định là trụ đỡ của nền kinh tế, phấn đấu vươn lên phát triển bền vững, tham gia sâu vào hội nhập kinh tế toàn cầu, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống. Đồng thời, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt để tạo không gian, khơi thông các nguồn lực phát triển... với các giải pháp đồng bộ để hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu phát triển ngành: **(1)** Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành 3,36%⁷ (*Chính phủ giao 2,5 - 2,8%*); **(2)** Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS 53,22 tỷ USD, tăng 9,3%, trong đó thặng dư thương mại 8,5 tỷ USD, tăng 30% so với năm 2022 (*Chính phủ giao 50 tỷ USD*); **(3)** Có 73,06% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Chính phủ giao 73%*) và 255 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn

⁷ nông nghiệp tăng 2,88% (trồng trọt 1,51%; chăn nuôi 5,93%); thủy sản tăng 4,43%, lâm nghiệp tăng 6,13%

thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (*Chính phủ giao 235 đơn vị*); (4) Số xã đạt tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên 78% (*Chính phủ giao 77%*); (5) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,02%, từng bước nâng cao chất lượng rừng.

Thể hiện ở các chuyên ngành, lĩnh vực như sau:

- Trồng trọt: Cơ cấu cây trồng chuyển đổi hiệu quả hơn; đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng khoa học công nghệ. Hiệu quả sản xuất trên 01 đơn vị diện tích không ngừng tăng qua các năm, trong đó giá trị 01 ha đất trồng trọt năm 2022 đạt 104,2 triệu đồng, tăng 0,6% so với năm 2021. **Sản lượng lúa** 42,66 triệu tấn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; tỷ trọng gạo chất lượng cao chiếm trên 90%, giá gạo xuất khẩu tăng cao hơn so với năm 2021. **Diện tích rau màu** khoảng 1,1 triệu ha; sản lượng 18,8 triệu tấn, tăng 519,3 nghìn tấn. **Diện tích cây ăn quả** 1,21 triệu ha, tăng 41,3 nghìn ha.

- Chăn nuôi: Chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chăn nuôi trang trại, gia trại, tập trung theo chuỗi sạch, hữu cơ, an toàn sinh học. Sản lượng thịt các loại đạt 7,05 triệu tấn; sữa tươi 1,28 triệu tấn, tăng 10,2%; trứng 18,3 tỷ quả, tăng 4,4%. Sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp quy đổi 20 triệu tấn, giảm 8,6%. Đồng thời, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

- Thủy sản: Đẩy nhanh phát triển bền vững cả nuôi trồng và khai thác. Thực hiện chính sách khuyến khích khai thác ở các vùng biển xa; kiểm soát chặt chẽ thiết bị giám sát hành trình; tăng cường tuần tra, kiểm soát khai thác trên các vùng biển. Tổng sản lượng thủy sản 9,03 triệu tấn, tăng 2,7%; trong đó khai thác trên 3,86 triệu tấn, giảm 1,8% và nuôi trồng 5,16 triệu tấn, tăng 6,3%.

- Lâm nghiệp: Công tác phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đẩy mạnh trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và nâng cao chất lượng rừng trồng; tỷ lệ giống được kiểm soát 90%. Thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển rừng, trọng tâm là Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”; diện tích rừng trồng mới tập trung 300 nghìn ha. Các biện pháp bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm. Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng phát huy hiệu quả, thu trên 3.600 tỷ đồng (tăng 500 tỷ đồng so với năm 2021).

Hai là, công tác mở cửa thị trường có nhiều đổi mới, cách làm sáng tạo; thị trường tiêu thụ nông lâm thủy sản tiếp tục phát triển, thị trường trong nước được mở rộng thông qua phát triển các kênh tiêu thụ, gia tăng thương mại điện tử; kịp thời giải quyết các vướng mắc, áp dụng nhiều giải pháp sáng tạo để thúc đẩy lưu thông, tiêu thụ, xuất khẩu trong điều kiện khó khăn do nhiều chuỗi cung ứng bị đứt gãy, giá vật tư nông nghiệp tăng cao. Kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao kỷ lục trên 53,22 tỷ USD, có 11 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1,0 tỷ USD, trong đó có 08 mặt hàng có kim ngạch trên 2 tỷ USD, bao gồm 07 mặt hàng trên 03 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ; tôm; rau quả; hạt điều; gạo, cao su, cà phê).

Ba là, tổ chức liên kết chuỗi sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp tiếp tục được đổi mới phù hợp với thị trường, sản xuất hàng hóa lớn; tổ chức nhiều

hội chợ, hội nghị xúc tiến, xây dựng **2.510 chuỗi** cung ứng thực phẩm an toàn kiểm soát (tăng 866 chuỗi so với năm 2021); nhiều mô hình liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp, hợp tác xã theo chuỗi được triển khai nhân rộng. Năm 2022, thành lập mới 980 HTX nông nghiệp, nâng tổng số lên 78 Liên hiệp HTX NN, 21.100 HTX NN; thành lập mới 821 doanh nghiệp, nâng tổng số lên gần 15.000 doanh nghiệp nông nghiệp.

Bốn là, ứng dụng khoa học công nghệ thúc đẩy cả 3 trực sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. *Nhiều sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh* có hàm lượng công nghệ cao được áp dụng từ khâu sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến như: tôm, cá tra, sản phẩm gỗ...; nhiều nhà máy chế biến công suất lớn với công nghệ hiện đại đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả. *Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP)* tập trung thực hiện kết hợp tài nguyên bản địa, văn hóa truyền thống với ứng dụng khoa học công nghệ tạo sản phẩm đa dạng, phong phú, chất lượng, mẫu mã bao bì đẹp, truy xuất nguồn gốc; lũy kế đến hết năm 2022 phân hạng và công nhận 8.689 sản phẩm OCOP, tăng gần 3.700 sản phẩm so với năm 2021. Năm 2022 nghiệm thu và công bố, công nhận 18 giống cây trồng, vật nuôi; 12 tiến bộ kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật mới.

Năm là, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, phát triển tăng cả về số lượng và chất lượng số xã, đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình được ban hành đầy đủ; hoàn thành giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương

Đã cơ bản hoàn thiện đầy đủ hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình; năm 2022 Bộ trình, phối hợp trình cấp có thẩm quyền ban hành 24 văn bản và ban hành theo thẩm quyền 62 văn bản. Lũy kế hết năm 2022, có **6.009/8.225** xã (73,06%) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 937 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 110 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có **255 đơn vị** cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM; có 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn NTM, có 05 tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Sáu là, thực hiện hiệu quả 3 đột phá chiến lược; trong đó chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Năm 2022, trình Chính phủ ban hành 10 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Quyết định, ban hành theo thẩm quyền 18 Thông tư.

2. Tồn tại, hạn chế: Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, quyết liệt hơn trong hoạt động thực tiễn, khát vọng thành công hơn, Ngành cũng còn những hạn chế, tồn tại cần tập trung khắc phục trong thời gian tới, đó là:

(1) Những khó khăn khi nguyên liệu vật tư đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu từ nước ngoài; bên cạnh đó giá thức ăn chăn, phân bón... tăng cao; khai thác thủy sản gặp khó khăn do giá xăng dầu tăng, dẫn đến chi phí sản xuất cao, trong khi giá sản phẩm nông sản có tăng nhưng thấp hơn đã ảnh hưởng đến thu nhập, sinh kế, đời sống của người sản xuất.

(2) Mặc dù có rất nhiều nỗ lực, cố gắng; nhưng chưa gỡ được “Thẻ vàng” của EC đối với đánh bắt hải sản; sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, cháy rừng tiếp tục diễn ra. Giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công đạt thấp hơn với năm 2021.

(3) Một số địa phương có biểu hiện chạy theo phong trào công nhận sản phẩm OCOP, chưa chú ý đến hiệu quả của Chương trình, nhất là khơi dậy được tiềm năng, lợi thế của khu vực nông thôn.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023

(1) Mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản năm 2023

- Tốc độ tăng trưởng GDP ngành khoảng 3,0%;
- Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 54 tỷ USD;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 78%; 270 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ số xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm 80%. Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn 57%;
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%, nâng cao chất lượng rừng.

(2) **Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:** Để đạt được những mục tiêu đề ra như trên, Ngành triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ giải pháp tại Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; thực hiện các luật, chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, nhất là Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy suất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi. Đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị. Hướng dẫn, định hướng các địa phương (nhất là các vùng trọng điểm sản xuất gạo, chăn nuôi, thủy sản,..) có kế hoạch sản xuất phù hợp với xu thế tiêu dùng, nhu cầu của thị trường. Thúc đẩy phát triển chăn nuôi bền vững, an toàn sinh học, đảm bảo nguồn cung và ổn định giá thực phẩm.

Hai là, thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, cùng các Chương trình mục tiêu quốc gia khác; gắn kết cơ cấu lại ngành nông nghiệp với phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững.

Ba là, đẩy nhanh tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư công tạo động lực tăng trưởng ngành năm 2023. Phát triển kết cấu hạ tầng; tăng cường quản lý tài nguyên, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng, bảo vệ tốt và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh thực hiện Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”, góp phần bảo vệ môi trường, giảm

nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển thủy lợi và nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng các phương án ứng phó với hạn hán, bão lũ, sạt lở; xây dựng và triển khai đề án tổng thể về sắp xếp, di dời, bố trí lại dân cư vùng chịu ảnh hưởng thiên tai.

Bốn là, phát triển KHCCN và đổi mới sáng tạo thông qua tháo gỡ các rào cản, nút thắt cơ chế, chính sách, gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn để tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng ngành. Thực hiện các chiến lược phát triển ngành hàng theo hướng tích hợp đa giá trị, tăng hàm lượng khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư và ATTP. Thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử; đẩy nhanh chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

Năm là, phát triển thị trường lao động trong khu vực nông nghiệp, nông thôn bền vững. Chú trọng đào tạo, huấn luyện hình thành đội ngũ nông dân thế hệ mới có kiến thức kinh tế, kỹ năng thích ứng với nền nông nghiệp xanh và thị trường; gắn nhiệm vụ đào tạo với các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện trường. Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải, sản xuất nguyên liệu đầu vào các ngành hàng nông nghiệp. Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế.

Sáu là, tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính quản lý ngành nông nghiệp và tổ chức sự nghiệp công lập từ trung ương tới địa phương tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 105/2022/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp PTNT. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, khơi thông các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, *nhất là truyền thông, tiếp thị chính sách.*

Kính thưa các đồng chí!

Dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp của các Ban, bộ, ngành; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chung sức đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và bà con nông dân. Tôi tin rằng ngành Nông nghiệp nước ta trong năm 2023 và thời gian tới sẽ chuyển mình mạnh mẽ hơn nữa, phát triển theo hướng sinh thái, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Nông dân sẽ ngày càng giàu có, văn minh hơn. Nông thôn sẽ ngày càng hiện đại, phồn vinh, thân thiện và đáng sống hơn./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, có ý nghĩa quan trọng khẳng định tiến trình phục hồi bền vững và thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả với dịch COVID-19. Trong bối cảnh tình hình thế giới biến động nhanh, khó dự báo và chưa có tiền lệ, xung đột chính trị tại một số khu vực trên thế giới kéo dài và ngày càng phức tạp, lạm phát tăng cao tại nhiều nước, các vấn đề biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt kéo dài trên diện rộng... Ở trong nước, nền kinh tế được mở cửa trong trạng thái bình thường mới, tuy nhiên, tình hình thiên tai, lũ lụt, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, việc tiếp cận vốn của các doanh nghiệp gặp khó khăn... làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động của ngành GTVT nói riêng.

Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sáng tạo, khoa học, linh hoạt, bài bản, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, bộ, ngành Trung ương, các địa phương, sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ, tham gia tích cực của các tầng lớp Nhân dân và sự quyết tâm, nỗ lực của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn Ngành với phương châm ***“Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển”***, trong khuôn khổ Hội nghị này, Bộ GTVT xin báo cáo một số nội dung về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông năm 2022 để kịp thời đáp ứng nhu cầu hỏi phục phát triển kinh tế - xã hội, một số giải pháp chủ yếu trong năm 2023 như sau:

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KCHT năm 2022:

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn lực lớn để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó ưu tiên các dự án quan trọng có tính chất động lực phục vụ phục hồi, phát triển kinh tế xã hội. Với tinh thần khẩn trương, trách nhiệm, ngay từ đầu năm 2022, Bộ GTVT đã tập trung nguồn lực, làm việc không kể ngày đêm, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương để hoàn thành, trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư 06 dự án quan trọng quốc gia; phê duyệt chủ trương đầu tư 54 dự án nhóm A, B, C; phê duyệt đầu tư 37/54 dự án.

Năm 2022, Bộ GTVT đã khởi công 18 dự án, hoàn thành đưa vào khai thác 22 dự án, trong đó, tiến độ các dự án, công trình giao thông trọng điểm quốc gia đã cơ bản bám sát yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ: (1) Về **đường bộ**, đã hoàn thành đưa vào khai thác đoạn Cao Bồ - Mai Sơn dài 15,2km, đoạn Cam Lộ - La Sơn dài 98,3km; thông xe kỹ thuật 03 đoạn (Mai Sơn - QL45, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Giây) thuộc dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai

đoạn 2017 - 2020; khởi công đồng loạt 12 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 vào ngày 01/01/2023; phê duyệt dự án đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu và đang khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đề phê duyệt các dự án đường bộ cao tốc khác thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội vào đầu năm 2023 theo kế hoạch; (2) Về **hàng không**, đã đưa vào khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn tại Cảng HKQT Nội Bài và Tân Sơn Nhất; khởi công nhà ga hành khách T3 - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất; đang chỉ đạo triển khai quyết liệt Dự án Cảng HKQT Long Thành (GD1) theo đúng kế hoạch; (3) Về **đường sắt**, trên tuyến đường sắt Bắc – Nam đã đưa vào khai thác 02 dự án, 02 dự án cơ bản hoàn thành từng phần và bàn giao đưa vào khai thác theo đúng kế hoạch; quyết định đầu tư 05 dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; (4) Về **hàng hải, đường thủy nội địa**: đang tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu (GD2), nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo (GD2), kênh nối Đáy - Ninh Cơ; đã hoàn thiện thủ tục để triển khai dự án nâng tĩnh không cầu trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, dự án logistics khu vực phía Nam...

Công tác bảo đảm chất lượng, tiến độ được Bộ GTVT xác định là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu trong quá trình thực hiện đầu tư, nên trong năm 2022, đã ban hành 02 Chỉ thị, nhiều văn bản chỉ đạo về công tác quản lý chất lượng, tiến độ dự án; lãnh đạo Bộ thường xuyên kiểm tra, đôn đốc trực tiếp tại công trường, nghiêm khắc phê bình, kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu các chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu thi công; yêu cầu các chủ đầu tư, nhà thầu tuyệt đối không vì tiến độ mà đánh đổi chất lượng, chỉ đạo các đơn vị kiểm soát tiến độ theo ngày/tuần/tháng; kiên quyết cắt chuyển khối lượng, xử lý nghiêm các nhà thầu vi phạm theo quy định của hợp đồng; tổ chức phát động phong trào thi đua “120 ngày đêm thông xe kỹ thuật vào cuối năm 2022” đối với 04 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2017 - 2020 với ý nghĩa thiết thực, thúc đẩy tiến độ hoàn thành các dự án.

Để tháo gỡ khó khăn đối với các Dự án quan trọng quốc gia, Bộ GTVT đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo nhà nước các dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành GTVT; tham mưu Nghị quyết của Chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù, bảo đảm nguồn vật liệu thi công, chỉ đạo các địa phương công bố kịp thời giá và chỉ số giá các loại vật liệu xây dựng, xử lý nghiêm hành vi đầu cơ, nâng giá, ép giá vật liệu, hướng dẫn việc điều chỉnh giá hợp đồng do ảnh hưởng của biến động giá...

Nhận thức rõ việc giải ngân vốn đầu tư công không chỉ là hoàn thành nhiệm vụ của ngành GTVT mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, ngay từ đầu năm Bộ GTVT đã tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ công tác giải ngân và chương trình phục hồi, phát triển kinh tế xã hội. Bộ GTVT đã khẩn trương rà soát, phân bổ và giao chi tiết kế hoạch cho các nhiệm vụ, dự án đúng quy định, phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân, có trọng tâm, trọng điểm, dứt khoát không để dàn trải, manh mún, kéo dài. Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong việc bảo đảm tiến độ và chất lượng giải ngân. Kết quả đến nay, Bộ

GTVT đã giải ngân khoảng 47.905 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch bổ sung, dự kiến đến hết tháng 01/2023 sẽ phân đấu giải ngân 97% vốn ngân sách nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao.

Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển KCHTGT, công tác quản lý nhà nước về vận tải, hoạt động vận tải, logistics, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch ... tiếp tục được quan tâm. Nhờ vậy, hoạt động vận tải đường bộ đã có sự cải tiến vượt bậc, chất lượng phương tiện, chất lượng phục vụ, cung cấp dịch vụ được đẩy mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân, phù hợp với xu hướng phát triển; vận tải đường sắt từng bước được nâng cao về dịch vụ, chi phí hợp lý, an toàn; vận tải biển đã cơ bản đáp ứng kịp thời nhu cầu của nền kinh tế, chất lượng dịch vụ cảng biển được cải thiện rõ rệt, năng suất xếp dỡ tăng nhanh, sản lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển chiếm tỷ trọng lớn so với tổng trọng lượng luân chuyển hàng hóa trên cả nước; vận tải thủy nội địa đã có những bước phát triển nổi bật đáng ghi nhận, đã và đang tạo được một số khâu đột phá như đã đưa vào hoạt động các tuyến vận tải ven biển làm giảm áp lực đáng kể cho vận tải đường bộ hành lang Bắc - Nam, vận chuyển container đến các cảng biển ở khu vực phía Nam, một số cảng biển phía Bắc; vận tải hàng không đã có những bước phát triển về cả quy mô và chất lượng dịch vụ đáp ứng kịp thời sự bùng nổ của nhu cầu vận tải hàng không trong giai đoạn vừa qua với tốc độ tăng trưởng cao; hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải cơ bản ổn định và trên đà phát triển. Vận chuyển hành khách 11 tháng ước đạt 3.350 triệu lượt khách, tăng 48,7% so với cùng kỳ năm 2021. Luân chuyển hành khách 11 tháng ước đạt 155,4 tỷ HK.km tăng 71,4% so với cùng kỳ. Trong đó, vận chuyển hành khách 11 tháng các ngành: hàng không (+218,2%), đường biển (+57,7%), đường sắt (+198,1%), đường bộ (+47,8%), đường thủy (+43,5%).

Kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông năm 2023:

Trên cơ sở phát huy, kế thừa những kết quả đạt được, khắc phục các tồn tại, hạn chế của năm 2022, Bộ GTVT bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, phương châm hành động theo từng năm của Chính phủ, tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch của năm 2023, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Với phương châm hành động **“Đoàn kết, kỷ cương; bản lĩnh, linh hoạt; đổi mới, sáng tạo; kịp thời, hiệu quả”**, Bộ GTVT dự kiến triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trên các mặt công tác như sau:

Đẩy nhanh tiến độ một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng, nhất là tập trung hoàn thiện thủ tục để khởi công các dự án còn lại của cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021-2025, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, các dự án nối thông đường Hồ Chí Minh; hoàn thành các dự án Mai Sơn – Quốc lộ 45, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Giây và cơ bản hoàn thành các Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, Nghi

Sơn - Diên Châu, Nha Trang - Cam Lâm, cầu Mỹ Thuận 2, Mỹ Thuận - Cần Thơ thuộc tuyến cao tốc Bắc-Nam,...

Khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện tại; hoàn thành cải tạo đoạn Hà Nội – Vinh - Nha Trang và khởi công 04 dự án trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh; tiếp tục chuẩn bị đầu tư, kêu gọi đầu tư tuyến đường sắt kết nối các cảng biển quốc tế, cửa khẩu quốc tế, đường sắt nhẹ Thủ Thiêm – Long Thành, TP HCM – Cần Thơ.

Nâng cao hiệu quả khai thác các hàng lang vận tải thủy ven biển và các tuyến vận tải thủy kết nối với các cảng biển; hoàn thành đầu tư dự án kênh Chợ Gạo; luồng Sông Hậu; huy động nguồn lực đầu tư các bến cảng thuộc các cảng biển có tiềm năng phát triển.

Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác các cảng hàng không hiện có; nghiên cứu đầu tư xây dựng, khai thác lưỡng dụng một số sân bay chuyên dụng; bảo đảm tiến độ đầu tư theo kế hoạch các dự án Cảng HKQT Long Thành (GD1), nhà ga T3 Cảng HKQT Tân Sơn Nhất.

Phát triển đồng bộ hệ thống logistics gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, các hành lang kinh tế trọng điểm.

Để đạt được các mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu phát triển, tạo động lực tăng trưởng cho đất nước, Bộ GTVT tiếp tục triển khai một số giải pháp:

Một là, xây dựng kế hoạch đầu tư và bố trí nguồn vốn có ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm, huy động tối đa các nguồn lực của xã hội phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên nguyên tắc đảm bảo hài, hợp lý giữa các vùng động lực và vùng khó khăn, lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp; kết nối vùng, kết nối hệ thống cảng biển với các cửa khẩu quốc tế, kết nối các loại hình giao thông và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Phấn đấu giải ngân toàn bộ nguồn vốn bố trí cho Bộ GTVT trong kế hoạch 2023 (94.161 tỷ đồng, cao gấp 1,7 lần kế hoạch năm 2022) là thách thức rất lớn đối với Bộ GTVT.

Hai là, đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện, xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù mang tính đột phá trong đầu tư KCHTGT như đẩy mạnh phân cấp cho địa phương đầu tư xây dựng, đơn giản hóa thủ tục đầu tư, đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, đa dạng hóa huy động nguồn lực..., hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

Ba là, tập trung chỉ đạo hoàn thành các công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn, tạo tiền đề, sức lan tỏa nhằm thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng giao thông nói riêng, góp phần phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội đất nước nói chung.

Bốn là, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại trong thiết kế, tổ chức xây dựng, khai thác, quản lý KCHTGT, nhất là đẩy mạnh thí

điểm ứng dụng công nghệ BIM trong thiết kế, quản lý giám sát thi công và quản lý bảo trì các dự án đường bộ cao tốc và tiến tới bắt buộc áp dụng cho các dự án trọng điểm ngành GTVT nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, minh bạch trong việc triển khai thực hiện.

Năm là, nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành và gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đặc biệt là mô hình, tổ chức hoạt động của các Ban QLDA. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, song song với thực hiện tốt công tác biểu dương, khen thưởng những gương điển hình, những cách làm mới đột phá, sáng tạo.

Sáu là, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương để giải quyết khó khăn trong quá trình triển khai các dự án, nhất là về vật liệu, GPMB, biến động giá nguyên, nhiên, vật liệu; tăng cường kiểm tra hiện trường, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, trong đó “*chất lượng công trình vẫn phải đặt lên hàng đầu*”; kiên quyết, xem xét xử lý trách nhiệm người đứng đầu ban QLDA, xử lý nghiêm các nhà thầu, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát vi phạm tại các dự án hoàn thành không đúng tiến độ, không đảm bảo chất lượng; tiếp tục phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương được giao làm cơ quan chủ quản triển khai các dự án đáp ứng tiến độ, chất lượng.

Với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Nhà nước cùng với sự nỗ lực, quyết liệt, năng động, sáng tạo của các địa phương, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, Bộ GTVT tin tưởng rằng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông năm 2023 tiếp tục có những chuyển biến mạnh mẽ, góp phần phục hồi và phát triển KTXH nhanh, bền vững, đưa đất nước tiến lên trên con đường hội nhập./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

I. VỀ CÁC KẾT QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGÀNH XD NĂM 2022

Kết thúc năm 2022, ngành Xây dựng đã đạt và vượt tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu chính, trong đó: Tốc độ tăng trưởng của ngành Xây dựng ước đạt 8,17% vượt so với kế hoạch đặt ra là 5-5,6%. Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc ước đạt 41,7%, tăng 1,2% so với năm 2021. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 94,2%, tăng 2,2% so với năm trước. Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 25,5 m² sàn/người, tăng 0,5 m² sàn/người so với năm 2021.

Đặc biệt, thực hiện Chương trình phục hồi kinh tế theo các Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ, tính từ đầu năm 2022 đến nay, cả nước đã khởi công được 18 dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân KCN với tổng số khoảng 33.700 căn, trong đó, nhà ở xã hội 14 dự án quy mô 30.370 căn. Tính đến nay, trên địa bàn cả nước, đã hoàn thành 301 dự án nhà ở xã hội khu vực đô thị và nhà ở công nhân KCN, quy mô xây dựng khoảng 156.000 căn, với tổng diện tích hơn 7.8 triệu m². Đang tiếp tục triển khai 401 dự án, với quy mô xây dựng hơn 454.000 căn, tổng diện tích khoảng 22.7 triệu m².

II. VỀ TÌNH HÌNH MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHÍNH CỦA NGÀNH XD

Năm 2022 ngành Xây dựng phải đối mặt với tình trạng tăng giá bất thường của thị trường VLXD nửa đầu năm và tình trạng trầm lắng của thị trường bất động sản trong nửa cuối năm 2022.

1. Trong nửa đầu năm 2022, giá của một số VLXD chủ yếu có biến động rất lớn, bất thường và liên tục. Trong đó, giá thép xây dựng bắt đầu tăng từ tháng 10/2020, tăng nhanh từ tháng 12/2020 và đạt đỉnh vào quý I/2022. Giá Xi măng từ đầu năm đến tháng 5/2022 cũng đã có 4 lần tăng giá cao. Hiện tại, giá VLXD đã giảm và thiết lập mặt bằng mới nhưng vẫn cao hơn mặt bằng giá Quý IV/2020 từ 20-30%. Trong đó, giá thép giảm mạnh nhất, hiện tương đương quý II/2021 nhưng vẫn cao hơn 20% so với IV/2020. Giá xi măng bắt đầu giảm từ tháng 5/2022 và ổn định từ thời điểm tháng 7/2022 nhưng vẫn cao hơn 13,17% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá VLXD chủ yếu tăng cao đã tác động trực tiếp đến việc triển khai các hợp đồng xây dựng, đặc biệt là các hợp đồng đơn giá cố định, có giai đoạn gây đình trệ, gián đoạn các công trình xây dựng lớn, đặc biệt là các công trình có vốn đầu tư công. Tuy nhiên, Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đã kịp thời có nhiều giải pháp tháo gỡ và tăng cường hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, yêu cầu các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương thực hiện nghiêm việc công bố giá VLXD theo quy định pháp luật, tăng tần suất công bố và thường xuyên cập nhật, điều chỉnh công bố giá VLXD, chỉ số giá xây dựng bảo đảm kịp thời với những biến động giá trên thị trường Xây dựng. Theo đó, tình hình đã sớm ổn định trở lại từ đầu Quý III/2022 đến nay.

2. Thị trường bất động sản năm 2022 có sự tăng trưởng vào các tháng đầu năm nhưng có xu hướng giảm dần và trầm lắng vào nửa cuối năm do gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tình trạng thiếu nguồn cung, thiếu cân đối trong cơ cấu sản phẩm, trong đó thiếu trầm trọng nhà ở xã hội, nhà ở cho đối tượng thu nhập thấp, thu nhập trung bình. Thị trường gặp khó khăn trong huy động và tiếp cận các nguồn vốn, trong khi trái phiếu doanh nghiệp bất động sản bắt đầu bộc lộ các tồn tại, rủi ro. Thị trường BĐS trầm lắng đang kéo theo sự đình trệ của nhiều thị trường khác:

- **Số lượng dự án BĐS hoàn thành và cấp mới** năm 2022 hạn chế ở đa số các tỉnh thành trong cả nước, ước đến hết năm chỉ bằng 40-45% năm 2021.

- **Tổng lượng giao dịch BĐS** năm 2022 tương đương năm 2021 nhưng chủ yếu là do lượng giao dịch trong quý I và II và biến động giảm dần về cuối năm, trong đó Quý I tăng nóng, Quý II chững lại, Quý III bắt đầu giảm mạnh và hầu như rất hạn chế trong Quý IV.

- **Tín dụng kinh doanh BĐS** chiếm tỷ lệ cao trong tổng dư nợ tín dụng cả nước và tiềm ẩn rủi ro. Trái phiếu doanh nghiệp BĐS giảm dần theo các quý và hầu như không còn phát hành mới trong giai đoạn cuối năm.

Một số tồn tại khác:

1. Hệ thống pháp luật liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng, kinh doanh BĐS... vẫn còn bất cập cần sửa đổi để thống nhất.

2. Cơ cấu sản phẩm BĐS chưa phù hợp: Phổ biến là BĐS ở các phân khúc nhà ở trung, cao cấp, bất động sản du lịch có biểu hiện dư thừa (*có nhiều phân khúc đã vượt dự báo đến năm 2025*). Trong khi đó, thiếu trầm trọng NOXH, nhà ở cho công nhân và nhà ở thương mại giá phù hợp cho đối tượng thu nhập thấp, thu nhập trung bình (*Nhà ở XH mới đạt 7,8 triệu m²/12,5 triệu m² theo yêu cầu*).

3. Các sàn giao dịch BĐS hoạt động thiếu ổn định; hoạt động môi giới BĐS chưa được kiểm soát tốt.

4. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và thị trường BĐS tại các địa phương có tồn tại, bất cập: Một số địa phương có hiện tượng tách thửa, phân lô bán nền không đúng quy định, không phù hợp quy hoạch, thiếu hạ tầng nhưng chưa được kiểm tra, xử lý triệt để; công tác thông tin, công khai minh bạch về quy hoạch và các dự án hạ tầng, nâng loại đô thị, đơn vị hành chính còn chưa đầy đủ, kịp thời.

5. Việc kiểm soát dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực BĐS chưa chặt chẽ, còn tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt là trong phát hành trái phiếu doanh nghiệp BĐS.

6. Doanh nghiệp BĐS gặp khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng và huy động vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có

năng lực, tin cậy, có tín nhiệm, có dự án. Chưa có các nguồn vốn dài hạn, ổn định cho thị trường BĐS (*chưa có ngân hàng tiết kiệm nhà ở, các Quỹ; chưa hình thành thị trường tài chính thứ cấp cho BĐS*).

7. Chính sách thuế đối với sử dụng BĐS và hoạt động giao dịch, kinh doanh BĐS còn chưa phân biệt giữa sử dụng và đầu tư, kinh doanh, mua đi, bán lại dẫn đến hiện tượng đầu cơ, găm giữ BĐS, trốn thuế trong giao dịch BĐS, làm thất thu ngân sách.

II. VỀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG ĐIỀU HÀNH

Phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các Bộ ngành trung ương và sự vào cuộc khẩn trương, trách nhiệm, quyết liệt của các địa phương. Cụ thể:

1. Đối với tình hình giá cả Thị trường VLXD biến động mạnh trong các tháng đầu năm, Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đã chủ động phối hợp, trong 6 tháng đầu năm 2022, đã tổ chức 7 đoàn hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc công bố giá tại 07 địa phương; tổ chức nhiều hội nghị trực tiếp và trực tuyến toàn quốc yêu cầu các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nghiêm việc công bố giá theo quy định pháp luật, tăng tần suất công bố và thường xuyên cập nhật, điều chỉnh công bố giá VLXD, chỉ số giá xây dựng bảo đảm kịp thời với những biến động giá trên thị trường Xây dựng. Đến nay công tác Công bố giá VLXD chủ yếu đã cơ bản khắc phục tình trạng chậm, số lượng địa phương thực hiện công bố theo tháng đã tăng lên dần (*đến thời điểm cuối tháng 11/2022 đã có 52 địa phương đã thực hiện công bố giá vật liệu hàng tháng, 15 địa phương thực hiện công bố giá VLXD hàng quý*). Các địa phương công bố theo quý cũng đã công bố bổ sung giá một số vật liệu tại các thời điểm có biến động. Việc công bố giá VLXD đã cơ bản bám sát diễn biến thị trường, thuận tiện cho chủ đầu tư, nhà thầu trong quá trình thanh, quyết toán và xác lập quản lý chi phí đầu tư xây dựng cũng như trong các trường hợp điều chỉnh hợp đồng xây dựng.

2. Đối với tình trạng trầm lắng của TT BĐS: Qua khảo sát, kiểm tra cho thấy có nhiều vướng mắc chính gây đình trệ thị trường BĐS, trong đó, có các “Vướng mắc về mặt pháp lý”: là vướng mắc lớn nhất, chiếm 70% khó khăn của các dự án bất động sản, nhà ở hiện nay. Có vướng mắc liên quan khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng do Nhà nước kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động cho vay trong lĩnh vực bất động sản và hạn mức tín dụng của các ngân hàng, tổ chức tín dụng dành cho lĩnh vực bất động sản cạn dần. Nhưng cũng có vướng mắc do do tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, sợ rủi ro pháp lý trong một số đơn vị, cán bộ công chức dẫn đến đùn đẩy hồ sơ lòng vòng, tránh né trách nhiệm không dám đề xuất, không dám quyết định.

III. VỀ KIẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- ***Sớm phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ NOXH cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”.***

2. Kiến nghị với các địa phương:

- Trách nhiệm, quyết liệt, chủ động hơn nữa trong việc tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc cho các dự án bất động sản, nhà ở trên địa bàn.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, trong đó tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, trong đó lập danh mục các dự án, rà soát quỹ đất, hoàn thiện thủ tục pháp lý, lựa chọn chủ đầu tư để thực hiện các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” ngay sau khi được Thủ tướng phê duyệt./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022 đầy khó khăn do tác động cộng hưởng của đại dịch covid, suy thoái kinh tế toàn cầu, xung đột vũ trang, khủng hoảng năng lượng, thiên tai, biến đổi khí hậu vừa đi qua. **Với tinh thần đổi mới, sáng tạo, đoàn kết, đồng lòng chúng ta đã vượt qua các khó khăn để đưa đất nước phát triển, nâng cao đời sống cho nhân dân.**

Đảng và Nhà nước với tầm nhìn chiến lược, tư duy thời đại đã có những quyết sách quan trọng trong giải quyết những thách thức nghiêm trọng do khủng hoảng khí hậu, môi trường gây ra. Qua đó, không chỉ nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế với tư cách là thành viên có trách nhiệm, chủ động và tích cực trong giải quyết các vấn đề toàn cầu mà còn mang lại lợi ích kép - tiếp cận với tri thức, khoa học công nghệ tiên tiến, huy động nguồn lực hỗ trợ, thu hút nguồn vốn đầu tư cho phát triển đất nước theo con đường xanh, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh thế giới đã hình thành “luật chơi” mới về thương mại, đầu tư với rất nhiều rào cản về môi trường, tiêu chuẩn về phát thải.

Năm 2022, cũng là năm nhiều chủ trương, chính sách về quản lý tài nguyên được đổi mới, hoàn thiện; các nút thắt, điểm nghẽn được tháo gỡ tạo xung lực cho phát triển phục hồi sau đại dịch; huy động được các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua các khó khăn theo phương châm “lợi ích hài hòa, khó khăn chia sẻ”. Cải cách thủ tục hành chính đã mang lại sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp thông qua các chỉ số khảo sát đánh giá độc lập.

Với tinh thần "Trên dưới đồng lòng", "Dọc ngang thông suốt" đặc biệt là chung tay của toàn dân công tác bảo vệ môi trường đã chuyển bị động sang chủ động phòng ngừa, bảo vệ và phục hồi. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đã được hoàn thiện, cùng đổi mới mô hình phát triển dựa vào khoa học công nghệ⁸ đã bước đầu đặt nền tảng cho phát triển kinh tế hài hòa với bảo vệ môi trường, đánh dấu giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân.

Năm 2023, thế giới tiếp tục đối mặt với những thách thức nghiêm trọng do khủng hoảng khí hậu, môi trường. Các xu thế phát triển bền vững từng bước đi vào chính sách và hành động cụ thể của các quốc gia; ước tính 90% GDP toàn cầu nằm trong diện phải thực hiện cam kết đưa mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Cạnh tranh về kinh tế ngày càng mở rộng, không chỉ là thương mại, đầu tư,

⁸ Các mô hình, công nghệ hiện đại như tái chế, đốt rác phát điện đã được triển khai trong tái chế, xử lý chất thải.

mà các tiêu chuẩn công nghệ, môi trường, phát thải, bảo đảm nguồn cung nguyên liệu thiết yếu, an toàn chuỗi cung ứng trở thành một thành tố quan trọng trong quản trị kinh tế toàn cầu. Năng lượng, tài nguyên chiến lược, thiết yếu (khoáng sản khan hiếm, nguồn nước,...) đang được nhiều quốc gia sử dụng như một “vũ khí” trong các quan hệ quốc tế.

Để chuyển hóa các thách thức, ngành tài nguyên và môi trường thực hiện phương châm chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa các thành tựu khoa học công nghệ, xu thế của thời đại; đổi mới, cải cách đồng bộ thể chế tạo dư địa và động lực, khơi thông, giải phóng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài nguyên; đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số phục vụ cho tương lai bền vững đất nước, nâng cao chất lượng sống cho Nhân dân. Trong đó:

Trước hết, Bộ sẽ tập trung sửa đổi Luật đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật khoáng sản ; bổ sung các cơ chế khuyến khích, công cụ kinh tế, quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường thiết lập hàng rào kỹ thuật để lựa chọn các dự án công nghệ tốt nhất, ngăn ngừa các dự án, công nghệ có nguy cơ ô nhiễm. Tập trung các giải pháp chính sách, quy hoạch để khai thác tiềm năng lợi thế về biển, khu vực còn nhiều dư địa để tạo động lực cho đột phá phát triển, mở cửa, hội nhập trong “Thế kỷ của đại dương”.

Các địa phương cần có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ trong tiến trình xây dựng chính sách, pháp luật đặc biệt là dự án Luật đất đai (sửa đổi), nhiệm vụ trọng tâm của công tác lập pháp nhiệm kỳ này; để các quy định được ban hành sát đúng với thực tiễn, tôn trọng thực tiễn và đảm bảo khả thi. Cần triển khai xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể các cơ quan, cấp ủy, chính quyền các cấp trong khai sâu rộng, khoa học, nghiêm túc, thực chất, khách quan và hiệu quả việc lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Luật đất đai (sửa đổi) ngay từ ngày đầu tiên của năm 2023. Phát huy quyền làm chủ, trí tuệ, tâm huyết của Nhân dân trong tham gia lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; thực hiện vai trò, trách nhiệm trong sở hữu toàn dân về đất đai đã được hiến định trong Hiến pháp và khẳng định trong các Nghị quyết của Đảng. Trên cơ sở ý kiến của các tầng lớp Nhân dân, Chính phủ sẽ tiếp tục hoàn thiện dự án Luật đất đai (sửa đổi) thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương của Đảng, ý chí nguyện vọng của Nhân dân, mang hơi thở của thực tiễn cuộc sống và đáp ứng các mục tiêu đặt ra.

Thứ hai, thúc đẩy chuyển đổi xanh đã được thể chế hóa trong các quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các chiến lược môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh. Trong đó, tập trung phát triển năng lượng tái tạo khai thác tài nguyên năng lượng tái tạo⁹. Các Bộ, ngành, địa phương cần sớm xây dựng các kế hoạch, đề xuất các chương trình, dự án và hoàn thiện các cơ chế chính sách để thu hút nguồn lực đầu tư cho quá trình chuyển đổi; trước mắt đón dòng vốn hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong Quan hệ đối tác về chuyển đổi năng lượng công bằng với G7 và các đối tác quốc tế.

Các địa phương cần tập trung xác định phân vùng môi trường để quyết

⁹ Tài nguyên gió với mật độ năng lượng khoảng 400-600W/m², năng lượng sóng 20-30 kW/m, năng lượng trực xạ và bức xạ khoảng 3.000 đến 5.000 W/m²/ngày.

định các dự án đầu tư dựa trên hạn ngạch xả thải và ngưỡng chịu tải của môi trường. Quy hoạch kết nối hệ sinh thái kinh tế năng lượng xanh - sản xuất xanh - tiêu dùng xanh để các sản phẩm vượt qua các rào cản khắt khe về môi trường, tiêu chuẩn các bon thâm nhập vào thị trường các nước phát triển và chuỗi cung ứng toàn cầu. Phát triển đô thị xanh, thông minh; chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch. Khắc phục tình trạng suy thoái đất; bảo vệ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học. Điều tra, đánh giá các loại khoáng sản chiến lược, dự trữ năng lượng, vật liệu bán dẫn để thu hút đầu tư, đón đầu xu thế phát triển toàn cầu.

Tăng cường ngoại giao về khí hậu, môi trường thu hút nguồn lực hỗ trợ quốc tế, nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước cho chuyển đổi xanh, phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai tăng cường sức chống chịu của các khu vực dễ bị tổn thương. Tập trung giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách như rác thải sinh hoạt, ô nhiễm không khí ở các đô thị, bảo vệ môi trường nước.

Thứ ba, là ngành quản lý các dữ liệu nền tảng, dữ liệu lớn (bigdata) với các thông tin địa lý, không gian, lãnh thổ, tài nguyên, tài sản của toàn dân (đất đai, nguồn nước, khoáng sản, tài nguyên biển), quan trắc, khí hậu,... chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường sẽ tạo ra tài nguyên mới càng sử dụng, khai thác thì càng được làm giàu và có giá trị. Vì vậy, cùng với chuyển đổi xanh, ngành sẽ tập trung chuyển đổi số. Trong đó, mục tiêu là phải sớm đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu đất đai; cung cấp các dịch vụ định vị chính xác cho đô thị thông minh; phát triển mô hình số độ cao để chủ động giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sụt lún, sụt lở; vận hành công thông tin địa lý quốc gia...Cung cấp dịch vụ công trực tuyến dựa trên các dữ liệu đất đai, tài nguyên kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhà ở, thuế và các tổ chức tín dụng. Thực hiện điều hành hoàn toàn trên môi trường mạng, phát triển, hiện đại hóa hạ tầng số, nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin.

Đề nghị các địa phương ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư thực hiện số hóa dữ liệu đất đai để cùng phấn đấu mục tiêu hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông trước năm 2025 sớm hơn so với yêu cầu của Trung ương, Quốc hội.

Nhân dịp này, ngành tài nguyên và môi trường xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời với các định hướng, quyết sách lớn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ. Trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ của các Ban Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng dân tộc và các cơ quan của Quốc hội, các Bộ, ngành; sự vào cuộc của Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; sự hưởng ứng, đồng hành,

giám sát của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp để ngành vượt qua những khó khăn, thách thức đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022, Bộ TT&TT đã được Chính phủ bổ sung thêm một số chức năng, nhiệm vụ quan trọng về chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, về công nghiệp công nghệ số, về giao dịch điện tử. Bộ TT&TT đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội: thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; cho ý kiến vào dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi).

Công cuộc chuyển đổi số quốc gia do Bộ TT&TT được giao chủ trì triển khai thực hiện với mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số lớn mạnh của Việt Nam để vươn ra thế giới ngày càng được lan tỏa sâu rộng trên phạm vi toàn quốc. Năm 2022 đã đánh dấu Ngày chuyển đổi số Quốc gia (10/10) lần đầu tiên được tổ chức, với chủ đề ***“Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”***. Định hướng xuyên suốt về chuyển đổi số năm 2022 là đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số thông qua phổ cập sử dụng các nền tảng số Việt Nam, giúp người dân, doanh nghiệp thụ hưởng trực tiếp sự tiện lợi cũng như lợi ích của chuyển đổi số với 22 nhiệm vụ, giải pháp quan trọng vừa mang tính trung hạn, vừa mang tính ưu tiên triển khai trong năm vừa qua. Trên cơ sở đó, hoạt động bưu chính cũng đã có bước chuyển dịch mạnh mẽ trên không gian mạng với sự bùng nổ của thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn. Hạ tầng viễn thông và hạ tầng số trong năm vừa qua có nhiều bước chuyển mình mạnh mẽ đầu tư đi trước, từng bước đáp ứng vai trò là hạ tầng kinh tế kỹ thuật quan trọng của Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc gia, góp phần hiện thực hóa khát vọng vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Các nền tảng số Make in Viet Nam được coi là hạ tầng mềm của không gian số, đã góp phần giúp giải quyết các bài toán của chuyển đổi số, tạo lập và lưu trữ dữ liệu người dùng, mang lại giá trị thiết thực cho người dân và tạo đòn bẩy để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam hội nhập quốc tế.

Hoạt động báo chí, truyền thông tiếp tục khẳng định được vai trò quan trọng trong việc phản ánh trung thực dòng chảy chính của xã hội, tạo đồng thuận, lan tỏa năng lượng tích cực, góp phần tạo ra sức mạnh tinh thần để Việt Nam bứt phá vươn lên. Đặc biệt, trong năm vừa qua, Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác truyền thông chính sách do Thủ tướng Chính phủ chủ trì với chủ đề ***“Nhận thức-Hành động-Nguồn lực”*** đã đi đến thống nhất quan điểm về truyền thông chính sách, đề ***“Dân biết - Dân hiểu - Dân tin - Dân theo - Dân làm - Dân thụ hưởng”***.

Doanh thu toàn ngành TT&TT năm 2022 ước đạt 3.893.595 tỷ đồng, tăng 12,7% so với năm 2021 và gấp 1,5 lần so với dự báo tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 của cả nước. Nộp ngân sách nhà nước ước đạt 98.982,30 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2021. Tổng số lao động toàn ngành năm 2022 là 1.510.027 lao động, tăng 5% so với năm 2021. Năng suất lao động ngành TT&TT (tính theo đóng góp vào GDP) ước đạt khoảng 648 triệu đồng, tốc độ tăng năng suất lao động là 6,7% so với năm 2021.

Năm 2023, là năm giữa nhiệm kỳ, năm bản lề thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực cho các năm tiếp theo để thực hiện thành công các mục tiêu Kế hoạch giai đoạn 05 năm (2021 - 2025). Dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường hơn cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội.

Đứng trước những thách thức đó, trong năm 2023, quán triệt tinh thần chủ đề điều hành của Chính phủ **“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo; kịp thời hiệu quả”**, ngành TT&TT đã đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành và kiến nghị các địa phương, cũng như các bộ, ban, ngành tích cực phối hợp, nhằm đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, giải quyết triệt để tình trạng “báo hóa” tạp chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, “tư nhân hóa” báo chí; tăng cường truyền thông chính sách, thông tin về các nhân tố tích cực. Tăng cường các biện pháp bảo vệ người dân, bảo đảm an toàn cho trẻ em trên không gian mạng. Nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, phổ cập kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dân, tạo lập “niềm tin số” trên môi trường mạng; thúc đẩy người dân sử dụng các nền tảng số Việt Nam.

Thứ hai, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả thông tin xấu, độc, sai sự thật, phản bác quan điểm sai trái trên mạng xã hội; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh với các nền tảng xuyên biên giới trên cơ sở “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” và tuân thủ luật pháp Việt Nam, bảo đảm chủ quyền đất nước và tính thượng tôn pháp luật của Việt Nam.

Thứ ba, xây dựng cơ chế chính sách làm cơ sở để các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương bố trí ngân sách dành riêng cho truyền thông, cả chi thường xuyên và chi đầu tư, để báo chí cách mạng nâng cao năng lực cạnh tranh về hạ tầng công nghệ và nhân lực, giúp cho báo chí hoàn thành được nhiệm vụ tạo nên đồng thuận xã hội, niềm tin và khát vọng Việt Nam. Đầu tư cho báo chí, truyền thông sẽ là đầu tư hiệu quả nhất. Vì nó tạo ra sức mạnh của nhận thức, sức mạnh của tinh thần.

Thứ tư, tiến hành phủ sóng toàn diện, bao trùm tới mọi miền đất nước, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, để tất cả mọi người dân đều được thụ hưởng dịch vụ viễn thông. Trọng tâm phát

triển hạ tầng số năm 2023 là thương mại hóa mạng 5G, tạo ra những thay đổi về kết nối, để hạ tầng thông tin liên lạc trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế.

Thứ năm, năm 2023 là “**năm dữ liệu Việt Nam**”, là năm của những hành động cụ thể, là năm thực thi với cách làm mới. Tập trung bảo vệ dữ liệu cá nhân; công bố và xây dựng các cơ sở dữ liệu cấp bộ, ngành và địa phương; mở dữ liệu để kết nối chia sẻ; bảo đảm an toàn dữ liệu; tạo ra dữ liệu và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới là sự khác biệt căn bản của chuyển đổi số, để người dân được thụ hưởng thành quả của công cuộc chuyển đổi số.

Thứ sáu, tập trung thúc đẩy kinh tế số, trọng tâm là phát triển kinh tế số nền tảng để phục vụ người dân và doanh nghiệp, kinh tế số ngành là chiến lược lâu dài để phát triển toàn diện, bền vững. Thúc đẩy thương hiệu Make in Viet Nam, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số phát triển trong nước, hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và vươn ra chinh phục thế giới; coi chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ngành TT&TT luôn chủ động tạo ra những thách thức mới cho chính mình để từ đó vươn lên, và cũng luôn sẵn sàng nhận những nhiệm vụ mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Nhiệm vụ khó khăn, thách thức lớn luôn tạo ra sự phát triển mới và giữ chúng ta ở vị trí xuất sắc, với tinh thần đó ngành TT&TT sẽ tiếp tục thực hiện sứ mệnh dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, quyết tâm hành động mạnh mẽ để thúc đẩy xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và truyền thông số, góp phần hiện thực hóa khát vọng Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Trong năm 2023, Bộ TT&TT khuyến nghị các bộ, ngành và địa phương tiếp tục đẩy nhanh kế hoạch triển khai thúc đẩy Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số và xã hội số, thay đổi mô hình quản trị, mô hình kinh doanh, thực hiện chuyển đổi số toàn dân và toàn diện.

Nhân dịp năm mới 2023 và Tết Quý Mão, xin được kính chúc các đồng chí đại biểu dồi dào sức khỏe, năng lượng mới để hoàn thành kế hoạch 2023, về đích Kế hoạch giai đoạn 5 năm (2021-2025)./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Trước tiên, tôi thống nhất với các báo cáo của Chính phủ đã trình bày và ý kiến phát biểu của nhiều bộ, ngành, địa phương tại Hội nghị. Chúng ta vừa đi qua năm 2022 với đại dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, kinh tế Việt Nam đã dần ổn định và phục hồi nhanh với tăng trưởng GDP đạt **8,02%** (*cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022*), an sinh xã hội, an toàn và an ninh trật tự được đảm bảo.

Thị trường lao động phục hồi mạnh so với năm 2021, đặc biệt không để xảy ra đứt gãy nguồn lao động ngay từ đầu năm, cơ bản các khu công nghiệp, khu chế xuất, các vùng kinh tế trọng điểm duy trì được lực lượng lao động ổn định. Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước là **51,7 triệu** người; lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là **50,6 triệu** người; xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động quay trở lại chiều hướng tích cực; tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức giảm, ở khu vực thành thị là **47,0%**, ở khu vực nông thôn là **62,2%**; trong đó giảm lao động trong khu vực nông nghiệp và tăng lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ so với quý IV năm 2021.

Tuy nhiên, từ đầu quý IV đến nay, một số ngành, lĩnh vực ở khu vực phía Nam, nhất là doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày, chế biến gỗ... gặp những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, duy trì việc làm cho người lao động, bị cắt giảm đơn hàng, dẫn đến phải cắt giảm, giãn việc làm. Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có **528** doanh nghiệp bị cắt giảm đơn hàng cục bộ (*chiếm khoảng 0,06% tổng số doanh nghiệp*); tổng số lao động bị ảnh hưởng việc làm trong các doanh nghiệp là gần **637,5 nghìn** người (*khoảng 4% tổng số lao động trong doanh nghiệp*). Bên cạnh đó, về nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong những tháng cuối năm 2022 và quý I/2023 khoảng 377,7 nghìn người (*cao hơn rất nhiều so với số mất việc làm trong các doanh nghiệp thời gian vừa qua, tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Ninh, Đồng Nai,*).

Trước những khó khăn, biến động trong sản xuất, kinh doanh, thời gian qua, Bộ LĐTBXH đã cùng các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đã nỗ lực xoay sở duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động, cố gắng hạn chế thấp nhất việc sa thải lao động; tìm phương án sắp xếp, bố trí lại lao động, giãn việc, giảm giờ làm hoặc thực hiện phương án sử dụng lao động và giải quyết chế độ đối với người lao động theo quy định. Trung tâm dịch vụ việc làm tăng cường cung cấp thông tin, giới thiệu việc làm cho người

lao động, nhất là đối với những người mất việc làm, sang những doanh nghiệp có nhiều đơn hàng; phối hợp với tổ chức công đoàn các cấp đối thoại, chia sẻ khó khăn với người lao động; kịp thời giải quyết các tranh chấp lao động, đình công phát sinh, không để xảy ra tình trạng mất an ninh, trật tự.

Đồng thời, để kịp thời ổn định tình hình, Bộ LĐTBXH đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số **1170/CD-TTg** ngày 16/12/2022 về các biện pháp ổn định, phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, bền vững và chăm lo đời sống người lao động.

Do đó, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,23%; trong đó khu vực thành thị là 2,79%, khu vực nông thôn là 2,03%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng **67%**, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt **26,2%** -đạt mục tiêu; tiền lương bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp năm 2022 là 8,25 triệu đồng/tháng, tăng 6% so với năm 2021, trong đó: (i) Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là 9,52 triệu đồng/tháng; (ii) Doanh nghiệp dân doanh là 8,02 triệu đồng/tháng; (iii) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 8,47 triệu đồng/tháng.; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt **26,3%**.

Công tác giải quyết việc làm gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động, hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đã được chính quyền các địa phương quan tâm, chú trọng gắn với thực hiện, lồng ghép các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội mang lại hiệu quả tích cực. Về tiền thưởng, năm nay Tết Dương lịch và Tết Âm lịch khá gần nhau nên các doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào thưởng Tết Âm lịch, dẫn đến tiền thưởng tết dương lịch giảm, bằng 91% so với thưởng dịp Tết Dương lịch 2022 (bình quân là 1,24 triệu đồng/người); tiền thưởng tết Âm lịch tăng 11% so với Tết Âm lịch năm 2022 (bình quân là **6,86 triệu** đồng/người).

Cùng với đó là việc tiếp tục chăm lo tốt chính sách đối với người có công với cách mạng, đảm bảo an sinh xã hội, đời sống người có công với cách mạng không ngừng được nâng lên. Hiện nay có **99%** xã, phường làm tốt công tác thương binh liệt sĩ, **99%** hộ gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống của người dân nơi cư trú. Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư năm 2022 của Tổng cục Thống kê (Bộ KHĐT), tình hình đời sống của hộ dân cư được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt **4,6 triệu** đồng/người/tháng, tăng **9,5%** so với năm 2021. Đồng thời các chính sách xã hội khác luôn được các Bộ, ngành và địa phương quan tâm thực hiện.

Bước sang năm 2023, với những tiền đề cơ bản rất vững chắc song chúng ta cũng phải đứng trước rất nhiều khó khăn, thách thức đó là: trong nước lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ trong thời gian tới, tình trạng doanh nghiệp giảm sút đơn hàng do nguy cơ suy thoái toàn cầu; cạnh tranh giữa các nước lớn trên thế giới xung đột Nga – Ucraina vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, biến đổi khí hậu ngày càng trầm trọng, năng suất lao động của Việt Nam chưa đạt được như kỳ vọng (đây là 1/15 chỉ tiêu duy nhất

không đạt được trong năm 2022)... Những thách thức này ảnh hưởng trực tiếp đến đảm bảo ổn định và phát triển thị trường lao động, việc đảm bảo an sinh xã hội là vô cùng lớn.

Để khắc phục những khó khăn, kịp thời tham mưu cho Chính phủ trong công tác đảm bảo ổn định thị trường lao động, việc làm và an sinh xã hội, ngành Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tập trung các nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý Nhà nước của ngành: Hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội. Trong đó, tập trung hoàn thiện Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, ban hành Nghị quyết về chính sách xã hội, với mục tiêu xây dựng một hệ thống chính sách xã hội Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045, đảm bảo tính toàn diện, bao trùm và tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo cơ bản quyền an sinh của người dân, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Thứ hai, Ổn định và phát triển thị trường lao động đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, kịp thời ứng phó với các thách thức của kinh tế trong và ngoài nước là điểm nhấn quan trọng năm 2023: Cùng với các ngành, các cấp đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động bền vững, hiệu quả; Tập trung rà soát, tổ chức nắm bắt về tình hình nhu cầu tuyển dụng, tình hình cắt giảm sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI, các ngành sử dụng nhiều lao động (may mặc, giày da, sản xuất gỗ,...) để có phương án kết nối cung – cầu lao động, kết nối người lao động với người sử dụng lao động có nhu cầu; tăng tần suất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, ưu tiên các phiên giao dịch việc làm trực tuyến, hỗ trợ người lao động khi tham gia giao dịch việc làm (chi phí đi lại, thông tin tuyên truyền,...).

Bổ sung nguồn vốn và đẩy mạnh cho vay giải quyết việc làm. Tổ chức theo dõi, phối hợp tuyên truyền để đảm bảo quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tránh các cuộc đình công, khiếu kiện đông người.

Thứ ba, nghiên cứu và thực hiện các giải pháp căn cơ góp phần nâng cao năng suất lao động của Việt Nam, Bộ sẽ tập trung nâng cao chất lượng công tác giáo dục nghề nghiệp, nhất là ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, khu chế xuất để đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng nghề cho phục hồi và phát triển kinh tế; thúc đẩy mạnh mẽ đào tạo lao động có trình độ tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Thứ tư, thực hiện đồng bộ hệ thống chính sách an sinh xã hội đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Thực hiện tốt chính sách chăm lo cho người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội nhằm không ngừng nâng cao về đời sống vật chất và tinh thần cho người có công và đối tượng bảo trợ xã hội; cùng với việc đảm bảo các chính sách xã hội như: chính sách giảm nghèo bền vững, chính

sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội,...

Thứ năm, coi việc đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số là một khâu đột phá quan trọng, tạo sự đồng bộ, liên thông cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị, kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

Cuối cùng, thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, ngành LĐTBXH đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp uỷ, chính quyền các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, phối hợp chăm lo chu đáo nhất để mọi người, mọi nhà, nhất là người có công, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số và những người bị ảnh hưởng bởi bão lũ, thiên tai, bảo đảm người dân đón Tết Nguyên Đán Quý Mão 2023 đậm ấm, vui tươi./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Trước tiên, Bộ VH TTDL xin bày tỏ sự thống nhất cao đối với Báo cáo trung tâm về công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Chính phủ. Báo cáo đã nhận diện, đánh giá thực chất những kết quả đạt được, thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; rút ra các bài học kinh nghiệm; trên cơ sở đó đặt ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023 với phương châm “*Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả*”. Trên cơ sở phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư, ý kiến gợi mở của Thủ tướng Chính phủ, để bổ sung, làm rõ thêm một số nội dung về phát triển văn hóa, tôi xin có một số ý kiến cụ thể như sau:

1. Đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa trong thời gian qua:

Năm 2022, được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Nhà Nước, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự ủng hộ của các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là sau thành công của Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, toàn Ngành được tiếp thêm động lực mới, tinh thần mới, niềm tin mới, phần chấn mới để khắc phục, vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước, nhân dân tin tưởng, giao phó.

Tiếp tục thực hiện phương châm hành động đã đặt ra cho cả nhiệm kỳ “*Quyết liệt hành động - Khát vọng cống hiến*”, trên cơ sở Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hoá toàn quốc năm 2021, Chiến lược phát triển văn hoá Việt Nam đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ngay từ đầu năm, tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An - quê hương của Bác Hồ kính yêu, Bộ VH TTDL đã tổ chức phát động và triển khai trong toàn ngành chủ đề công tác năm 2022 “*Xây dựng môi trường văn hóa cơ sở và công tác tổ chức cán bộ*” với tinh thần quyết tâm, quyết tâm hơn nữa, để cùng với các ngành, các cấp từng bước hiện thực hóa mục tiêu chấn hưng, phát triển văn hóa Việt Nam.

Nhìn chung, công tác văn hóa, thể thao và du lịch có xu hướng phục hồi tích cực sau 02 năm chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 với một số “*điểm sáng*”:

- **Về công tác chỉ đạo điều hành:** Tiếp tục quán triệt, đổi mới cách thức tiếp cận, tư duy quản lý từ “*làm văn hóa*” sang “*quản lý nhà nước về văn hóa*” và kiến tạo chính sách, khơi thông nguồn lực.

- **Về công tác tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế:** Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, tiếp tục xây dựng, đề xuất ban hành mới các chính sách pháp luật để giải quyết những “nút thắt”, “hạn chế khoảng trống về pháp lý” thúc đẩy phát triển lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch. Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua 03 dự án Luật¹⁰, rà soát, đánh giá 03 văn bản Luật và trình Chính phủ đồng ý chủ trương lập đề nghị xây dựng¹¹. Trình Chính phủ ban hành 03 Nghị định. Ban hành theo thẩm quyền 15 Thông tư.

- **Nỗ lực thực hiện nhiệm vụ “Chấn hưng, phát triển văn hoá Việt Nam”, từng bước cụ thể hoá vai trò của văn hoá - “hệ điều tiết” trong sự vận động mọi mặt của đời sống:** *i)* Chọn cơ sở là địa bàn trọng tâm để tác nghiệp, bảo tồn, phát huy và nhân lên các giá trị văn hóa; nhân dân là chủ thể xây dựng môi trường văn hoá; *ii)* phát huy sức mạnh tổng hợp của các hệ thống chính trị để xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh thông qua các Chương trình phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; *iii)* Phối hợp với Hiệp hội phát triển văn hoá doanh nghiệp Việt Nam triển khai Bộ tiêu chí văn hoá kinh doanh Việt Nam trong đó có các nhóm tiêu chí hết sức quan trọng như thượng tôn pháp luật và trách nhiệm đối với xã hội; *iv)* tổ chức các sự kiện, chương trình văn hoá nghệ thuật cấp quốc gia, cấp vùng gắn với xây dựng môi trường văn hoá, đồng thời đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hoá của nhân dân (*Liên hoan Tiếng hát công nhân toàn quốc, Liên hoan ca múa nhạc toàn quốc, Ngày hội văn hoá của các dân tộc...*); *v)* Tổ chức Lễ phát động sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật “*Sống mãi với thời gian*”.

- **Từng bước nghiên cứu, xây dựng con người Việt Nam với những giá trị chuẩn mực phù hợp, phát huy giá trị gia đình, quốc gia - dân tộc.** Triển khai thí điểm **Bộ chỉ số gia đình hạnh phúc** tại một số địa phương.

- **Phát huy sức mạnh mềm của văn hoá** thông qua du lịch, sự kiện thể thao khu vực, quốc tế và các Tuần văn hoá Việt Nam tại nước ngoài. Triển khai xây dựng Đề án phát triển mạng lưới thành phố sáng tạo nằm trong hệ thống thành phố sáng tạo UNESCO.

- Tổ chức thành công SEA Games 31, Đại hội Thể thao toàn quốc. Đội tuyển bóng đá nữ quốc gia lần đầu tiên trong lịch sử giành quyền tham dự World Cup. Du lịch nội địa phục hồi tích cực, đạt xấp xỉ 102 triệu lượt (vượt chỉ tiêu 60 triệu đặt ra từ đầu năm); tổng thu từ du lịch ước đạt 495 nghìn tỷ đồng.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

Một là, Tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hai là, Kiên trì thực hiện quan điểm đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý từ “*làm văn hóa*” sang “*quản lý nhà nước về văn hóa*”, đề cao kỷ luật kỷ cương

¹⁰ Luật Điện ảnh sửa đổi; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình sửa đổi; Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi (phần quyền tác giả, quyền liên quan)

¹¹ Luật Di sản văn hoá; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quảng cáo; Luật Nghệ thuật biểu diễn

hành chính, sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ với các Bộ, ngành, địa phương liên quan; giữa Bộ với các Sở.

Ba là, Tiếp tục tạo sự chuyển biến thực chất trong công tác xây dựng môi trường văn hoá cơ sở, thí điểm mô hình môi trường văn hoá cơ sở tại một số địa bàn tiêu biểu, từ đó đánh giá, nhân rộng mô hình trong cả nước; phát huy lối sống “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”.

Bốn là, Nghiên cứu hệ giá trị con người Việt Nam để xây dựng, phát triển con người Việt Nam với những phẩm chất phù hợp với yêu cầu của thời đại mới.

Phát triển con người gắn với chăm lo và đề cao văn hóa gia đình; đề cao văn hóa trong nhà trường; đề cao văn hóa trong xã hội, lan tỏa những giá trị truyền thống, “*lấy cái đẹp dẹp cái xấu*” “*lấy cái tích cực đẩy lùi cái tiêu cực*”.

Năm là, Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, định hướng phát triển nhân cách của con người Việt Nam, nhất là trong thế hệ trẻ.

Tập trung phát triển các loại hình nghệ thuật, từ nghệ thuật đại chúng đến nghệ thuật bác học theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Bảo đảm quyền hưởng thụ, tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật của mỗi người dân và cộng đồng.

Sáu là, Xây dựng Bộ chỉ số quốc gia về phát triển văn hóa và triển khai ứng dụng định kỳ để đo lường, đánh giá và giám sát sự đóng góp và tăng trưởng của lĩnh vực văn hóa trong tổng thể phát triển quốc gia. Không để tụt hậu và từng bước đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá, du lịch.

Bảy là, Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách, điều chỉnh xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó đặt trọng tâm nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập của thị trường văn hóa.

Tám là, Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trên tinh thần đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho sự phát triển lâu dài và bền vững.

Chín là, Tập trung phát triển đa dạng các hình thức tập luyện thể dục thể thao ở cơ sở, nâng cao sức khỏe, phát triển tâm vóc, thể lực, phòng, chống bệnh tật; triển khai Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2030, tập trung đối với 02 bộ môn bóng đá và điền kinh.

Mười là, chủ trì, phối hợp cùng các địa phương sơ kết, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn để đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết). **Bộ VHTTDL xác định đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, là nền tảng** để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi Luật Du lịch 2017 (nếu cần thiết).

Đặc biệt, để những chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà

nước thực sự đi vào cuộc sống, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các Ban, bộ, ngành, địa phương trong công tác truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước và từ nhận thức sẽ chuyển thành hành động. Nhân dịp này, Bộ VH-TT-DL kính báo cáo, đề nghị với Trung ương cho thành lập các Đoàn công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Đảng, Chiến lược của Chính phủ về xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Về tình chung, kết quả nổi bật trong thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước thuộc ngành KH&CN năm 2022

Một là, năm 2022, Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam xếp thứ 48/132 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng; tiếp tục xếp thứ 4 trong Đông Nam Á; xếp thứ 2 trong các quốc gia có mức thu nhập bình quân thấp (sau Ấn Độ). Mặc dù giảm thứ hạng so với năm 2021 (xếp thứ 44), tuy nhiên một số chỉ số đã có cải thiện đáng chú ý như trụ cột Thể chế tăng 32 bậc, từ thứ hạng 83 năm 2021 lên 51 năm 2022; nhóm chỉ số Liên kết đổi mới sáng tạo tăng 10 bậc, từ thứ hạng 58 năm 2021 lên 48 năm 2022 (trước đó năm 2021 đã tăng 17 bậc từ thứ hạng 75 năm 2020 lên 58 năm 2021); trụ cột Sản phẩm sáng tạo tăng 7 bậc, từ thứ hạng 42 năm 2021 lên 35 năm 2022;...

Hai là, căn cứ trên Báo cáo tình hình KT-XH Quý IV và năm 2022 do Tổng cục Thống kê mới công bố, đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) ước tính đạt khoảng 43.8% (gần bằng trung bình giai đoạn trước dịch Covid-19 2016-2020 là 45.5%; cao hơn mức 37.12% của năm 2021).

Ba là, doanh nghiệp ngày càng quan tâm hơn đến hoạt động KH&CN&ĐMST. Năm qua, các tập đoàn, công ty lớn như VinGroup, Samsung,... tiếp tục đầu tư nhiều hơn cho hoạt động KH&CN&ĐMST (Giải thưởng VinFuture; Tập đoàn Samsung Việt Nam khai trương Trung tâm R&D lớn nhất Đông Nam Á tại Việt Nam, khoảng 220 triệu USD;...)

Về các kiến nghị của địa phương

Năm qua, Bộ KH&CN đã tổ chức trên nhiều cuộc làm việc với các địa phương, theo đó, ghi nhận được nhiều kiến nghị của địa phương về hoạt động KH&CN&ĐMST, trong đó nổi lên có mấy nội dung sau:

Một là, hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành KH&CN. Năm 2022, Bộ KH&CN đã ban hành 09 Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN, quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật của 89/206 dịch vụ sự nghiệp công thuộc các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường tiêu chuẩn chất lượng, thông tin KH&CN, an toàn bức xạ và hạt nhân, năng lượng nguyên tử,... Hiện nay, Bộ KH&CN đang tập trung hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật còn lại và sẽ ban hành ngay trong thời gian tới.

Hai là, hướng dẫn quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp đề địa phương thống nhất áp dụng. Về nội dung này, Bộ KH&CN đã rà soát quy định, theo đó, việc quy định nội dung này thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương. Với trách nhiệm của mình, Bộ KH&CN sẽ phát hành văn bản hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở ngay trong tháng 01/2023.

Ba là, bổ sung nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, xác định trách nhiệm cụ thể giữa các ngành có liên quan như cơ quan thuế, tài chính. Về nội dung này, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKH&CN ngày 31/5/2022 hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

Về nội dung này, Bộ KH&CN xin đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo các Sở KH&CN nghiên cứu, phổ biến đến các doanh nghiệp trên địa bàn để triển khai, góp phần khơi thông nguồn lực này của doanh nghiệp đúng theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện các nhiệm vụ về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là, sửa đổi, bổ sung các quy định về khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN(NSNN), trong đó làm rõ các điều kiện để thực hiện khoản chi đến sản phẩm cuối cùng và khoản chi từng phần.

Về nội dung này, Bộ KH&CN đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư sửa đổi Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC quy định khoản chi trong nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính & Bộ KH&CN cũng đã phối hợp khảo sát thực tế tình hình triển khai nhiệm vụ KH&CN và xin ý kiến một số đơn vị, địa phương có chi tiêu NSNN cho KH&CN lớn đối với những nội dung đề xuất sửa đổi 02 Thông tư nói trên do 02 Bộ dự thảo. Đến nay, Bộ KH&CN đã hoàn thiện và đăng tải dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC lên Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN để xin ý kiến rộng rãi; đồng thời, Bộ cũng đã có ý kiến góp ý đối với dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính, dự kiến các Thông tư sẽ được ban hành trong năm 2023.

Về kiến nghị, đề xuất của Bộ KH&CN

Bộ KH&CN đã xây dựng và đánh giá thử nghiệm chỉ số ĐMST cấp địa phương tại 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*theo phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022*)

Vừa qua, chuyên gia quốc tế độc lập do WIPO chỉ định đã tiến hành đánh giá độc lập bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của Việt Nam. Kết quả đánh giá của chuyên gia quốc tế cho thấy khung chỉ số và các chỉ số thành phần được thiết kế phù hợp, phản ánh được hiện trạng của đối tượng được đo lường; các bước xử lý dữ liệu, tính toán điểm số và thứ hạng đều được thực hiện đầy đủ,

chính xác, minh bạch và đáng tin cậy. Kết quả thử nghiệm cho thấy bộ chỉ số ĐMST cấp địa phương đủ mạnh để đưa ra những kết luận hữu ích. Kết quả đánh giá cũng cho thấy còn một vài chỉ số cần được xem xét khi triển khai trên phạm vi toàn quốc trong thời gian tới. Việc rà soát, xem xét, tinh chỉnh các chỉ số hằng năm để phù hợp với bối cảnh và mục tiêu cũng là thông lệ chung trong xây dựng các chỉ số tổng hợp.

Bộ Khoa học và Công nghệ xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép chính thức triển khai bộ chỉ số ĐMST cấp địa phương trên phạm vi toàn quốc từ năm 2023 và giao Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục phối hợp với tổ chức WIPO và các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện rà soát, tinh chỉnh khung chỉ số, các chỉ số thành phần, nguồn dữ liệu và phương pháp tính toán, xếp hạng hằng năm; hỗ trợ các địa phương trong việc tìm hiểu phương pháp, cách tính toán, ý nghĩa của các chỉ số xếp hạng và cách thức thu thập, cung cấp thông tin phục vụ đánh giá, xếp hạng; phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức công bố kết quả đánh giá, xếp hạng hằng năm.

Bộ KH&CN cũng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh bố trí nguồn lực để tổ chức thu thập và cung cấp dữ liệu kịp thời, chính xác để phục vụ tính toán; sử dụng các kết quả đánh giá vào công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng và thực hiện các biện pháp, giải pháp thúc đẩy phát triển KT-XH dựa trên KHCN&ĐMST của địa phương./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

1. Kết quả năm 2022

Năm 2022 tiếp tục là năm có nhiều thách thức lớn với toàn ngành Giáo dục. Những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh, những khó khăn về kinh tế - xã hội của cả nước nói chung đã tác động lớn và đặt ra nhiều thách thức đối với ngành. Vượt lên trên cách thách thức, Giáo dục Việt Nam tiếp tục gia tăng thứ hạng quốc tế. Giáo dục mũi nhọn của Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia trên toàn thế giới. Chỉ số xếp hạng các ĐH của Việt Nam không ngừng gia tăng (Việt Nam có 5 trường ĐH nằm trong bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đào tạo ĐH tốt nhất toàn cầu (Tập chí U.S News & World Report của HK)).

Nhìn lại một năm ngành vừa phải chống dịch, vừa phải hoàn thành kế hoạch đổi mới giáo dục phổ thông. Vượt qua nhiều thách thức, những kế hoạch lớn đều đã được hoàn thành, ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh cũng được hạn chế thấp nhất và giáo dục đang phục hồi tích cực. Các phương diện như: rà soát thể chế, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch năm học... đều đã được hoàn thành trong bối cảnh đầy thách thức.

Tháng 4/2022, việc mở cửa trường học và các hoạt động trong nhà trường đã được trở lại bình thường trên khắp cả nước. Đây là nỗ lực thể hiện quyết tâm lớn của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của ngành Giáo dục. Cùng với đó, các gói hỗ trợ cho người dạy, người học chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tích cực được triển khai để chia sẻ khó khăn và hỗ trợ kịp thời đối với các cơ sở giáo dục, người dạy và người học. Nhiều quyết sách và giải pháp khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, giáo viên nghỉ việc đã được thực hiện. Trong đó, việc BCT duyệt giao cho ngành Giáo dục hơn 65.000 chỉ tiêu biên chế giáo viên đến năm 2026, và năm 2022 thực hiện chỉ tiêu biên chế hơn 27.000 giáo viên là một trong những giải pháp quan trọng góp phần cởi bỏ nút thắt cho vấn đề thiếu biên chế giáo viên. Cùng với đó, Chính phủ đang xem xét tăng lương và phụ cấp cho giáo viên. Đây sẽ là giải pháp hiệu quả giải quyết để giáo viên yên tâm công tác.

Một trong những nhiệm vụ lớn ngành đã và đang tập trung thực hiện là triển khai sâu, rộng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đúng tiến độ và kế hoạch ở cả 3 cấp học với sự vào cuộc của tất cả các địa phương. Năm 2022, ngành Giáo dục đã thực hiện một lượng công việc rất lớn trong triển khai Chương trình GDPT mới, tiêu biểu như: tiếp tục triển khai các lớp 1, 2, 6; thay SGK cho

các lớp 3, 7, 10; tổ chức biên soạn thẩm định SGK lớp 4, 8, 11; và triển khai xây dựng SGK cho các lớp còn lại. Cùng trong năm này, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Bộ GDĐT đã tổ chức tham vấn ý kiến chuyên gia, từ đó điều chỉnh Chương trình GDPT 2018 với sự bố trí phù hợp về thời lượng và tính chất đối với môn Lịch sử.

Cùng với triển khai chương trình GDPT mới, vấn đề tự chủ cũng được nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, rà soát, đánh giá thông qua nhiều sự kiện, diễn đàn, hội thảo. Qua đó, có cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách, làm cho tự chủ ĐH trong thời gian tới đi vào chiều sâu, đầy đủ hơn và tạo thêm điều kiện cho các cơ sở giáo dục ĐH tiếp tục phát triển. Đối với giáo dục mầm non, Bộ cũng đang triển khai ráo riết việc biên soạn chương trình giáo dục mầm non mới, qua đó giúp cho việc đổi mới ở các cấp mầm non, phổ thông, ĐH được đồng bộ, nhất quán. Văn hóa học đường và an toàn trường học cũng là các nội dung được quan tâm và chỉ đạo triển khai trong năm nay, tạo tiền đề cho việc triển khai rộng khắp trong các năm tới.

Năm 2022 cũng chứng kiến thành tích xuất sắc của học sinh Việt Nam tại các kỳ Olympic và Khoa học kỹ thuật quốc tế năm 2022 với 100% học sinh Việt Nam dự thi đều đoạt giải. Trong năm, trước thách thức của dịch bệnh, của đổi mới thi cử và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi, Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 được triển khai an toàn, chất lượng và theo đúng kế hoạch đặt ra.

Chuyển đổi số của ngành cũng được thực hiện sâu rộng. Bộ đã xây dựng hệ thống CSDL quản lý thông tin của các trường mầm non, phổ thông và kết nối thành công cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. Hệ thống học liệu mở, trong đó có các bài giảng điện tử thu thập qua các cuộc thi và các nguồn học liệu khác nhau không ngừng được tăng cường. CNTT phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT và công tác tuyển sinh ĐH được triển khai đồng bộ, triệt để và được đánh giá là tiết kiệm nhiều tỷ đồng.

Năm 2022, ngành giáo dục tổ chức kỷ niệm 40 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam với tinh thần tiết kiệm, giản dị, đạt được những hiệu ứng tích cực từ dư luận, xã hội. Đây cũng là dịp quan tâm, động viên, phát huy và cổ vũ các nhà giáo.

2. Định hướng năm 2023

Năm 2023, Bộ GDĐT tập trung thực hiện các chủ trương, định hướng mà Đảng, Nhà nước và Chính phủ giao phó với danh mục các nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch triển khai tương ứng về các nội dung: thực hiện các Hội nghị xác định kế hoạch phát triển giáo dục các vùng (theo NQ BCT và kế hoạch hành động của CP); thực hiện Chiến lược giáo dục; hoàn thành biên soạn chương trình giáo dục mầm non mới; quy hoạch mạng lưới các trường đại học, sư phạm trọng điểm, các trường chuyên biệt; thực hiện hiệu quả biên chế giáo viên; đề xuất xây dựng Luật Nhà giáo; củng cố, phát triển đội ngũ nhà giáo, từng bước giải quyết vấn đề thừa

thiếu giáo viên; thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành phục vụ kết nối, điều hành, quản trị, nghiên cứu, học tập, ...; triển khai thực chất, sâu rộng văn hóa học đường, an toàn trường học; Thi tốt nghiệp; ...

Trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm lớn mà ngành giáo dục phải tập trung thực hiện đó là: triển khai Chương trình GDPT mới và Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW và Triển khai thực hiện Kế hoạch Giám sát chuyên đề của UBND tỉnh về “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông”.

Năm 2023 là năm trọng tâm của lộ trình triển khai Chương trình GDPT mới, tập trung khối lượng công việc rất lớn của toàn ngành (tiêu biểu như: tiếp tục triển khai các lớp đã có; tổ chức thẩm định sách giáo khoa lớp 4, 8, 11 và cũng là năm chỉ đạo triển khai biên soạn, thẩm định sách giáo khoa lớp 5, 9, 12). Với một năm mà có nhiều lớp cùng thay đổi chương trình thì các điều kiện cần chuẩn bị cũng đặt ra yêu cầu cao và nhiều hơn so với các năm trước. Những thay đổi lớn đều tập trung vào năm này và chúng tôi cũng sẽ tập trung chỉ đạo, trao đổi, phối hợp với các địa phương để chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho việc triển khai năm trọng tâm của quá trình thực hiện chương trình GDPT mới. Trân trọng đề nghị các đồng chí lãnh đạo các bộ, ngành tích cực phối hợp, hỗ trợ trong quá trình triển khai thực hiện; các đồng chí lãnh đạo địa phương hết sức chú ý, quan tâm và chỉ đạo sát sao, bố trí các nguồn lực phù hợp để thực hiện tốt nhất.

Việc Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW và Triển khai thực hiện Kế hoạch Giám sát chuyên đề của UBND tỉnh cũng là dịp để cả xã hội hiểu hơn về những việc ngành đã, đang và sẽ làm, những thách thức lớn mà ngành phải đối mặt và vượt qua để thực hiện thành công quá trình đổi mới. Đề nghị các đồng chí lãnh đạo các tỉnh/thành phố tập trung chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết, phục vụ tốt nhất cho công tác giám sát của UBND tỉnh và các đoàn đại biểu ở các địa phương./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022 tiếp tục là năm nhiều khó khăn, thử thách đối với công tác y tế, dịch bệnh COVID-19 trên toàn cầu và trong nước vẫn chưa kết thúc, cùng với đó là sự bùng phát của dịch sốt xuất huyết tại nhiều tỉnh, thành phố; thường trực nguy cơ xâm nhập của các bệnh dịch nguy hiểm mới nổi như bệnh đậu mùa khỉ, viêm gan cấp tính chưa rõ nguyên nhân... Hệ thống y tế còn những tồn tại, hạn chế chưa được giải quyết triệt để trong giai đoạn trước; sau khoảng 3 năm chống dịch COVID-19 đã nảy sinh thêm những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng trực tiếp đến công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự phối hợp của các bộ, ngành, địa phương, ngành Y tế nỗ lực hết sức trong điều kiện năng lực, nguồn lực của hệ thống y tế còn hạn chế và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Hoàn thành vượt chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu năm 2022 được Quốc hội giao, đạt 11,1 bác sĩ, 31 giường bệnh trên 10.000 dân, 92,03% dân số tham gia BHYT; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể ngành, lĩnh vực năm 2022 được Chính phủ giao. Tập trung công tác hoàn thiện thể chế, trong đó có nhiều chính sách, định hướng quan trọng trong phát triển ngành y tế: Luật khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi; Luật bảo hiểm y tế sửa đổi; Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025; các văn bản quy phạm pháp luật ở nhiều lĩnh vực như khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế, dược, trang thiết bị y tế, tài chính y tế, dân số ...

Cả nước chuyển sang giai đoạn mới “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Việt Nam là một trong các quốc gia có tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 cao nhất thế giới. Số tử vong do COVID-19 đã giảm mạnh từ tháng 4/2022 đến nay, hiện chỉ còn ghi nhận rải rác 1-2 ca tử vong mỗi ngày, có tuần không ghi nhận tử vong nào. Các dịch bệnh truyền nhiễm phổ biến được kiểm soát, chủ động giám sát, khoanh vùng xử lý 2 ca mắc đậu mùa khỉ, không để lây lan ra cộng đồng.

Xây dựng các đề án, dự án đầu tư phát triển y tế dự phòng, y tế cơ sở trong Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thông thường từng bước phục hồi sau hơn 2 năm phòng chống dịch COVID-19. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác quản lý môi trường y tế, tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, tình hình ngộ độc thực phẩm giảm cả về số vụ và số mắc so với năm 2021. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, trẻ sơ sinh.

Thực hiện các giải pháp để khắc phục tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về việc bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT. Phối hợp với bộ, cơ quan liên quan để rà soát, đề xuất sửa đổi hoặc làm rõ các văn bản pháp luật liên quan đến mua sắm đấu thầu. Đẩy nhanh việc cấp mới, gia hạn, duy trì giấy đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu thuốc, trang thiết bị y tế.

Tiếp tục phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo nhân lực y tế, xây dựng các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực sức khỏe. Nghiên cứu đề xuất các chế độ, chính sách thu hút nguồn nhân lực y tế, trình Chính phủ dự phòng và y tế cơ sở từ mức 40%-70% lên 100%.

Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thu không đủ chi do tác động của dịch COVID-19. Nghiên cứu hoàn thiện gói dịch vụ y tế cơ bản, xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.

Đẩy mạnh thực hiện chuyên đổi số y tế, kết nối thành công hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Triển khai thí điểm khám chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân gắn chip và đã có 11.726 cơ sở KCB BHYT thực hiện, đạt 92%.

Bên cạnh những kết quả tích cực, ngành y tế vẫn còn có những vấn đề tồn tại, hạn chế, yếu kém, đòi hỏi phải quyết liệt hành động để khắc phục:

Hệ thống văn bản pháp luật đã được hoàn thiện từng bước nhưng còn nhiều vướng mắc, chưa đầy đủ, đặc biệt là mua sắm, đấu thầu, xã hội hoá, tự chủ, quản trị bệnh viện công. Giá dịch vụ y tế chậm điều chỉnh, chưa tính đủ chi phí thực tế. Quỹ BHYT có nguy cơ mất cân đối do mức đóng thấp.

Phân bổ nhân lực y tế chưa hợp lý giữa các vùng, các tuyến, chất lượng nguồn nhân lực còn yếu ở tuyến y tế cơ sở. Tình trạng nghỉ việc, bỏ việc của nhân viên y tế, nhất là nhân lực có kinh nghiệm, trình độ, tại các cơ sở y tế công lập tăng. Tình trạng thiếu thuốc, vật tư, thiết bị y tế cục bộ tại nhiều cơ sở y tế trên toàn quốc. Còn tồn đọng hồ sơ đăng ký lưu hành thuốc, trang thiết bị y tế.

Năng lực của hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng còn hạn chế. Cơ chế, chính sách khuyến khích y tế tư nhân chưa đủ mạnh. Một số bệnh như sốt xuất huyết, tay chân miệng có số mắc tăng. Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng ở một số vùng, nhóm dân tộc còn thấp.

Một số nguyên nhân chủ yếu của các tồn tại, hạn chế phải kể đến là:

Việc thể chế hóa, hướng dẫn các quan điểm, chủ trương đã được ban hành trong một số Luật, Nghị định, Nghị quyết...của Đảng, Nhà nước còn chậm, chất lượng chưa cao dẫn đến khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Đầu tư của Nhà nước và việc huy động các nguồn lực xã hội cho lĩnh vực y tế còn hạn chế trong khi nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng cao do mô

hình bệnh tật với sự gia tăng các bệnh không lây nhiễm mạn tính, già hoá dân số, toàn cầu hoá, đô thị hoá và biến đổi khí hậu.

Chính sách thu hút, đãi ngộ cho cán bộ y tế còn chưa phù hợp. Việc thực thi công vụ tại một số đơn vị còn thiếu chủ động, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại, lo ngại, sợ sai, sợ trách nhiệm, sợ thanh tra, kiểm tra.

Phương pháp, cách thức quản lý điều hành chưa thực sự đổi mới; tổ chức triển khai thực hiện việc phân cấp, phân quyền chưa thật sự mạnh mẽ; việc kiểm tra, giám sát thực thi công vụ chưa hiệu quả.

Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2023:

Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tiếp tục kiện toàn, sắp xếp cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc phạm vi Bộ Y tế quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phân công, phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực cán bộ thực thi và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Tập trung kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh, không để dịch chông dịch. Tăng cường quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích, nâng cao sức khỏe người dân. Triển khai các chương trình, dự án đầu tư nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng, hình thành thệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh ở tất cả các tuyến.

Đẩy mạnh quản lý sức khỏe toàn dân; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người lao động. Duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát tốc độ tăng mật cân bằng giới tính khi sinh, chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại. Tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, sự hài lòng của người dân, bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.

Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế. Tập trung quản lý, cấp phép, gia hạn thuốc, trang thiết bị y tế. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Thúc đẩy triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số y tế trên phạm vi cả nước.

Nghiên cứu đề xuất ban hành chính sách, chế độ đãi ngộ, tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nghiên cứu khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Tiếp tục rà soát, thực hiện giá dịch vụ y tế và giá vắc xin theo lộ trình tính đúng, tính đủ; nghiên cứu hoàn thiện phương thức chi trả dịch vụ y tế; thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.

3. Đề xuất, kiến nghị

a) Đối với Chính phủ, các bộ ngành

- Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành phối hợp trong công tác xây dựng, hoàn thiện các dự án luật, đề án, văn bản đang trong giai đoạn tiếp thu, hoàn thiện, đặc biệt là Luật khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi), Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định sửa đổi Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập.

- Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố các cấp huy động nguồn lực, sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể trong công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là tham gia hỗ trợ công tác triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 để đạt tỷ lệ tiêm chủng mũi 3 tối thiểu 80% trên quy mô tỉnh/thành phố.

- Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan bố trí nguồn lực, kinh phí đảm bảo việc triển khai các nhiệm vụ, dự án về y tế thuộc 3 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và các đề án, chương trình y tế, dân số đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam hướng dẫn các đơn vị tuyến dưới khẩn trương phối hợp với các cơ sở khám chữa bệnh rà soát, giải quyết kịp thời, dứt điểm các vướng mắc, khó khăn, tồn đọng trong thanh, quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT.

b) Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Phòng chống dịch COVID-19 vẫn là ưu tiên hàng đầu, tuyệt đối không chủ quan, lơ là, tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch, nhất là sự xuất hiện của các biến chủng mới; tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế, bảo đảm kế hoạch đề ra theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán năm 2023; tăng cường giám sát tại các cửa khẩu, các chuyến bay, đoàn tàu, các khu dịch vụ của Cảng hàng không, nhà ga, bến xe, khu vực công cộng khác và trong các cơ sở y tế để phát hiện sớm, điều trị kịp thời, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển nặng, tử vong.

- Tiếp tục chỉ đạo, bố trí ngân sách cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập không bảo đảm bù đắp chi phí từ nguồn thu qua giá dịch vụ khám chữa bệnh BHYT. Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế giao phương án tự chủ cho các cơ sở khám chữa bệnh phù hợp với khả năng của cơ sở và lộ trình kết cấu chi phí vào giá dịch vụ khám chữa bệnh. Bảo đảm ngân sách và chủ động mua sắm trang thiết bị, vật tư, hóa chất cho công tác phòng, chống dịch, khám bệnh, chữa bệnh.

- Khẩn trương tập trung chỉ đạo thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2022-2023, đảm bảo bố trí đủ nguồn vốn của địa phương (nếu có) để hoàn

thành dự án theo đúng tiến độ như đã cam kết. Bố trí đủ dự toán và bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số khi chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên của ngành y tế. Bố trí vốn đối ứng, vốn ODA để thực hiện các dự án ODA do Bộ Y tế làm chủ dự án và giao cho địa phương thực hiện./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Trước hết thay mặt Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, tôi nhất trí và đánh giá cao các dự thảo Báo cáo, dự thảo Nghị quyết của Chính phủ trình bày tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với địa phương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan chủ trì xây dựng. Các dự thảo Báo cáo, dự thảo Nghị quyết đã được chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, đánh giá tương đối đầy đủ, toàn diện những thành quả đất nước đã đạt được trong năm 2022 và đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu thực hiện trong năm 2023. Tiếp tục đưa đất nước ta vượt qua khó khăn để nền kinh tế nước ta phục hồi nhanh, phát triển tích cực, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Tại Hội nghị đặc biệt quan trọng này, tôi xin có một số ý kiến như sau:

1. Đánh giá chung tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023

a) Đánh giá chung tình hình vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022

Trong năm 2022, Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc (UBDT) đã bám sát các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, nỗ lực với quyết tâm cao nhất, tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, đặc biệt là tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tham mưu xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc theo Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ. Thực hiện các nhiệm vụ công tác dân tộc trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều thách thức, khó khăn; thiên tai vẫn diễn biến phức tạp do biến đổi khí hậu tại một số địa phương, một số dịch bệnh trên người và vật nuôi kéo dài ... đã ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống, gây thiệt hại nặng nề cho đồng bào DTTS&MN ở những vùng bị thiên tai, dịch bệnh. Nhưng nhìn chung, cấp ủy Đảng và Chính quyền các cấp cùng đồng bào DTTS&MN đã đoàn kết dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất, quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, nỗ lực từng bước vượt qua khó khăn, phục hồi và tiếp tục phát triển sản xuất, đảm bảo ổn định cuộc sống, tạo tăng trưởng kinh tế cho các địa phương, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng DTTS&MN nói riêng và cả nước nói chung. Các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN đã chú trọng xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; hạ tầng KT-XH được tăng cường đầu tư, đời sống của đồng bào các dân tộc từng bước được nâng lên rõ rệt, niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước không ngừng được củng cố và tăng cường; khối đại đoàn kết được chăm lo xây dựng vững chắc.

b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023

(1) Tiếp tục cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

(2) Tập trung chỉ đạo quyết liệt, nỗ lực cao nhất, quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chiến lược công tác dân tộc và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(3) Tham mưu xây dựng các chính sách dân tộc; xây dựng các đề án, nhiệm vụ trong các Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Kịp thời giải quyết hoặc tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện công tác dân tộc và các chính sách dân tộc.

(4) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; thực hiện nghiêm công tác giải ngân vốn đầu tư công, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

(5) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư, tăng cường thu hút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS &MN. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển và ứng dụng kinh tế “xanh”, kinh tế “tuần hoàn” và kinh tế số để phát triển toàn diện, nhanh, bền vững, hiệu quả về KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN. Chủ trì tổ chức “Chương trình biểu dương, tôn vinh người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào DTTS giai đoạn 2017- 2022”.

2. Một số bài học, kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành có hiệu quả của Ủy ban Dân tộc

Một là, thống nhất quan điểm, nhận thức và tầm quan trọng của công tác dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi công tác dân tộc là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Từ nhận thức đó, phải đổi mới tư duy trong xây dựng, thực hiện chính sách, đảm bảo thiết thực và phù hợp với địa bàn, đặc điểm sinh hoạt, tập quán của đồng bào DTTS.

Hai là, bám sát sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc; kịp thời cụ thể hóa các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, đồng bộ và thống nhất. Trong quá trình thực hiện cần chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan; tính chủ động tích cực của địa phương là quyết định và phát huy dân chủ, tinh thần làm chủ, tự lực

của đồng bào trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Ba là, làm tốt công tác nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách, đánh giá và dự báo tình hình vùng DTTS&MN. Việc xây dựng và ban hành các chính sách dân tộc phải phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao. Thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tránh giàn trải, manh mún.

Bốn là, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện công tác dân tộc và tăng cường các nguồn lực thực hiện chính sách dân tộc, thông qua việc ký kết, tổ chức triển khai thực hiện các Quy chế phối hợp công tác giữa UBND với các cơ quan Trung ương, các Hiệp hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

Năm là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật cho đồng bào DTTS; củng cố niềm tin trong đồng bào các dân tộc, tạo sức mạnh và đồng thuận xã hội; nâng cao hiệu quả công tác thanh, kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc; đi sâu, đi sát nắm bắt tình hình vùng DTTS&MN, nắm chắc diễn biến tâm tư tình cảm của đồng bào; kịp thời giải quyết các vụ việc "nóng", nhạy cảm phát sinh ngay tại cơ sở.

Sáu là, coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc là người DTTS; xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng thôn, bản, trưởng dòng họ trong cộng đồng DTTS. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ người DTTS tại chỗ. Khen thưởng, xử lý kịp thời, nghiêm minh. Thường xuyên chăm lo, củng cố, kiện toàn, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh.

3. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Ủy ban Dân tộc trân trọng đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục, quan tâm chỉ đạo:

(1) Các Bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục quan tâm hơn nữa đến công tác dân tộc, vùng đồng bào DTTS&MN; làm tốt công tác tham mưu đề xuất, xây dựng các chính sách dân tộc phù hợp với tình hình thực tiễn và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các chính sách dân tộc đã được ban hành, đặc biệt là: Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025; Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(2) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục quan tâm, củng cố tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2023.

Đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi luôn luôn đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; *đồng lòng chung sức cùng Nhân dân cả nước, thực hiện tốt kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023, hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước ta phát triển cường thịnh, Nhân dân ta có cuộc sống ấm no, hạnh phúc./.*

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022, việc điều hành kinh tế - xã hội, đặc biệt là điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và áp lực rất lớn từ những tác động cộng hưởng, biến động phức tạp, khó lường của kinh tế thế giới và trong nước. Tuy nhiên, với sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự vào cuộc trách nhiệm của các Bộ, ban, ngành, trung ương và địa phương; sự đồng hành của doanh nghiệp và người dân, kinh tế vĩ mô của nước ta cơ bản ổn định (tăng trưởng kinh tế phục hồi ở mức cao (8,02%), lạm phát bình quân thấp (3,15%), các cân đối lớn được đảm bảo), các tổ chức xếp hạng tín nhiệm nâng mức xếp hạng cho Việt Nam. Về phía NHNN, đã bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, và đặc biệt là chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bám sát diễn biến tình hình, triển khai toàn diện và đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm của ngành như điều hành CSTT, đảm bảo an toàn hệ thống, hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng và triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, thúc đẩy chuyên đổi số... Nhờ vậy, ngành ngân hàng có những đóng góp nhất định vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2022 của đất nước.

Năm 2022, biến động tài chính, tiền tệ quốc tế và trong nước là vấn đề nóng, nhận được nhiều sự quan tâm của doanh nghiệp và người dân. Bởi vậy, tại Hội nghị hôm nay, NHNN xin tham luận với chủ đề “*Chính sách tiền tệ: Ứng phó linh hoạt, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng tính độc lập tự chủ của nền kinh tế*”.

1. Bối cảnh khó khăn, bài toán đặt ra cho điều hành CSTT năm 2022:

Kinh tế toàn cầu đối mặt với lạm phát tăng lên mức cao nhất trong 40 năm trở lại đây, buộc Fed và nhiều NHTW phải thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất với tốc độ nhanh, mạnh, khiến mặt bằng lãi suất thế giới tăng cao, đồng Đôla Mỹ lên giá kỷ lục, cao nhất trong 20 năm trở lại đây. Trong nước, sau Đại dịch Covid 19, kinh tế phục hồi nhưng chưa bền vững; thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp đều gặp khó khăn đã tạo áp lực rất lớn đối với việc điều hành CSTT. Trước bối cảnh này, một loạt bài toán khó đặt ra cho điều hành CSTT như: (i) Làm thế nào để điều hành tín dụng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mà vẫn phải đảm bảo an toàn hệ thống trong khi một số chỉ tiêu tiền tệ như tỷ lệ tín dụng/huy động vốn và dư nợ tín dụng/GDP đã và đang ở ngưỡng cảnh báo; (ii) Làm thế nào ổn định được thị trường ngoại hối khi nền kinh tế của ta có độ mở cửa lớn, sản xuất trong nước phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, đồng Đô la tăng giá mạnh, Việt Nam đang trong giai đoạn giám sát nâng cao về thao túng tiền tệ của phía Hoa Kỳ...; (iii) Làm thế nào ổn định được hệ thống khi thanh

khoản của hệ thống chịu tác động mạnh bởi sự cố SCB và niềm tin vào thị trường suy giảm.

2. Kết quả và bài học kinh nghiệm:

Sau những biến cố, khó khăn, áp lực và nhiệm vụ nặng nề nêu trên, nhờ sự bình tĩnh, chủ động trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và việc thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách, kết thúc năm 2023 ngành ngân hàng đã đạt được những kết quả, góp phần củng cố nền tảng vĩ mô. Đó là: góp phần kiểm soát lạm phát ở mức thấp (bình quân 3,15%), tăng trưởng kinh tế phục hồi ở mức cao (8,02%); tín dụng tăng khoảng 15%; thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định (VND mất giá 3,5%, mặt bằng lãi suất tăng khoảng gần 1%/năm, mức biến động này thấp hơn nhiều so với các nước trên thế giới và khu vực), thanh khoản hệ thống ngày càng cải thiện...Đặc biệt, trong kỳ báo cáo tháng 11/2022, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam ra khỏi Danh sách giám sát nâng cao về thao túng tiền tệ, đồng thời, đánh giá cao công tác điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá của NHNN.

Từ thực tiễn điều hành năm 2022, có thể rút ra hai bài học quan trọng, đó là:

- **Thứ nhất**, kiên định mục tiêu “góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế” nhưng trong điều hành, có mục tiêu trọng tâm trọng điểm phù hợp với diễn biến thực tế. Chẳng hạn, tháng 10 khi sự cố SCB xảy ra, tác động mạnh tới thanh toán hệ thống, tới tâm lý kỳ vọng của thị trường tiền tệ, ngoại hối nên NHNN đã tập trung ưu tiên thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống và ổn định thị trường ngoại hối.

- **Thứ hai**, bản lĩnh, ứng phó linh hoạt trên cơ sở bám sát diễn biến tình hình, cân nhắc thời điểm, liều lượng phù hợp của từng công cụ, giải pháp để hóa giải khó khăn, đạt được mục tiêu. Điều này có thể minh họa bằng một số giải pháp chính sách sau đây:

(i) Đối với điều hành tỷ giá và lãi suất: Từ tháng 10/2022, áp lực lên lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng chuyển biến rất nhanh, diễn biến tiêu cực do lãi suất, đồng USD trên thị trường thế giới tăng mạnh, gây áp lực lớn đến tỷ giá VND. Ở trong nước, sự cố Ngân hàng SCB tác động rất tiêu cực lên tâm lý, kỳ vọng và thanh khoản thị trường, tỷ giá tăng kịch trần, giao dịch thị trường đóng băng, tâm lý găm giữ ngoại tệ dâng cao. Trong khi đó, xu hướng tăng lạm phát cơ bản ngày càng rõ hơn. Trước bối cảnh đó, NHNN đã cấp bách triển khai nhiều giải pháp để tập trung cải thiện thanh khoản, đảm bảo an toàn, tránh đổ vỡ hệ thống TCTD. Phối hợp đồng bộ giữa ba giải pháp để ổn định thị trường ngoại hối gồm: tăng biên độ giao dịch của tỷ giá từ $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$ (ngày 17/10), điều hành linh hoạt cho phép tỷ giá thị trường tăng đến 9%, sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp, đồng thời tăng 1% các mức lãi suất điều hành. Nhờ vậy, thị trường đã thông suốt trở lại, khi áp lực trên thị trường dịu bớt, NHNN đã chủ động giảm dần tỷ giá bán can thiệp để hạn chế kỳ vọng VND mất giá (năm 2022, VND chỉ mất giá khoảng 3,6% – thấp hơn nhiều mức mất giá của các đồng tiền nhiều quốc gia.

(ii) Đối với điều hành tín dụng: Năm 2022, NHNN đề ra chỉ tiêu tín dụng định hướng là 14%, tuy nhiên hết 9 tháng tín dụng đã tăng khoảng 11% so với cuối năm 2021, hệ số sử dụng vốn của các TCTD đã ở mức cảnh báo. Sang tháng 10, sự kiện SCB đã tác động mạnh tới thị trường và hệ thống. Bởi vậy, đề tập trung cải thiện thanh khoản cho hệ thống, đảm bảo khả năng chi trả và ưu tiên ổn định thị trường ngoại hối, NHNN chưa thể điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng. Sau khi thanh khoản của các TCTD cơ bản được đảm bảo, tâm lý thị trường ổn định hơn, ngăn chặn nguy cơ rút tiền, tỷ giá có xu hướng hạ nhiệt, NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng thêm 1,5-2% cho các TCTD. Đồng thời, yêu cầu các TCTD mở rộng tín dụng phù hợp với năng lực quản trị rủi ro, tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, động lực cho tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ. Bên cạnh đó, NHNN sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản và cung ứng vốn với kỳ hạn dài hơn cho các TCTD.

(iii) Đảm bảo thanh khoản, an toàn hệ thống: Trong 9 tháng đầu năm 2022 thanh khoản hệ thống TCTD ổn định, các nhu cầu thanh toán được đáp ứng kịp thời, thông suốt. Tuy nhiên, sau sự cố xảy ra tại SCB và có dấu hiệu lan truyền sang một số TCTD, thị trường liên ngân hàng co cụm, các TCTD hạn chế cho vay lẫn nhau một số TCTD khó khăn thanh khoản. Trước tình hình này, NHNN đã phải xử lý bằng nhiều biện pháp cấp bách, và với sự phối hợp tích cực của các Bộ, ngành dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, nhờ vậy, thanh khoản và an toàn hệ thống ngày được cải thiện, lãi suất liên ngân hàng đã giảm. Bên cạnh đó, NHNN tập trung chỉ đạo TCTD tăng cường công tác quản trị thanh khoản, đảm bảo ưu tiên khả năng chi trả cho người gửi tiền; sẵn sàng cho vay tái cấp vốn để hỗ trợ thanh khoản và hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt trước nhu cầu rút tiền mặt và thanh toán tăng cao của người dân vào dịp Tết nguyên đán. Những ngày Tết dương lịch vừa qua, hệ thống ngân hàng sẵn sàng ứng trực, đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả cho doanh nghiệp và người dân.

3. Điều hành CSTT năm 2023:

Năm 2023, việc điều hành CSTT tiếp tục đối mặt với khó khăn, thách thức: Đối với bối cảnh quốc tế: các NHTW lớn tiếp tục tăng lãi suất gây áp lực lên lãi suất, tỷ giá trong nước; lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao; các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ suy thoái kinh tế...Áp lực lạm phát trong nước vẫn tiếp diễn, chỉ số CPI tháng 12/2022 đã tăng lên 4,55%, lạm phát cơ bản tăng trên 5% so với cùng kỳ, tạo thách thức lớn trong việc kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, những khó khăn trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, niềm tin thị trường chưa thực sự vững chắc sau những sự cố vừa qua cũng là những khó khăn, thách thức mà điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng phải đối mặt và tiếp tục xử lý trong năm 2023.

Trước bối cảnh đó, công tác điều hành CSTT năm 2023 của NHNN sẽ tập trung vào các giải pháp trọng tâm: (I) Tiếp tục điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm góp phần kiểm soát lạm phát khoảng 4,5%, ổn định kinh tế

vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng; điều tiết tiền tệ hợp lý, điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với tình hình thị trường trong nước và quốc tế, diễn biến kinh tế vĩ mô và mục tiêu CSTT. (2) Điều hành tăng trưởng tín dụng góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; định hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ của ngành ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia; (3) Thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm cơ bản khác;

4. Kiến nghị, đề xuất:

- Để tháo gỡ khó khăn thanh khoản trong nền kinh tế, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như thúc đẩy giải ngân đầu tư công, thực hiện chính sách tài khóa mở rộng, có trọng tâm trọng điểm, giảm, giãn thuế...Nếu quá phụ thuộc vào nguồn vốn tín dụng có thể gây hệ lụy và rủi ro trong tương lai vì các chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng của Việt Nam đã và đang ở mức cảnh báo;

- Doanh nghiệp và người dân còn khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, để tháo gỡ khó khăn, ngành ngân hàng tập trung thực hiện các giải pháp cải cách thủ tục hành chính để nâng cao khả năng tiếp cận vốn. Nhưng những doanh nghiệp không đủ điều kiện vay vốn, cần các giải pháp chính sách hỗ trợ khác từ phía nhà nước như bảo lãnh tín dụng, các chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực thi hiệu quả...

Tóm lại, trong bối cảnh nền kinh tế của chúng ta có độ mở cửa lớn, những biến động kinh tế thế giới tác động tới kinh tế, tiền tệ trong nước là không tránh khỏi. Điều quan trọng là phải chuẩn bị tâm thế cho sự ứng phó linh hoạt với những biến động đó. Mỗi một chính sách đều có những mặt tích cực và tác động tiêu cực lên một số doanh nghiệp hoặc một số khu vực nào đó, và không ít những ý kiến, bình luận, phân tích ủng hộ hay phản biện. Và điều quan trọng là bình tĩnh, lắng nghe, phân tích, nhận diện, lựa chọn giải pháp phù hợp với bối cảnh thực tiễn, phải có lựa chọn ưu tiên vào từng thời điểm, từng giai đoạn nhưng xuyên suốt vẫn là kiên định mục tiêu góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Trước hết, tôi hoàn toàn thống nhất với các dự thảo Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Báo cáo kinh tế xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp năm 2023. Báo cáo đã đánh giá toàn diện, đầy đủ những kết quả nổi bật trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, những thành tựu về kinh tế - xã hội trong năm qua, nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực biến đổi nhanh, có nhiều bất ổn, khó dự báo; đồng thời cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập và nguyên nhân; trên cơ sở đó dự báo tình hình, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong năm tới.

Thưa các đồng chí!

Năm 2022, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Lê Minh Khái; Thanh tra Chính phủ và ngành Thanh tra đã hoàn thành toàn diện trên các mặt công tác và đạt những kết quả tích cực, quan trọng, mà điểm nổi bật là:

- *Thứ nhất, trong công tác xây dựng thể chế:* Đã hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch, nhất là đã giúp Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Thanh tra (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 4.

- *Thứ hai, trong công tác thanh tra:* Đã bám sát nghị quyết, Định hướng và sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng các ngành và Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai các đoàn thanh tra theo kế hoạch gắn với thanh tra đột xuất. Quan tâm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng kết luận thanh tra. So với cùng kỳ năm 2021, số cuộc thanh tra triển khai tăng trên 25%; kết quả phát hiện vi phạm về kinh tế và số vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm phát hiện qua thanh tra chuyển cơ quan điều tra tăng, nhất là Thanh tra Chính phủ thể hiện tinh thần quyết tâm, quyết liệt trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng theo đúng quan điểm, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, TC, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo.

Trong năm 2022, ngành Thanh tra đã triển khai nhiều nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác thanh tra, tiêu biểu là:

+ Triển khai thanh tra chuyên đề diện rộng trên phạm vi toàn quốc về mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, sinh phẩm, kit xét nghiệm, vắc xin, thuốc phòng, chống dịch Covid-19, đã hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Qua đó đã phát hiện

nhieu vi phạm, trong đó có những vi phạm nghiêm trọng có dấu hiệu tội phạm chuyển cơ quan điều tra xử lý theo quy định. Kết quả thanh tra đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo trung ương về PCTN, TC.

+ Tăng cường công tác xử lý sau thanh tra, qua đó kết quả thực hiện kết luận thanh tra tăng so với cùng kỳ. Việc rà soát, tháo gỡ khó khăn trong thực hiện kết luận thanh tra cũng được quan tâm, Thanh tra Chính phủ triển khai 04 Đoàn công tác liên ngành kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Khánh Hòa và xây dựng Đề án của Ban cán sự đảng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo.

+ Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ ban hành kết luận thanh tra, trong đó, Ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Đảng ủy Thanh tra Chính phủ đều có nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo; Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động đoàn thanh tra nhằm cụ thể hóa chủ trương này; phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực nhằm phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra; quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục tình trạng chậm ban hành kết luận thanh tra, đến nay, cơ bản đã cơ bản hoàn thành việc ban hành kết luận những cuộc thanh tra chậm. Một số cuộc còn lại đang trong quá trình báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và tiếp tục hoàn thiện theo chỉ đạo.

Thứ ba, trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đã tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, đảm bảo góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội, phục vụ các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, các ngày lễ lớn của dân tộc và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; tập trung rà soát, giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; tỷ lệ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền tăng (tăng 8,5% so với năm 2021 và cao nhất so với nhiều năm gần đây).

- *Thứ tư, trong công tác phòng, chống tham nhũng:* Đã tập trung triển khai nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thông qua công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, theo tinh thần chỉ đạo của Ban chỉ đạo TW về PCTN, tiêu cực, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó có những nhiệm vụ mới theo quy định của Luật PCTN 2018, nhất là giúp Ban cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Định hướng xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 và triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước. Bên cạnh đó, qua hoạt động chuyên môn, Thanh tra Chính phủ và ngành Thanh tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý và phối hợp chuyển cơ quan điều tra, cơ quan kiểm tra Đảng nhiều vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, trong đó có những vụ việc vi phạm nghiêm trọng, được Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đưa vào diện theo dõi, chỉ đạo, góp phần quan trọng vào công cuộc phòng, chống tham nhũng và xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được như nêu trên, Thanh tra Chính phủ và toàn Ngành còn những tồn tại, hạn chế như cần sớm khắc phục, đó là: (i) Một số cuộc thanh tra triển khai chậm so với kế hoạch hoặc kéo dài thời gian xây dựng báo cáo và ban hành kết luận thanh tra; tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản qua đơn đốc, xử lý sau thanh tra mặc dù có tiến bộ nhưng còn thấp so với mục tiêu, yêu cầu; (ii) Tình hình khiếu nại, tố cáo vẫn còn tiềm ẩn phức tạp; còn tình trạng công dân khiếu kiện đông người lên trung ương. Một số địa phương chưa quyết tâm, quyết liệt hoặc chưa có phương án phù hợp giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài; việc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật, các kết luận, quyết định xử lý về tố cáo còn chậm, thiếu kiên quyết; (iii) Tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc chưa được ngăn chặn triệt để; công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị còn hạn chế, rất ít vụ việc được phát hiện qua tự kiểm tra trong nội bộ.

Thưa các đồng chí!

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng, năm bản lề thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026. Như dự thảo Báo cáo của Chính phủ và phát biểu chỉ đạo của đồng chí Thủ tướng Chính phủ, dự báo tình hình năm 2023 còn tiếp tục có nhiều khó khăn, phức tạp. Để góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết, chương trình công tác của Chính phủ theo đúng tinh thần **“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”**, Thanh tra Chính phủ và toàn ngành Thanh tra cần tiếp tục đoàn kết, thống nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tập trung triển khai kịp thời, có hiệu quả Luật Thanh tra (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 01/7/2023, trong đó khẩn trương trình Chính phủ ban hành các nghị định hướng dẫn thi hành, đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng thời điểm có hiệu lực của Luật.

Thứ hai, bám sát Định hướng chương trình thanh tra năm 2023, yêu cầu, chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN, TC, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thủ trưởng cơ quan hành chính và tình hình thực tế để triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, bảo đảm phù hợp, hiệu quả; Trong đó:

- Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong hoạt động thanh tra.

- Nâng cao chất lượng kết luận thanh tra, đảm bảo chặt chẽ, khách quan, kịp thời và khả thi; xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật đối với tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật; quan tâm kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật trên lĩnh vực được thanh tra.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, nhất là tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng. Phối hợp với

các bộ, ngành chức năng làm việc, kiểm tra tình hình giải quyết, khắc phục tồn tại theo các kết luận thanh tra đối với các dự án đầu tư ở địa phương mà việc xử lý gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, gây lãng phí, thất thoát tài sản nhà nước, doanh nghiệp, nhất là nguồn lực đất đai, tài nguyên.

Thứ ba, tham mưu hiện nghiêm các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân, cá nhân, tổ chức và không để phát sinh “điểm nóng” về khiếu nại, tố cáo; tiếp tục góp phần đảm bảo tốt tình hình an ninh, trật tự phục vụ các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

Thứ tư, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong công tác phòng, chống tham nhũng, nhất là tham mưu ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng; triển khai có hiệu quả những quy định mới về kiểm soát tài sản, thu nhập; đôn đốc, hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng và tăng cường phát hiện tham nhũng, lãng phí qua hoạt động của ngành, khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì khẩn trương chuyển cơ quan điều tra xử lý không chờ ban hành kết luận thanh tra; tập trung xử lý nghiêm, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Thứ năm, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nhân dân và toàn xã hội để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

1. Về đánh giá tình hình chung, kết quả nổi bật của Ủy ban

a) Đánh giá chung

Năm 2022, trong bối cảnh chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 và xung đột chính trị Nga - Ukraina, hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Ủy ban quản lý gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến lợi nhuận của một số doanh nghiệp giảm mạnh, có doanh nghiệp lỗ lớn. Tuy nhiên, với nỗ lực và quyết tâm cao độ, vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng mọi thời cơ, nhìn chung các doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban đã đạt được mục tiêu vừa phòng chống dịch, vừa phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh (SXKD), góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội (KTXH); thể hiện rõ vai trò nòng cốt trong một số ngành, lĩnh vực; tạo nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước (NSNN); góp phần bảo đảm các cân đối lớn, ổn định kinh tế vĩ mô và xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo động lực phát triển cho các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chính sách an sinh xã hội; về bản đã hoàn thành các nhiệm vụ SXKD được giao; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

b) Một số kết quả nổi bật

(1) Tích cực vượt qua khó khăn, thích ứng linh hoạt với diễn biến phức tạp của dịch bệnh, thúc đẩy SXKD, góp phần phục hồi và phát triển KTXH của cả nước

Ủy ban và các tập đoàn, tổng công ty trực thuộc đã triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, Chương trình phòng, chống dịch Covid 19 (2022-2023); góp phần quan trọng vào phục hồi, phát triển KTXH của cả nước. Nhiều tập đoàn, tổng công ty khẳng định rõ vai trò nòng cốt của DNNN trong việc đảm bảo các cân đối lớn, ổn định kinh tế vĩ mô như: PVN, Petrolimex góp phần quan trọng bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, bình ổn thị trường, không để đứt gãy chuỗi cung ứng xăng dầu và chia sẻ với khó khăn của người dân, doanh nghiệp trước những biến động thị trường xăng dầu thời gian qua; TKV tăng sản lượng khai thác than đá cho nhu cầu của nền kinh tế; EVN bảo đảm nhu cầu về điện cho sinh hoạt của nhân dân và SXKD; Vinachem đảm bảo sản xuất hóa chất, cung ứng sản phẩm hàng hóa cho nền kinh tế về hóa chất cơ bản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, ắc quy, thép; các Tổng công ty: VIMC, VNR, VNA... trong điều kiện chịu nhiều ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng vẫn nỗ lực rất lớn để bảo đảm nhu cầu về giao thông, vận tải cho đời sống của nhân dân; sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển KTXH của đất nước...

Về kết quả sản xuất, kinh doanh:

Tổng hợp kết quả thực hiện của Công ty mẹ - 19 tập đoàn, tổng công ty: Tổng doanh thu ước đạt 1.123.334 tỷ đồng (bằng 114% kế hoạch và 133% so với năm 2021); trừ EVN có lỗ đột biến do nguyên nhân khách quan, tổng lợi nhuận trước thuế của 18 tập đoàn, tổng công ty ước đạt 39.219 tỷ đồng (bằng 173% kế hoạch và bằng 117% so với năm 2021). Trong đó, một số doanh nghiệp hoàn thành vượt mức cao kế hoạch SXKD năm 2022 và sớm từ 2 đến 4 tháng, như: PVN, TKV...

(2) Triển khai nhiều dự án đầu tư trọng điểm, có tác động lan tỏa lớn

Sau 4 năm chuyển về Ủy ban quản lý, có 41 dự án nhóm A, 125 dự án nhóm B đã được các tập đoàn, tổng công ty thuộc Ủy ban phê duyệt/triển khai thực hiện/hoàn thành đầu tư. Ủy ban đã báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật để triển khai thực hiện nhiều dự án đầu tư; trong đó, có 10 dự án lớn, quan trọng, cấp thiết đã chậm tiến độ từ nhiều năm, với tổng mức đầu tư khoảng 259.000 tỷ đồng¹².

Năm 2022, 19 tập đoàn, tổng công ty thuộc Ủy ban đã tích cực triển khai kế hoạch đầu tư phát triển, tổng giá trị vốn đầu tư ước đạt 146.864 tỷ đồng. Trong đó, nhiều dự án đầu tư quan trọng đã được đẩy nhanh tiến độ thực hiện, góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, bảo đảm an ninh năng lượng, tạo điều kiện và động lực phát triển cho các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế¹³.

(3) Triển khai Chiến lược chuyển đổi số tại các tập đoàn, tổng công ty; thực hiện vai trò dẫn dắt trong xây dựng hạ tầng số, phát triển kinh tế số.

Chiến lược chuyển đổi số được nhiều tập đoàn, tổng công ty tích cực thực hiện, mang lại hiệu quả bước đầu khả quan, đổi mới phương thức điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Trong đó, hai doanh nghiệp viễn thông là VNPT và MobiFone đi đầu trong công tác chuyển đổi số quốc gia; được các bộ/ngành/địa phương, các doanh nghiệp tin tưởng lựa chọn làm đối tác

¹² Dự án Thăm dò khai thác dầu khí 4 lô tại Khu tự trị Nhenhexky - LB Nga (tổng mức đầu tư khoảng 89.000 tỷ đồng), Dự án Nhà máy điện Hòa Bình mở rộng (tổng mức đầu tư 9.220 tỷ đồng), Dự án Nhà máy điện laly mở rộng (tổng mức đầu tư 6.399 tỷ đồng), Dự án Nhà máy điện ô Môn IV (tổng mức đầu tư 29.944 tỷ đồng), Dự án đường dây 500 KV Vân Phong, Vĩnh Tân (tổng mức đầu tư 2.856 tỷ đồng), Dự án khai thác hầm lò dưới mức 150 Mỏ than Mạo Khê (tổng mức đầu tư 5.867 tỷ đồng), Dự án thành phần 3 Cảng HKQT Long Thành (tổng mức đầu tư 99.000 tỷ đồng), Dự án Nhà ga hành khách T3 Cảng HKQT Tân Sơn Nhất (tổng mức đầu tư 10.990 tỷ đồng), Dự án mở rộng Cảng hàng không Điện Biên (tổng mức đầu tư 1.548 tỷ đồng), Dự án mở rộng nhà ga hành khách Cảng HKQT Nội Bài (tổng mức đầu tư 4.983 tỷ đồng). Ngoài ra, tháo gỡ khó khăn để tiếp tục thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (tổng mức đầu tư 41.799 tỷ đồng).

¹³ Như: Dự án nhà máy điện Sông Hậu 1 đã vận hành thương mại từ ngày 13/5/2022 và ngày 16/7/2022 chính thức khánh thành; dự án nhà máy điện Thái Bình 2 đã hòa lưới điện bằng dầu ngày 12/5/2022, bằng than ngày 16/6/2022; EVN và các đơn vị đã hoàn thành 93 công trình lưới điện và đóng điện 44 công trình lưới điện,... Các dự án trọng điểm trong lĩnh vực hàng không: Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1, Nhà ga hành khách T3 - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất, Nhà ga hành khách T2 - Cảng HKQT Nội Bài, Nhà ga hành khách T2 - Cảng HKQT Cát Bi, Mở rộng Cảng hàng không Điện Biên,... đều được triển khai theo đúng tiến độ.

chiến lược trong xây dựng chính quyền số, doanh nghiệp số và đã đem tới những giá trị đích thực cho người dân và xã hội. Đến nay, Hệ thống VNPT IOC của VNPT đã được triển khai tại ~40 tỉnh/thành, bao gồm hơn 35 IOC cấp tỉnh và 40 IOC cấp huyện; hệ thống một cửa điện tử sử dụng tại 36 tỉnh/Tp, 850 đơn vị cấp huyện; hệ thống báo cáo điều hành triển khai cho ~50 bộ, ngành, địa phương,...

(4) Việc xử lý các tồn tại, hạn chế của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành công thương đạt nhiều kết quả rất tích cực

Năm 2022, tình hình SXKD của 05 dự án, doanh nghiệp đã được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương, định hướng xử lý và đưa ra khỏi danh mục 12 dự án đã có nhiều chuyển biến tích cực; trong đó một số dự án, doanh nghiệp đã có lãi, giảm lỗ lũy kế đã đóng góp cho ngân sách nhà nước, giảm dư nợ trung hạn và dài hạn của các dự án/doanh nghiệp, bảo đảm duy trì việc làm, đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định chính trị - xã hội tại địa phương¹⁴.

Đối với 07 dự án, doanh nghiệp còn lại, tình hình cũng có nhiều tín hiệu rất tích cực. Trong đó, 03 dự án, doanh nghiệp sản xuất phân bón của Vinachem đã duy trì được SXKD; nỗ lực làm chủ công nghệ, từng bước nâng công suất chạy máy bình quân so với công suất thiết kế; theo đó, mặc dù còn rất khó khăn nhưng 03 dự án, doanh nghiệp đã sản xuất, cung cấp một lượng lớn phân đạm urê và DAP đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và một phần cho xuất khẩu; góp phần ổn định thị trường phân bón, tiết kiệm ngoại tệ nhập khẩu, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Đồng thời, dù còn lỗ lũy kế, song từ năm 2021 đến nay, do thị trường thuận lợi (giá phân bón cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây), nên kết quả sản xuất, kinh doanh của 03 dự án, doanh nghiệp có cải thiện hơn: năm 2022, ước lãi 2.632 tỷ đồng, tăng hiệu quả 2.815 tỷ đồng so với năm 2021,... Với những kết quả tích cực đạt được trong SXKD thời gian qua và trên cơ sở thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo, Ủy ban và Vinachem đã hoàn thành phương án xử lý đối với 03 Dự án phân bón và ngày 27/12/2022, Bộ Chính trị đã họp và cho chủ trương, phương án xử lý cụ thể đối với 03 dự án sản xuất phân bón này. Qua đó, nâng tổng số lên 08/12 dự án, doanh nghiệp đã có Phương án xử lý cụ thể.

c) Một số khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những khó khăn, vướng mắc chung đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công của một số tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Ủy ban (việc xác định thẩm quyền về công tác quản lý khai thác đối với tài sản công chưa được xác định rõ) và một số quy định của pháp luật chưa cụ thể, rõ ràng về: (i) nội dung phê duyệt, trình tự, thủ tục hồ sơ để cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước thực hiện các quyền và trách nhiệm trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (ii) phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; (iii) trách

¹⁴ Như: Nhà máy sản xuất phân bón DAP 1 - Hải Phòng của Công ty cổ phần DAP - Vinachem từ năm 2017 đến nay sản xuất ổn định, hàng năm có lãi và đã hết lỗ lũy kế từ tháng 01/2022; Dự án sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ - PVN duy trì vận hành sản xuất khai thác tối đa, hiệu quả 27 dây chuyền sợi DTY, doanh thu bù đắp được chi phí biến đổi và có lợi nhuận trước định phí,...

nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, cơ quan chủ quản đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp có sử dụng nguồn vốn ODA cho doanh nghiệp vay lại 100%,...

Một số dự án đầu tư của các doanh nghiệp do Ủy ban quản lý còn gặp những khó khăn, vướng mắc riêng, như: (i) Do các quy định của pháp luật hiện nay, khoảng 1.000 dự án nguồn và lưới điện do EVN và các đơn vị thành viên đầu tư hiện đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư; (ii) Do Luật Dầu khí được ban hành và có hiệu lực từ 01/9/1993, được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2000, 2008, 2018 nhưng vẫn bộc lộ nhiều hạn chế; nhiều đặc thù của hoạt động dầu khí chưa được điều chỉnh; một số quy định về sử dụng vốn nhà nước khi tham gia hoạt động dầu khí chưa được đồng bộ, chông chéo với các quy định khác. Các quy định về khuyến khích đầu tư hiện không còn phù hợp, đặc biệt đối với các lô dầu khí có tiềm năng hạn chế, thuộc vùng nước sâu, xa bờ, có địa chất phức tạp dẫn tới số lượng hợp đồng dầu khí mới giảm mạnh; (iii) Hiện nay, nguồn vốn huy động để cho vay dài hạn của các ngân hàng trong nước không nhiều. Trong khi đó nhu cầu đầu tư của các dự án năng lượng và thời gian đầu tư dài nên rất ít ngân hàng thương mại trong nước có khả năng tham gia huy động vốn cho dự án; cơ chế sử dụng nguồn vốn vay ODA cho dự án điện (Ô Môn III) đang gặp khó khăn, vướng mắc,...

d) Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan theo thẩm quyền, xem xét, giải quyết những vướng mắc, bất cập về hoạt động đầu tư của doanh nghiệp; thẩm định, thẩm tra, phê duyệt đối với phương án vay vốn nước ngoài không có bảo lãnh Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP; có cơ chế triển khai và phân định trách nhiệm giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trong việc quản lý đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, giao dự toán bảo trì tài sản công tại một số doanh nghiệp đang được giao quản lý, khai thác các tài sản kết cấu hạ tầng quốc gia (đường sắt, đường cao tốc...)/.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Về tình hình hoạt động của trong năm 2022 của Viện Hàn lâm:

Với chức năng chính là nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ, trong năm 2022, Viện Hàn lâm đã công bố được 2.151 công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín và 54 bằng độc quyền sáng chế. Như vậy trong 02 năm đầu của giai đoạn 2021-2025, số lượng công bố quốc tế của Viện tăng 1,7 lần so với cùng kỳ của giai đoạn trước, đặc biệt là số lượng công bố của Viện Hàn lâm trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín đạt 80% tổng số công bố quốc tế và tăng gần hai lần so với cùng kỳ của giai đoạn trước, điều này cho thấy chất lượng các công trình nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã có bước chuyển biến mạnh mẽ và đạt trình độ tương đương một số tổ chức nghiên cứu khoa học lớn của thế giới.

Về mặt phát triển công nghệ, đến nay Viện Hàn lâm đã sở hữu hơn 300 công nghệ sẵn sàng chuyển giao nhằm phát triển kinh tế xã hội, trong đó có nhiều công nghệ mang tính nền tảng, công nghệ lõi để tiếp tục phát triển các quy trình công nghệ, sản phẩm mới đưa vào ứng dụng thực tiễn như công nghệ tế bào gốc, công nghệ nano, công nghệ plasma, công nghệ chế tạo nhựa phân hủy sinh học, .. Một số công nghệ của Viện Hàn lâm đã được chuyển giao và ứng dụng trong thực tiễn như công nghệ chế tạo sét van sử dụng trong bảo trì đường truyền tải điện quốc gia, công nghệ chế tạo vật liệu composít chịu nhiệt và chống cháy sử dụng chế tạo gioăng đạn cối 82M, công nghệ tinh chế tiền chất dược phẩm,... Đồng thời Viện Hàn lâm cũng tham gia xây dựng nhiều tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế.

Trong năm 2022, Viện Hàn lâm tiếp tục triển khai tốt các nhiệm vụ do Chính phủ giao như hoạt động của Trung tâm báo tin động đất và cảnh báo sóng thần, vận hành ổn định vệ tinh quan sát trái đất VNREDSat-1, (*vệ tinh này đã hoạt động gần 10 năm, thời gian hoạt động gấp đôi thời gian thiết kế*), hoạt động của Trung tâm Giám định ADN hài cốt liệt sỹ, vận hành ổn định hệ thống đài trạm quan trắc các thông số địa chất, môi trường, địa vật lý, vật lý khí quyển, hải dương,... trên cả nước và triển khai các hoạt động điều tra cơ bản, cung cấp các dữ liệu nền cho các bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quản lý nhà nước, góp phần bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Triển khai định hướng gắn kết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, các đơn vị đào tạo của Viện Hàn lâm đã đổi mới chương trình đào tạo, triển khai nhiều chương trình thu hút và hỗ trợ nhà khoa học trẻ, hình thành các nhóm nghiên cứu xuất sắc trong các lĩnh vực chuyên sâu. Hiện nay, Viện Hàn lâm đang đào tạo hơn 2000 sinh viên bậc đại học, 565 học

viên cao học và gần 400 nghiên cứu sinh trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên. Hai trung tâm quốc tế về Toán học và Vật lý (đây là 2 trung tâm được Unesco công nhận và bảo trợ duy nhất tại Việt Nam và là 2/17 Trung tâm tại Asean) đã góp phần đào tạo cán bộ trình độ cao không chỉ cho Việt Nam mà còn cho các nước trong khu vực và thế giới. Điều này cũng khẳng định được uy tín của Việt Nam trong một số lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Viện Hàn lâm đã hoàn thành và được Chính phủ phê duyệt Nghị định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức vào ngày 24/12/2022. Ngay sau khi có Nghị định, Viện Hàn lâm đã triển khai xây dựng, ban hành các quy định, quy chế phù hợp với Nghị định, tổ chức triển khai việc sáp nhập các đơn vị trực thuộc đảm bảo thực hiện thành công công tác tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2025. Công tác chuyển đổi số trong quản lý khoa học và điều hành của Viện Hàn lâm đã được quyết liệt thực hiện. Đến nay các hoạt động đăng ký, đề xuất, phê duyệt, thống kê các kết quả nghiên cứu đã được thực hiện trên môi trường mạng bằng hệ thống do Viện Hàn lâm tự xây dựng và vận hành, đã tiết kiệm nhiều thời gian, giảm được hơn 80% văn bản giấy so với trước đây, đặc biệt việc sử dụng Hệ thống này cho phép thu thập, chuyển đổi dữ liệu, số hóa hồ sơ tài liệu để lưu trữ vào một cơ sở dữ liệu tập trung; thực hiện quản lý và khai thác dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

Về công tác giải ngân, mặc dù đã quyết liệt thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên tính đến ngày 31/12, Viện Hàn lâm chỉ giải ngân được khoảng 30% kế hoạch vốn. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn vốn ODA của Viện Hàn lâm rất lớn, chiếm 91,2% kế hoạch vốn năm 2022 và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cũng như ảnh hưởng của xung đột Nga - Ucraina gây gián đoạn nguồn cung nguyên vật liệu chế tạo các thiết bị khoa học. Viện Hàn lâm đã có báo cáo về một số khó khăn, vướng mắc tại báo cáo đầy đủ và đã gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ.

2. Phương hướng kế hoạch năm 2023:

Đối với năm 2023, kế thừa những thành tựu của 02 năm vừa qua, Viện Hàn lâm đã xây dựng phương hướng và kế hoạch hoạt động năm 2023, trong đó một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là:

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung triển khai nghiên cứu phát triển công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xanh và ứng phó biến đổi khí hậu...

- Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ do Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao. Tập trung thúc đẩy giải ngân ngay từ đầu năm 2023.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý của Viện Hàn lâm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Xây dựng các chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn như xây dựng quy định

để vinh danh, khuyến khích các cán bộ khoa học thực hiện tốt các công tác ứng dụng, triển khai...

Các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo bám sát các quan điểm, chủ trương của Đảng cũng như phương châm hành động của Chính phủ trong năm 2023 là “Đoàn kết, kỷ cương; bản lĩnh, linh hoạt; đổi mới sáng tạo; kịp thời, hiệu quả”./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

“Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2021-2025; nền kinh tế được mở cửa trong trạng thái bình thường mới, dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, tạo tiền đề quan trọng để phục hồi và phát triển KTXH; các hoạt động văn hóa - xã hội dần trở lại bình thường. Tuy nhiên, do độ mở lớn, sức chống chịu và khả năng thích ứng chưa cao, nền kinh tế nước ta còn gặp nhiều khó khăn... gây ảnh hưởng đến tiến trình phục hồi và phát triển KTXH.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã mạnh dạn mở cửa, nới lỏng chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực có những chuyển biến lớn, phức tạp và khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; do ảnh hưởng của xung đột Nga - Ucraina cùng với những hậu quả của đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo; áp lực lạm phát tăng cao; tình trạng mất an ninh năng lượng, an ninh lương thực, giá dầu và một số hàng hóa quan trọng, chiến lược tăng cao; chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn...

Trong bối cảnh khó khăn đó, trong năm 2022, Đài TNVN đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyên truyền với điểm nhấn là các chương trình lớn, được đầu tư công phu, có sức lan tỏa mạnh mẽ. Đặc biệt, Đài TNVN tiếp tục là một trong những cơ quan báo chí tiên phong, có đóng góp tích cực, hiệu quả trong công tác tuyên truyền về phòng, chống dịch Covid-19 và các giải pháp phục hồi, phát triển KTXH.

I. Một số kết quả đạt được

- Hoạt động của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; đặc biệt là các hoạt động đối ngoại được Đài TNVN tuyên truyền đầy đủ, kịp thời, ở mức độ cao. Các sự kiện chính trị được thông tin kịp thời, toàn diện, như: Các Hội nghị Trung ương; Phiên họp quan trọng của Chính phủ (trong đó có các Phiên họp Chính phủ thường kỳ, Chính phủ xây dựng pháp luật; Phiên họp của BCD Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19; của Ủy ban Quốc gia về chuyên đổi số...) và Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với địa phương diễn ra hôm nay (03/01/2023). Đài TNVN tập trung tuyên truyền các Phiên họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đưa tin, bình luận, giới thiệu nội dung Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 6 và các Nghị quyết của Bộ Chính trị; các Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng, miền đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; tuyên truyền việc đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống; thông tin đậm nét Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai

đoạn 2012-2022; Hội thảo Văn hóa năm 2022: “Thế chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa”...

- Trong lĩnh vực kinh tế, Đài TNVN tập trung tuyên truyền các Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP, 11/NQ-CP của Chính phủ và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội. Phản ánh thành tựu phát triển về KTXH của đất nước và các địa phương gắn với vai trò Lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí... Đài đã tổ chức sản xuất, phát sóng/đăng tải nhiều tin, bài có gam màu sáng, tích cực lạc quan, truyền cảm hứng cho xã hội, như: Tinh thần khởi nghiệp, gương sáng, những tín hiệu tích cực về tình hình KTXH; Đánh giá tích cực của quốc tế trong dự báo tăng trưởng của Việt Nam; những câu chuyện nhân văn; Nỗ lực của Chính phủ, địa phương để thúc đẩy KTXH phát triển.

- Là cơ quan báo chí lớn, có diện phủ sóng rộng ở thành phố, đặc biệt là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới hải đảo, Đài TNVN thực sự trở thành công cụ quan trọng trong truyền thông về công tác phòng, chống dịch Covid-19. Những nỗ lực khắc phục sự đứt gãy của chuỗi cung ứng, lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, phấn đấu kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn quốc được thông tin đậm nét. Các kết quả tích cực sau một năm thực hiện Nghị quyết số 128 của Chính phủ ngày 11/10/2021 và các Nghị quyết, Chỉ thị khác được Đài TNVN tổ chức thành tuyến nội dung tuyên truyền dày dặn trên các kênh phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử và nền tảng số.

- Với những vấn đề lớn, hệ trọng của đất nước, Đài TNVN luôn là cơ quan báo chí đi đầu trong truyền thông chính sách; là vũ khí lý luận sắc bén của Đảng, Nhà nước để định hướng dư luận trên mặt trận tư tưởng; tích cực đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Các vấn đề quốc tế được các kênh phát thanh, truyền hình, báo điện tử phối hợp với Cơ quan thường trú của Đài ở nước ngoài cập nhật thông tin, bình luận sâu về những vấn đề, sự kiện “nóng” trên thế giới; qua đó, cung cấp cho công chúng bức tranh toàn cảnh thế giới một cách toàn diện, đầy đủ và sâu sắc.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Năm 2022, Đài TNVN được giao 460.100 triệu đồng. Ước ước tính đến 31/01/2022, Đài TNVN giải ngân khoảng 85% kế hoạch năm được giao.

II. Những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế

- Do đặc thù hoạt động của Đài TNVN là thực hiện nhiệm vụ chính trị, nên khả năng khai thác các nguồn thu dịch vụ hạn chế. Trong bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn và tình hình bất ổn của thế giới, nguồn thu sự nghiệp của Đài còn hạn chế, cộng sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình truyền thông mới... đã hưởng rất lớn đến khả năng thu hút quảng cáo của Đài. Bên cạnh đó, theo lộ trình hằng năm, Bộ Tài chính thực hiện cắt giảm 2,5% phần kinh phí NSNN hỗ

trợ cho Đài TNVN. Điều này đã gây áp lực lớn cho Đài trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Hệ thống trang thiết bị và cơ sở vật chất ở nhiều đơn vị trực thuộc Đài TNVN xuống cấp dẫn tới hiệu suất không cao. Nhu cầu kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, đầu tư mua mới máy móc thiết bị là khá lớn, mặc dù được Nhà nước ưu tiên cấp ngân sách nhưng mới đáp ứng được một phần nhu cầu thực tế.

III. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

- Đài TNVN tiếp tục bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, tiếp tục thông tin chính xác, kịp thời, toàn diện, sâu sắc các vấn đề, sự kiện trong nước và thế giới; Các giải pháp điều hành của Chính phủ nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển KTXH; đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống; Đẩy mạnh hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với sự phục hồi nền kinh tế sau đại dịch; Thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại, nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; Tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái; Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông: Kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước; các phiên họp của BCH Trung ương Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, hoạt động của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước...

- Khai thác tối đa nguồn tin, bài chất lượng cao, có chọn lọc kỹ từ truyền thông quốc tế phục vụ công chúng Việt Nam. Củng cố, đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các Đài PT-TH quốc tế, nhất là đối tác truyền thông, góp phần nâng cao vị thế của Đài TNVN nói riêng và đất nước nói chung.

- Xây dựng Phương án cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định tại Nghị định số 92/2022/NĐ-CP ngày 02/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài TNVN. Đẩy mạnh chuyển đổi số; Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 đi đôi với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Hoàn thiện Đề án “Lập Cơ quan Thường trú Đài TNVN tại Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland”, Đề án “Xây dựng nền tảng Phát thanh số quốc gia” và Đề án “Bàn giao nguyên trạng Trường Cao đẳng PT-TH I từ Đài TNVN về UBND tỉnh Hà Nam quản lý” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của các đơn vị. Rà soát, sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung các quy định, quy chế tài chính của Đài phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Nhà nước. Đôn đốc các chủ đầu tư nhanh chóng hoàn thiện thủ tục hồ sơ, bảo đảm kế hoạch giải ngân và tiến độ thực hiện các dự án theo đúng quy định pháp luật.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển Hệ thống hạ tầng kỹ thuật sản xuất, cung cấp nội dung số đa nền tảng, đa phương tiện đảm bảo tính chuyên biệt, độc lập do Đài TNVN làm chủ về công nghệ, trang thiết bị, quy trình quản lý khai thác.

- Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng phủ sóng các Kênh Phát thanh quốc gia thiết yếu, như: VOV1, VOV2, VOV3, VOV Giao thông tại khu vực đông dân cư, dọc quốc lộ, tỉnh lộ trên phạm vi toàn quốc; sóng FM các Kênh VOV1, VOV2, VOV3 tiến tới phủ sóng 100% địa bàn dân cư cả nước; sóng FM tiếng dân tộc thiểu số đạt 80% địa bàn dân cư.

- Tăng cường phủ sóng biển đảo, đặc biệt khu vực quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam; sóng phát thanh đối ngoại; Ứng dụng các công nghệ, phương thức phát sóng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tiếp tục thực hiện xử lý các phần việc sau công tác bàn giao nguyên trạng Đài THKTS VTC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về trực thuộc Đài TNVN.

IV. Kiến nghị, đề xuất

- Đài TNVN kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tăng cường định hướng, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt hơn nữa đối với các cơ quan truyền thông; có cơ chế đặt hàng định kỳ hoặc khi có vấn đề, sự kiện nổi bật phát sinh, ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống KTXH, văn hóa của đất nước.

- Chính phủ sớm ban hành Nghị định quy định khung tiêu chuẩn chung của các chức danh lãnh đạo, quản lý; ban hành các Nghị định điều chỉnh nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức khi Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; cần có sự liên thông, thống nhất về quy trình, trình tự, trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác bổ nhiệm cán bộ giữa hệ thống các văn bản (Đảng và chính quyền).

- Điều chỉnh tỷ lệ tinh giản biên chế cho phù hợp giữa các đơn vị trong hệ thống chính trị, tránh quy định tỷ lệ chung 10% như hiện nay. Đặc biệt đối với các đơn vị sự nghiệp công lập như Đài TNVN - đơn vị được xác định là một trong 6 cơ quan báo chí đa phương tiện, chủ lực.

- Cho phép các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên được quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, giúp các đơn vị chủ động bố trí, sắp xếp nhân sự phù hợp để hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời vẫn thực hiện nghiêm chính sách tinh giản biên chế.

- Đề nghị Chính phủ quan tâm, giao ngân sách ổn định hàng năm cho sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị đã cũ; hỗ trợ kinh phí thường xuyên cho những nhiệm vụ tăng thêm; ban hành cơ chế tài chính phù hợp để đảm bảo hoạt động ổn định, tạo nguồn lực phát triển cho Đài TNVN hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan truyền thông chủ lực của đất nước.

- Tập trung tháo gỡ triệt để những khó khăn, vướng mắc cho Đài THKTS VTC, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hiệu quả của đơn vị”./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

1. Khái quát tình hình KTXH năm 2022 và vai trò quản lý nhà nước, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Năm 2022, có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, mới hơn, phức tạp hơn, tình hình thế giới biến động rất nhanh, khó dự báo và chưa có tiền lệ ... Tuy nhiên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương đã chỉ đạo, điều hành đúng hướng, quyết liệt, thống nhất, bài bản, khoa học, linh hoạt, kịp thời với phương châm hành động được xác định từ đầu năm 2022 là “Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển” và tinh thần quyết tâm phục hồi KTXH nhanh, phát triển bền vững; tình hình KTXH nước ta năm 2022 tiếp tục khởi sắc và đạt được nhiều kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có một số kết quả trọng tâm: phục hồi phát triển kinh tế; Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội và ổn định đời sống nhân dân; Quyết liệt thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, giảm cấp trung gian thông qua việc Chính phủ đã ban hành hầu hết Nghị định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ...

Có được kết quả đó là do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: (1) quyết liệt trong việc xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, phương án, kịch bản điều hành cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn và (2) quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên tất cả các lĩnh vực, bảo đảm chủ động, linh hoạt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, xử lý, ứng biến nhanh, có đối sách, giải pháp phù hợp, kịp thời và có trọng tâm, trọng điểm; (3) sau khi Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ được ban hành, phương thức làm việc của Chính phủ được đổi mới mạnh mẽ. ...

2. Vai trò quan trọng của công tác thông tin, tuyên truyền trong việc phản ánh trung thực dòng chảy chính của KTXH Việt Nam năm 2022

Trước bối cảnh đó, công tác thông tin, tuyên truyền đã được đổi mới và nâng cao, khẳng định được vai trò quan trọng trong việc phản ánh trung thực dòng chảy chính của xã hội Việt Nam, lan tỏa năng lượng tích cực, củng cố niềm tin và sự đồng thuận trong xã hội, góp phần tạo ra sức mạnh tinh thần để Việt Nam bứt phá vươn lên; khơi dậy tinh thần đoàn kết, tạo đồng thuận xã hội, hạn chế khủng hoảng truyền thông. Cụ thể, các cơ quan thông tấn, báo chí đã đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách

pháp luật của Nhà nước, các sự kiện chính trị thời sự, hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ đạo đa dạng hóa các biện pháp, hình thức thông tin, truyền thông, tuyên truyền, định hướng dư luận, thông tin kịp thời, khách quan, chính xác, khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, tạo đồng thuận, tin tưởng của người dân, doanh nghiệp về chủ trương, chính sách, biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển KTXH, đấu tranh phòng, chống tham nhũng góp phần quan trọng để đưa các chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống.

Năm 2023, các cơ quan báo chí, trong đó có Đài THVN tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội; chủ động thông tin khách quan, chính xác, kịp thời, hiệu quả; chú trọng đấu tranh phản bác, thông tin xấu, độc, sai sự thật; tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng với các cơ quan báo chí. Các cơ quan quản lý cần chủ động hơn nữa trong việc định hướng, cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan báo chí để giúp cho công tác tuyên truyền có chiều sâu và thuyết phục hơn.

3. Đài THVN với nhiệm vụ truyền thông chính sách

Phát huy vai trò cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện, với tinh thần đổi mới sáng tạo, năm 2022, Đài THVN chủ động thông tin kịp thời, nhanh chóng và đúng định hướng tình hình phát triển kinh tế - xã hội đất nước cũng như các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đồng hành cùng Chính phủ, Đài THVN luôn đi đầu để dẫn dắt và định hướng dư luận, tập trung thông tin có chiều sâu các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô, đảm bảo cán cân tài chính, ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, chăm lo đến đời sống của người dân. Các vệt tuyên truyền đã góp phần tăng cường sự đồng thuận xã hội, thể hiện rõ nét quyết liệt trong điều hành của Chính phủ để thực hiện hai nhiệm vụ trọng tâm của năm, vừa đưa ra được giải pháp giúp giảm sức nóng của dư luận. Những câu chuyện về lòng nhân ái, việc tử tế trong xã hội, gương người tốt việc tốt là chủ đề được tuyên truyền tạo điểm nhấn, góp phần lan tỏa sự nhân văn trong xã hội. Thông qua các phóng sự, các chương trình phát sóng đã tạo nên gam màu tươi sáng, truyền cảm hứng cho mỗi khán giả.

Năm 2022, công tác tuyên truyền về phòng, chống dịch Covid-19 bám sát theo chỉ đạo và thích ứng linh hoạt với từng giai đoạn thực tế, góp phần tích cực và truyền tải thành công những chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 trong việc nâng cao nhận thức của người dân về dịch bệnh, đẩy nhanh tỷ lệ hoàn thành các mũi tiêm phòng Covid-19, đặc biệt là đối với trẻ em.

Chủ đề đấu tranh phản bác, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng luôn được chú trọng tuyên truyền, trong đó mũi nhọn là chuyên mục “Đổi diện”. Tiếp tục phát huy vai trò chủ công, nhiều chủ đề sau khi được phát sóng đã có sức lan tỏa cao, sự ảnh hưởng trong xã hội như: Phản bác luận điệu Đảng, Nhà nước không lo cho dân; Nhận diện thủ đoạn xuyên tạc các thành tựu nhân quyền; Chống

xuyên tạc chính sách đất đai;... đã đấu tranh trực diện, phản bác luận điệu bịa đặt của các thế lực thù địch, củng cố niềm tin của nhân dân vào chủ trương của Đảng, sự điều hành của Nhà nước.

Trong công tác truyền thông chính sách, thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”, Đài THVN đã nghiêm túc và chủ động triển khai các nội dung theo Đề án yêu cầu.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu của Đề án, Đài THVN đề nghị: (1) Thủ trưởng các ban, bộ, ngành, địa phương chủ động quán triệt, chỉ đạo nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác truyền thông dự thảo chính sách; phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong vận động, khuyến khích Nhân dân quan tâm, tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo chính sách. (2) cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật chủ động, kịp thời xây dựng Kế hoạch tổ chức truyền thông dự thảo chính sách hàng năm; tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin góp ý, phản hồi, phản biện xã hội để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với Đài THVN, để có nguồn lực truyền thông chính sách thật sự hiệu quả, bên cạnh nguồn lực tự chủ của Đài THVN, phải có nguồn lực đặt hàng, giao nhiệm vụ của nhà nước, đặc biệt là với các cơ quan báo chí chủ lực có ảnh hưởng lớn đến xã hội. Bên cạnh việc Nhà nước hỗ trợ nguồn lực về vật chất khi đặt hàng, giao nhiệm vụ, cần coi việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật cũng là một nguồn lực để đầu tư phát triển cho các cơ quan báo chí thông qua chính sách miễn giảm thuế, cấp phép dịch vụ phát thanh truyền hình trả tiền...cho cơ quan báo chí.

Thực tế, hệ thống các kênh tin tức, phổ biến giáo dục, phục vụ hoạt động truyền thông chính sách tập trung chủ yếu trên 07 kênh truyền hình quảng bá và cả các nền tảng số. Chi phí để đảm bảo cho hệ thống truyền thông chính sách của Đài đặc biệt lớn, gần 1200 tỷ/năm (chưa bao gồm chi phí khấu hao)/.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Năm 2022, trong bối cảnh với nhiều khó khăn, thách thức đan xen, toàn Ngành BHXH Việt Nam đã luôn bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương để triển khai nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả, quyết liệt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; các đơn vị trực thuộc, BHXH các địa phương cùng với công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành BHXH Việt Nam đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, quyết tâm, chủ động triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, đạt được nhiều kết quả nổi bật, hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch. Cụ thể:

(1) Độ bao phủ người tham gia BHXH, BHYT, BHTN tiếp tục được mở rộng, hoàn thành vượt các chỉ tiêu mà BHXH Việt Nam được giao tại Nghị 01/NQ-CP.

- Đến ngày 31/12/2022: số người tham gia BHXH là 17,5 triệu người, đạt tỷ lệ 38,08% so với lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 0,08% so với Nghị quyết số 01/NQ-CP); số người tham gia BHTN là 14,330 triệu người, đạt tỷ lệ 31,18% so với lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 0,18% so với Nghị quyết số 01/NQ-CP); số người tham gia BHYT là 91,074 triệu người, đạt tỷ lệ 92,04% so với dân số (vượt 0,04 so với Nghị quyết số 01/NQ-CP).

- Lũy kế cả năm toàn Ngành thu là 435.168 tỷ đồng, vượt 11.354 tỷ đồng so với Kế hoạch Chính phủ giao (*trương đương 2,68%*).

(2) Việc thực hiện chi trả các chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN luôn được triển khai kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Cả năm 2022, Ngành BHXH Việt Nam giải quyết cho khoảng 95.662 hồ sơ hưởng lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng; 1.113.164 người hưởng trợ cấp 1 lần (*trong đó 895.598 người nghỉ việc hưởng BHXH một lần*); giải quyết 10.920.098 lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. Đồng thời, phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết cho 977.607 người hưởng các chế độ BHTN; trong đó 957.511 người hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp và 20.096 người hưởng chế độ hỗ trợ học nghề. Năm 2022, ước cả nước có khoảng 151,388 triệu lượt người khám chữa bệnh (KCB) BHYT nội trú và ngoại trú; Số chi KCB BHYT là 106.732 tỷ đồng.

Đặc biệt, năm 2022, Ngành BHXH Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với chi trả các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp (TCTN) (*Đến hết năm 2022 có khoảng 61% số người nhận các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản các nhân tại khi vực đô thị, vượt chỉ*

tiêu được giao tại Quyết định số 1813/QĐ-TTG ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025).

(3) Ngành BHXH Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong từng lĩnh vực công tác

Trên cơ sở nền tảng, hạ tầng CNTT sẵn có, ngành BHXH Việt Nam tiếp tục tập trung, ưu tiên nguồn lực, quyết liệt, đẩy mạnh triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong từng lĩnh vực công tác của Ngành với mục tiêu là phục vụ tốt nhất quyền lợi của doanh nghiệp, người dân và các chủ thể tham gia BHXH, BHYT.

Với việc xây dựng, hoàn thiện kho CSDL hơn 98 triệu dân, là nền tảng CSDL Quốc gia về bảo hiểm, BHXH Việt Nam đã kết nối thành công với CSDL quốc gia về dân cư ngay từ khi CSDL quốc gia về dân cư được đưa vào vận hành chính thức. (Đến ngày 31/12/2022, hệ thống của BHXH Việt Nam thực hiện xác thực thông tin nhân khẩu cho tối thiểu 90% người tham gia trong CSDL do BHXH Việt Nam quản lý với CSDL quốc gia về dân cư; toàn quốc có hơn 12.000 cơ sở KCB triển khai KCB BHYT bằng CCCD gắn chip, đạt khoảng 95% cơ sở KCB BHYT trên toàn quốc với khoảng 8 triệu lượt tra cứu thông tin phục vụ KCB BHYT).

Triển khai Đề án 06, BHXH Việt Nam đã và đang tích cực phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, như: việc triển khai công nghệ xác thực sinh trắc dựa trên thông tin sinh trắc được tích hợp trên CCCD gắn chip và trên dữ liệu của CSDL Quốc gia về dân cư để hạn chế và ngăn chặn trục lợi khi đóng, hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; triển khai thí điểm 02 dịch vụ công trực tuyến tại Hà Nội và Hà Nam: Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm Y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí; triển khai sô sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNEID;...

(4) Trước bối cảnh khó khăn của đại dịch Covid-19, BHXH Việt Nam đã chủ động phối hợp với các Bộ, ban ngành, chính quyền địa phương kịp thời triển khai các giải pháp linh hoạt nhằm hỗ trợ người lao động (NLĐ), người sử dụng lao động (NSDLĐ) khắc phục khó khăn, góp phần giúp doanh nghiệp (DN) phục hồi kinh doanh, sản xuất và ổn định đời sống của NLĐ, đồng thời đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho người tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

Kết quả, tính đến hết tháng 9/2022, với sự quyết tâm cao của toàn Ngành cùng hệ thống công nghệ thông tin, dữ liệu sẵn có, ngành BHXH Việt Nam đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các gói hỗ trợ theo các Nghị quyết của Chính phủ (Nghị quyết số 42/NQ-CP; Nghị quyết số 154/NQ-CP; Nghị quyết số 68/NQ-CP; Nghị quyết số 116/NQ-CP; ...) và giảm mức đóng từ quỹ BHXH, quỹ BHTN cho NLĐ và NSDLĐ bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 với tổng chi phí trên 47,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,3% trên tổng các gói hỗ trợ Covid-19 của Chính phủ (87.000 tỷ đồng).

(Đối với các nội dung công tác khác, BHXH Việt Nam đã có báo cáo chi tiết gửi Văn phòng Chính phủ)

*** Về một số khó khăn, thách thức chủ yếu:**

Một là, việc khai thác, phát triển người tham gia BHXH tự nguyện còn hạn chế, số người tham gia BHXH tự nguyện dừng không tiếp tục tham gia có xu hướng tăng; nguyên nhân một phần là do thay đổi mức đóng BHXH tự nguyện trong năm 2022, cùng với đó là ảnh hưởng của dịch bệnh, mức giá sinh hoạt tăng cao cũng ảnh hưởng đến cuộc sống, thu nhập của người dân.

Hai là, tình trạng chi vượt trần, vượt dự toán, vượt tổng mức thanh toán vẫn còn xảy ra ở nhiều cơ sở KCB; công tác tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT tại một số địa phương còn vướng mắc do cơ chế, chính sách.

Ba là, nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, dẫn đến tình trạng chây ì, trốn tránh trách nhiệm đóng BHXH, BHYT, nợ số tiền lớn, thời gian kéo dài.

*** Về bài học kinh nghiệm:**

Thứ nhất, tranh thủ, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ đối với công tác BHXH, BHYT; đoàn kết, kỷ cương, chủ động, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành Trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật BHXH, BHYT.

Thứ hai, nắm chắc, bám sát tình hình, yêu cầu thực tiễn, chủ động phân tích, đánh giá, nâng cao năng lực dự báo để kịp thời có phương án, kịch bản, giải pháp chỉ đạo, điều hành "từ sớm, từ xa" đối với những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cần phải rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; có nhận thức và hành động đúng đắn, kịp thời, quyết liệt, thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

Thứ ba, phối hợp với các cấp, ngành giải quyết đồng thời, hài hòa 02 vấn đề quan trọng, đó là: (i) vừa giải quyết, chi trả đầy đủ, kịp thời quyền lợi của người tham gia, thụ hưởng (ii) vừa kiểm tra, giám sát, phòng ngừa gian lận, lạm dụng, trục lợi quỹ; đảm bảo thu, chi, đầu tư tăng trưởng hiệu quả, an toàn và tối ưu nguồn Quỹ BHXH, BHTN, BHYT.

Kính thưa các đồng chí!

Để thực hiện hiệu quả chính sách BHXH, BHTN đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong tình hình mới hiện nay, BHXH Việt Nam kiến nghị, đề xuất một số nội dung sau:

(1) Đề xuất với Chính phủ: quan tâm, xem xét tăng mức hỗ trợ cho người tham gia BHXH tự nguyện từ nguồn ngân sách Trung ương và địa phương, có chế độ đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số, có phương án hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã giảm theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; hỗ trợ đóng BHYT cho nhóm đối tượng không còn được hỗ trợ từ

ngân sách nhà nước sau khi Quyết định 861/QĐ-TTG và Quyết định 353/QĐ-TTg được ban hành.

2. Đề xuất với Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan trung ương, địa phương và các cơ quan truyền thông báo chí phối hợp với cơ quan BHXH trong việc tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sớm hoàn thiện cơ chế, chính sách về BHXH theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW; triển khai có hiệu quả chính sách BHXH, BHTN, BHYT hướng tới mục tiêu BHYT toàn dân.

Các Bộ, Ban, Ngành, tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động hơn nữa trong phối hợp với BHXH Việt Nam tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông chính sách, pháp luật BHXH, BHTN, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân. Ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông BHXH, BHTN; các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BHXH, BHTN; Các cơ quan truyền thông báo chí chủ động tăng thêm thời lượng thông tin, truyền thông về BHXH, BHTN. Khi có những vấn đề nhạy cảm phát sinh, các đơn vị phối hợp, trao đổi để BHXH Việt Nam kiểm chứng, xác minh tính chính xác, khách quan, tin cậy của những nội dung, thông tin đó trước khi đăng tải, phát sóng, tránh sự hiểu lầm trong dư luận xã hội./.